

NGÀY 15 THÁNG 10 NĂM 1964

BACH KHOA

năm thứ tám

VŨ - BẢO *những nhận định mới về tấn công và phòng thủ trong cuộc chiến tranh nguyên tử* •
NGUYỄN - HIỂN - LÊ *cần nâng cao tri thức của đại chúng* • NGUYỄN - NGỌC - NÊ *chính sách ngoại giao của Thái - Lan* • TRƯƠNG - VĂN - CHỈNH *vấn đề dạy sinh ngữ tại cấp Trung-học* • PHẠM - TRỌNG - NHÂN *về vụ tranh chấp Malay-sia/Indonésia trước hội đồng Bảo - An Liên - Hiệp - Quốc* • DOHAMIDE *tập tục của người Hồi - giáo* • TRẦN - THIÊN *tiếng nói nhân dân* • HOÀNG - ĐÔNG - PHƯƠNG *vòng tay học trò* • THANH - THUYỀN — HUY - LỰC — HỮU - PHƯƠNG *LÊ - ĐÌNH PHẠM - PHÚ thơ* • TÚY - HỒNG *vết thương dậy thì* • CỎ PHƯƠNG - THẢO *đọc « Những người đang tới » của Đỗ - Thúc - Vịnh* • **SINH - HOẠT** *Vũ-H-Chương nói về tâm hồn thi sĩ Nguyễn - Du — Nguyễn - Văn - Hầu, người làm sống lại các nhà cách mạng miền Nam* •

187



Thanh thoát
Fine
Địu dàng
Racée
Tonique

NUỐC HOA "NGÔI SAO"
EAU DE COLOGNE
"L'ÉTOILE"



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{IE} F^{AB} DES DISTILLERIES DE L. I. G. D. & C.

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE
 Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
 en vérifiant que la capsule inviolable
 que comportent les bouteilles
 d'origine sous leur bouchon à
 vis est bien en place



NUỐC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIÀ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
 mua quý ngài nên để đặt kiểm
 soát lại nắp chì giữa gian
 bọc ở miệng chai chính góc
 nằm phía trong nắp vặn
 đinh ốc còn nguyên vẹn.

DIC



AIP

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng chính (Siège Social)

ĐÀI BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện thoại : 36.268 và 36.269

KHO HÀNG : HƯ-KHỔ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictif et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thế, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 20.859

Danh sách điện báo : COMMUBANK



CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CA CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HƯ-KHỔ VÀ KHO THƯỜNG (ĐÈ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA) ; VÀ CÓ TỬ BAO HIEM CHO THUÊ, MỖI TỬ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TỪ 300\$ TRỞ LÊN.

BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 60.000.000 Silver Dollars

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Code : Peterson Internationale 4 th Edition

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES
LES GRANDES VILLES DU MONDE

SUCCURSALE DE SAIGON :

11, Bến Chương Dương

Téléphone : 21.632-21.633

AGENCE DE CHOLON :

218, đại lộ Đông-Khánh

Téléphone : 36.266

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCE COMPANY, LTD

Maritime — Incendie — Automobile — Accidents

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẠC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M

Số thương mại Saigon số : 157B

Q.G.D.B. : 55.826.21.001

C.C.P. SAIGON No 27.04

TRỤ SỞ : 29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tin : Fransibank

Chi-nhánh : Hàng Lang Eden; Saigon

Điện thoại : 23.207

*ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG*

ĐẠI - DIỆN CÁC NGÂN - HÀNG TRÊN THẾ - GIỚI

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5,300.000 FRANCS

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET NAM	SAIGON	AGENCE	32, Dai Lô Hàm - Nghi — Tél : 20 065, 20.066, 20.067,
		BUREAUX :	178 - 180 - 182, Duong Lê- Thanh-Tôn (Marché cen- tral) — Tél. : 22.142 415 - 417 Duong Hai Bà Trung (Tân-Dinh) — Tél. : 25.172.
		CHOLON :	AGENCE : 386, Dai lô Đông - Khanh (Cholon) — Tél. : 36.105.
	KHANH-HUNG :	AGENCE : 23, Duong Hoang-Diên.	

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG,
KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH KHOA

Bản nguyệt-san

Ben Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Dinh-Phung

Đ. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON

—:—

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA

DÀI HẠN

Phương danh độc giả _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thê thức trả tiền _____

_____ ngày _____ tháng _____ 1962

Ký tên

Giá báo dài hạn :

Một năm : 200 \$

6 tháng : 100 \$

— Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó

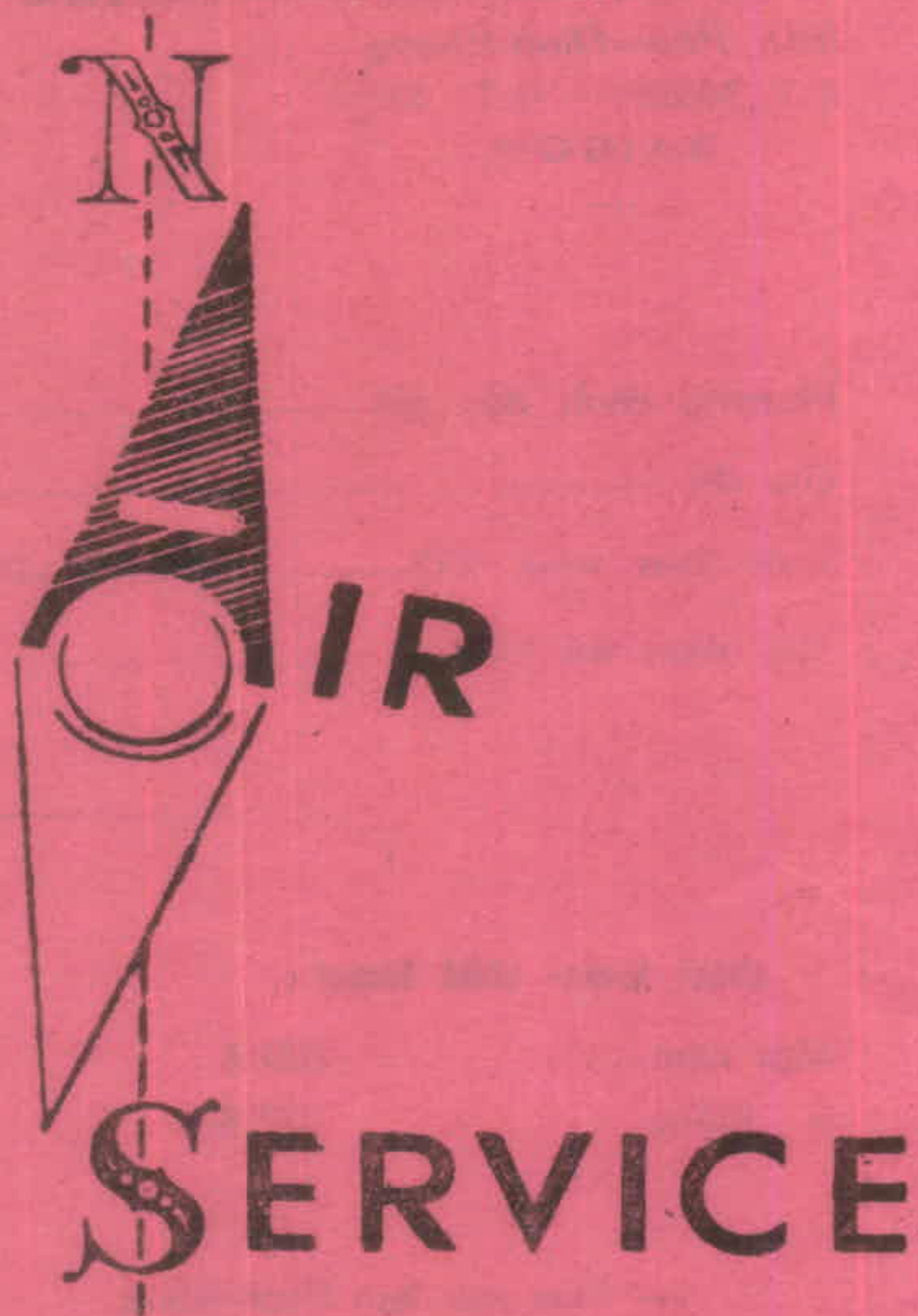
— trả trước 200 \$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60\$ (22 số thường 220 \$ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 = \$ 260 \$)

— Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhà trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu hoặc gửi bưu phiếu.

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime.



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- Pan American Airways
- Cathay Pacific Airways Ltd
- Thai Airways Company
- American Express
- United States Line

BÁCH

KHOA trong số này

Số 187 ngày 15 - 10 - 64

VŨ-BẢO những nhận định mới về tấn công và phòng thủ trong cuộc chiến tranh nguyên tử	5
NGUYỄN-HIẾN-LÊ cần nâng cao trí thức của đại chúng	13
NGUYỄN-NGỌC-NÊ chính sách ngoại giao của Thái-Lan (dịch L.P.Singh)	19
TRƯƠNG-VĂN-CHÍNH vấn đề dạy sinh ngữ tại cấp Trung-học	31
PHẠM-TRỌNG-NHÂN nhân vụ tranh chấp Malaysia/Indonésia trước hội đồng Bảo-An Liên-Hiệp-Quốc (tháng 9-64)	37
DOHAMIDE tập tục của người Hồi-Giáo	47
TRÀNG-THIÊN tiếng nói nhân dân (dịch Tahsin Yücel)	51
HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG vòng tay học trò (truyện dài)	61
THANH-THUYỀN điệp khúc Á-Châu (thơ)	67
HUY-LỰC tình yêu quê hương (thơ)	68
HỮU-PHƯƠNG đoản ca (thơ)	69
LÊ-ĐÌNH PHẠM-PHÚ đi xa — về phía mặt trời (thơ)	70
TÚY-HỒNG vết thương dậy thì (truyện hai kỳ)	71
CÔ PHƯƠNG-THẢO đọc « Những người đang tới » của Đỗ-Thúc-Vịnh	83
SINH - HOẠT	
NGUYỄN-NGU-Í tâm hồn thi sĩ của Nguyễn-Du (thuật buổi nói chuyện của thi sĩ Vũ-Hoàng-Chương) — Nguyễn-Văn-Hầu, người làm sống lại các nhà cách mạng miền Nam	89

BÁCH-KHOA

trong những số tới

- Từ Cửu Long Giang tới các thương cảng Saigon — Phnom-Penh — Sihanoukville — Một chút tìm hiểu về ngành ngoại giao* PHẠM-TRỌNG-NHÂN
- Jean Dupuis hay Bắc-kỳ tưng rỗi Góp ý kiến về kỹ thuật soạn thảo chương trình giáo dục* NGUYỄN-PHƯƠNG
TRƯƠNG-VĂN-CHÍNH
- Chính sách thi hành ở miền Bắc từ 1961 đến tháng 7/1964 (Họ Hồ 10 năm ở miền Bắc IV)* NHƯ-PHONG
- 110 triệu cử tri bầu tổng thống Hoa-Kỳ Nhạc Jazz* VŨ-BẢO
- Nhiệm-sắc-thề và di-truyền tính* TRẦN-VĂN-KHÊ
- Vấn đề phát triển ngành ngư nghiệp tại Việt-Nam* VÕ-QUANG-YẾN
- Lược-khảo về tiểu-thuyết trinh-thám Anh* LÊ-DŨNG-DÂN
- Những xu hướng mới trong âm nhạc* NGUYỄN-TRẦN-HUÂN
- Vài kỉ-niệm về nhà văn Nhất-Linh* TÔN-THẮT-TIỆT
- Một ngày của Ivan (Dịch A. Sol-jénitsyne)* NGUYỄN-NGU-Í
- Gió trên đồi (truyện ngắn)* NGUYỄN-MINH-HOÀNG
- Trường hợp của Mãnh (truyện ngắn)* TRÙNG-DƯƠNG
- Cái nhìn người Mẹ* NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ
VÕ-HỒNG

NHÂN TIN TRUNG - CỘNG CÓ THÈ
CHO NỖ BOM NGUYÊN TỬ

Vũ-Bào

NHỮNG NHẬN ĐỊNH MỚI
về tấn công và phòng thủ
trong cuộc chiến tranh nguyên tử

NGÀY còn đi học chúng ta thường được đọc trong các cuốn «Quốc Ān Giáo khoa thư» chuyện một anh chàng đi thuyền trên một dòng nước chảy, đánh rơi thanh kiếm xuống nước, vội đánh dấu vào mạn thuyền chỗ kiếm rơi, và tự hẹn với mình khi nào dừng thuyền, cứ theo chỗ đánh dấu mà lặn xuống mò chắc tìm thấy kiếm. Ngày đó thầy giáo thường giảng cho chúng ta cử chỉ nực cười của anh chàng mất kiếm, giữa một cuộc sống «động» như vậy mà đã có ý nghĩ «tĩnh» nhường kia.

Sự thực thì không phải chỉ trong cuốn tập đọc của chúng ta mới có anh chàng lảm cẩm như vậy. Tất cả chúng ta không biết bao lần đã ngồi thuyền nước trôi, và đánh rơi mất kiếm. Giữa những chuyển biến của cuộc sống, chúng ta vẫn thấy khó từ bỏ được những dấu vạch bên mạn thuyền, và trong những thực tại hết sức linh hoạt, nếp nghĩ của chúng ta hình như chỉ ư

dừng lại nghỉ ngơi trên một số ý kiến có sẵn. Điều này sẩy ra trên mọi lãnh vực văn hóa nghệ thuật, xã hội, kinh tế, chính trị, khoa học... Và không có một môn luyện tập nào hữu ích cho sự suy nghĩ bằng cách thỉnh thoảng đem ra xét lại một số ý kiến mà ta đã quen chấp nhận.

Công việc này vừa được một chuyên viên làm trong một lãnh vực riêng biệt. Trong một bài báo đăng ở tạp chí Politique Etrangère, sau khi nhận định rằng thế giới đang bước hẳn vào thời đại nguyên tử và kỷ nguyên mới này đã đem lại nhiều yếu tố buộc ta phải xét lại một số quan niệm mà tới đây đã được coi như là vững vàng nhất, ông Pierre Gallois đã bác bỏ bấy ý kiến quen thuộc vẫn được mọi người coi là chân lý trong cuộc chiến tranh nguyên tử. Nhưng nước chảy dưới thuyền... và bấy sự thực ấy nay đã bắt đầu sai.

I. — Ý kiến cho rằng một nước có thể tự vệ bằng các khí-giới phòng vệ nay không còn đúng nữa.

Loài người bắt đầu có chiến tranh kể đã có trên mười thế kỷ và khi có người nghĩ ra một khí giới tấn công thì sau đó lại có người nghĩ ra khí giới phòng vệ. Có ngọn mác thì có lá mộc, có gươm đao thì có áo giáp, có súng đạn lại có xe bọc sắt, có máy bay phóng pháo lại có khu trục cơ. Cái thế quân bình giữa khí giới tấn công và khí giới phòng vệ đó đã khiến cho một số quốc gia chỉ lo đến vấn đề phòng thủ của mình và không có mộng xâm lăng đất đai của một ai, có thể chỉ chăm chú lo làm sao cho đầy đủ vũ khí phòng thủ khả dĩ ngăn không cho kẻ lạ bước vào nhà. Đó là trường hợp của Thụy-Sĩ hay của Thụy-Điển, những nước không có tham vọng gì hơn là bảo vệ nền trung-lập của mình trong khuôn khổ một chủ nghĩa phòng vệ, theo một chính sách phòng vệ và với các khí giới phòng vệ.

Nhưng từ khi trái bom nguyên tử nổ ở Hiroshima thì cái tham vọng trên kia tuy chỉ nhũn nhặn có vậy, cũng không thực hiện nổi nữa.

Các nhà bác học đã thành công trong việc gói ghém vào các đầu phi đạn những sức tàn phá kinh khủng đến nỗi muốn phòng thủ một cách có hiệu quả thì phải làm sao phá được hầu hết các phi đạn trước khi chúng nổ? Tới nay thì chưa có một hệ thống phòng thủ nào đủ chặt chẽ để đạt kết quả đó. Các chuyên gia cho biết nếu nước nào có những khí giới phòng vệ đủ sức

chặn lại một trong hai phi đạn bắn tới thì đó đã là một kỳ công về khoa học và kỹ thuật. Cho rằng có một hệ thống phòng vệ tinh vi đến như vậy nữa, kẻ địch đáng lý phóng tới 30 trái nổ nguyên tử thì có thể phá hoại 30 cứ điểm chiến lược và làm tê liệt bộ máy chiến tranh của một nước, nay kẻ địch chỉ việc phóng tới 60 trái, dù một nửa số ấy sẽ bị chặn lại do hệ thống phòng vệ nói trên thì với một nửa còn lại kia địch cũng đủ thành công. Hơn nữa việc tăng gấp đôi phương tiện tấn công lại dễ làm hơn là việc chống đỡ lại sự tấn công đó. Và số chi phí về khí giới tấn công lại rẻ hơn nhiều so với số chi phí về hệ thống phòng thủ. Tại Hoa-Kỳ người ta đã tính rằng hệ thống phòng thủ đất gấp 30 lần các khí giới tấn công đủ sức phá vỡ hệ thống đó.

Thành ra trong một thời gian không biết là bao lâu nữa, người ta không thể nói chuyện phòng vệ trước một cuộc tấn công nguyên tử và cái thế quân bình giữa khí giới tấn công và khí giới phòng vệ nay đã lùi vào dĩ vãng. Sự phòng vệ dù có tới hiệu quả tối đa, kẻ địch chỉ việc tăng lên một chút số vũ khí tấn công là đủ đánh lệch cán cân một cách quyết định.

Các nước từ xưa đến nay vẫn chủ trương phòng vệ nay đã bắt đầu phải xét lại quan niệm của mình. Thụy Điển bên cạnh những khí giới phòng vệ đã lo đóng phi cơ phóng pháo và Thụy Sĩ đã bắt đầu bước sang lãnh vực nguyên tử. Các vũ khí phòng vệ cổ điển nay chỉ còn giá trị như những mũi tên tre.

Nói ra thì có vẻ nghịch lý nhưng Fidel Castro có thể bảo Hoa-Kỳ rằng các hỏa tiễn Nga-Sô để ở Cuba không phải là vũ khí tấn công mà chính là vũ khí phòng vệ vì còn cách nào phòng vệ khác hơn là khi Hoa-Kỳ tấn công bằng khí giới nguyên tử thì có thể đáp lễ ngay bằng đúng thứ khí giới Hoa Kỳ đã dùng.

Thành ra chính sách bất xâm lăng, chính sách phòng vệ thuần túy nay chỉ còn có thể dựa trên vũ-khí tấn công mà thôi. Vì không còn nước nào có thể phòng vệ một cách hiệu quả nữa, chiến tranh nguyên tử đi đến chỗ không thể chấp nhận được. Và càng là cường quốc nguyên tử càng phải nói chuyện ôn tồn với nhau, càng phải tránh bạo động. Ngay đối với một nước nhỏ có vũ khí nguyên tử, các nước mạnh hơn cũng không thể tính chuyện khuynh loát được vì đụng tới nhau thì không ai có thể lường được hết chuyện rủi ro.

Cả một quan niệm mới về an-ninh của thế giới được thành hình và quan niệm này bắt nguồn từ sự sụp đổ của chính sách phòng vệ cổ điển, từ sự mất thăng bằng giữa vũ khí phòng vệ và vũ khí tấn công.

2. — Ý kiến cho rằng kẻ tấn công trước có lợi hơn nay cũng những đúng nữa.

Nga Sô sẽ không tấn công Hoa Kỳ nếu chưa biết chắc là có thể phá hủy vũ khí của Hoa Kỳ trước. Và Tổng Thống Hoa-Kỳ cũng sẽ không ra lệnh tấn công Nga Sô nếu Ngũ Giác Đài chưa bảo đảm được là có thể phá hủy gần trăm phần trăm các vũ khí nguyên

tử Nga trước khi chúng được phóng vào đất Mỹ. Thế là hai bên tạm cắt vũ khí vào trong kho để ngồi vào bàn thảo luận, vì không bên nào dám chắc có thể hủy được toàn bộ vũ khí của bên kia dù mình ra tay trước chăng nữa. Chỉ làm con tính dưới đây là thấy rõ.

Kế hoạch vũ trang của Hoa Kỳ từ trước đến nay là đến năm 1968 Hoa Kỳ sẽ có 1200 hỏa tiễn chôn ngầm ở dưới đất. Muốn phá một hỏa tiễn đó, kẻ địch sẽ phải dùng tới 8 hay 10 hỏa tiễn tương tự. (1)

Như vậy Nga phải cùng một lúc phóng ra một loạt từ 9.600 đến 12.000 hỏa tiễn mới hy vọng hủy được những hỏa tiễn Mỹ đã chôn ngầm. Chưa ai nghĩ chưa để dành ở trong kho một số hỏa tiễn lớn lao đến như vậy, chưa ai nghĩ cả đến việc nên chế nhiều hỏa tiễn đến như vậy.

Mà cho rằng có đủ 12.000 hỏa tiễn người ta cũng không tưởng tượng được làm cách nào để phóng tất cả ra cùng một lúc. Ngay bây giờ phóng một hỏa tiễn vào một giờ nhất định đã thật khó khăn.

Đi xa thêm một bước nữa và cho rằng đủ 12.000 hỏa tiễn, cho rằng có thể phóng tất cả số đó ra cùng một lúc, cho rằng có thể hủy được các

(1) Thực ra ông Pierre Gallois còn tính một cách chưa thật sát. Theo một nhà vật lý học Hoa Kỳ, bác sĩ Ralph Lapp thì địch phải dùng tới 18 hỏa tiễn sức phá 10 triệu tấn mới có thể hủy được một hỏa tiễn của Hoa Kỳ chôn để chịu một sức công phá 7kg/cm². Các hỏa tiễn Minuteman hiện nay được chôn cất ngầm dưới những chiều dày có thể chịu được sức công phá trên 21kg/cm².

hỏa tiễn chôn ngấm của Hoa-Kỳ, thì vẫn còn những máy bay phóng pháo và những tàu ngầm của Hoa-Kỳ có thể phóng hỏa tiễn vào đất Nga. Làm sao mà biết được cùng một lúc vị trí của các tàu ngầm hay nơi xuất phát của máy bay phóng pháo.

Lý luận trên đúng cho Hoa-Kỳ thì cũng đúng cả cho Nga-Sô. Cả hai bên đều vấp phải một bài toán nan giải. Cả hai bên đều thấy rõ không thể nào nghi chuyện tấn công một nước biết cất giấu những phương tiện trả đũa nguyên tử.

Trái lại một nước bị tấn công và phải đứng vào thế trả miếng lại có những điểm lợi hơn kẻ tấn công. Sự trả miếng không nhằm vào các vũ khí nguyên tử của địch mà vào ngay hệ thống trang bị khoa học và kỹ nghệ của địch. Các vị trí này đều có thể biết rõ, lại không thể di chuyển dễ dàng được và một số tương đối nhỏ của các vị trí này thực ra thu góp gần hết tiềm lực của một dân tộc.

Ông Charles Hitch, giám đốc tài chánh của Ngũ Giác Đài đã tính ra rằng tất cả những tài nguyên căn bản, sinh tử đối với Hoa Kỳ, đều tập trung vào 64 vị trí. Đối với Nga-Sô con số đó còn ít hơn. Như vậy muốn làm tê liệt một trong hai đại cường quốc này chỉ cần khoảng 60 trái nỏ nguyên tử.

Thành ra tấn công đòi hỏi trên chục ngàn trái mà trả đũa chỉ cần giữ lại được vài chục trái là đủ rồi.

Kẻ tấn công không còn có lợi như trước nữa.

3. — Ý kiến cho rằng ai có đông quân số hơn sẽ thắng cũng đã bắt đầu sai.

Trước đây thì không còn gì đúng hơn. Nước có 100 sư đoàn chắc chắn sẽ mạnh hơn nước có 50 sư đoàn. Và ngay trong thời kỳ thế chiến thứ hai, Hoa-Kỳ với những trang bị kỹ thuật hùng hậu như vậy cũng đã huy động tới 11 triệu binh lính. Vì ngày đó xếp hàng được nhiều bộ ngực còn là một việc có ý nghĩa và đem lại phần thắng.

Ngày nay 1000 sư đoàn Trung Cộng khó mà chịu đựng được mấy phút tấn công của Nga Sô khi thống chế Sokolovsky tuyên bố Nga có những trái nỏ có thể đốt rụi 200.000 cây số vuông (ấy là chưa kể gần đây ông Krouchtchev còn cho biết Nga có những khí giới mạnh hơn nữa).

Một nước nhỏ có thể trở thành bằng vai với một đại cường quốc miễn là có vũ khí nguyên tử giống nhau dù với một số lượng ít hơn.

Nguyên tử đã bình-dẳng-hóa được các nước có vũ khí này cũng như đã bình - đẳng - hóa được các nước có quân số khác nhau. Ngày nay mang chiến thuật biển người ra cũng không thắng được một nước chỉ có một phần mười quân số. Trước đây người ta nói sự chênh lệch về số quân định đoạt cả số mệnh một dân tộc tham chiến. Ngày nay thì không có câu nói nào sai hơn.

4. — Ý kiến cho rằng những giai đoạn căng thẳng giữa các cường quốc là những thời kỳ nguy hiểm nay cũng không còn đúng nữa.

Trước kia tình hình thế giới căng thẳng thường đưa đến tổng động viên rồi từ đó đến chiến tranh. Cho nên ai nấy đều phập phồng lo sợ cho những thời kỳ căng thẳng.

Ngày nay, trái lại, các cường quốc càng bị báo động do tình hình căng thẳng thì lại càng đề phòng cẩn thận không để xảy ra những cuộc tấn công bất ngờ. Trái với sự lo sợ của mọi người, khi nào trong một khu vực tình hình trở nên căng thẳng giữa các cường quốc có những quyền lợi khác nhau, thì một cuộc chiến tranh nguyên tử lại càng khó xảy tới. Khi một bên không bất ngờ tấn công được bên kia thì không có gì đáng lo ngại. Và lẽ tất nhiên cả hai bên đều không bao giờ để cho mình bị tấn công bất ngờ.

5.— Nói như Clausewitz là chiến tranh tiếp tục chính trị bằng những phương tiện khác nay cũng không đúng nữa.

Theo Clausewitz (2) chiến tranh nhằm mục tiêu chính là « phá hủy lực lượng địch và chiếm đoạt tài nguyên địch ».

Nhưng ngày nay khó mà có thể phá hủy được lực lượng trả đũa của địch, chiến tranh chỉ còn nhằm có mục tiêu chính là phá hủy tài nguyên địch. Nếu chiến tranh chỉ còn đưa tới sự phá hủy những tài nguyên mà người ta muốn chiếm đoạt thì chiến tranh đã trở nên phi lý, và lại càng phi lý hơn nữa ở chỗ đã không chiếm đoạt được tài nguyên của địch, người ta lại còn có thể bị địch phá hủy hết tài nguyên của mình.

Đó là một điều mà Krouchtchev vẫn gắng giảng giải cho Bắc-Kinh. Chiến

tranh đã trở nên vô lý thì chiến tranh không còn là một hành vi chính trị nữa và những liên-minh quân sự cũng đã mất ý nghĩa. Minh ước quân sự là một hành vi chính trị và khi hành vi đó dựa trên một căn bản vô lý thì minh-ước khó mà có kết quả?

6.— Nói rằng giữa các cường quốc có thể có những cuộc chiến tranh có giới hạn là một lời nói thiếu căn trọng.

Người ta thường nghe nói bây giờ vũ khí nguyên tử đã buộc các cường quốc phải hòa hoãn với nhau thì người ta vẫn có thể có những cuộc giao tranh hạn chế với những vũ khí cổ điển như trước kia. Và người ta dẫn chứng với những chiến trường tại Cao-Ly, Mā-Lai, Lào, Việt-Nam. Nhưng người ta quên rằng trong các cuộc giao-tranh đó chưa có sự tham dự *trực-tiếp* của những cường-quốc có vũ khí nguyên tử. Khi mà hai cường quốc đó đối diện với nhau như ở Cuba thì chỉ có cách là một bên chịu mất mặt rút lui, hay là nếu cả hai bên cùng phải giữ thế diện thì sẽ đi đến chỗ hủy diệt lẫn nhau. Và trước một tình thế lưỡng nan như vậy, khôn ngoan nhất vẫn là tươi cười lịch sự với nhau rồi ngồi vào bàn thảo luận.

(2) Clausewitz (1780-1831) là một vị tướng và lý thuyết gia quân sự người Phổ. Ông ta đã lập Viện-Đại học quân sự Berlin. Cuốn sách của ông ta «Luận về chiến tranh» đã có một ảnh hưởng rất lớn tới lý thuyết chính trị và quân sự của bộ tham mưu Đức-Quốc và của những nhà sáng lập ra quân đội Liên-Xô.

Chính vì các cường quốc nguyên tử ngại nhìn mặt nhau trong một cuộc chiến tranh mà trong khối liên minh Bắc Đại Tây Dương đã có những mối tranh luận gay go. Các nước Âu Châu lo ngại Hoa-Kỳ đòi giữ riêng cho mình việc sử dụng vũ khí nguyên tử mà lại không dám đem dùng vũ khí này trong việc bảo vệ an ninh cho Âu Châu vì sợ Nga Xô trả đũa trên đất Hoa-Kỳ. Các nước Âu Châu thì lại không thể nào ở trong cái trạng thái trì nghi đó trước một vấn đề sinh tử của mình. Do đó mà tổ chức Bắc Đại Tây Dương đã là một tổ chức giữa các đồng minh bất bình đẳng, kể có vũ khí nguyên tử thì chưa chắc đã dám sử dụng để bảo vệ kẻ không có.

Và người ta đã đi tới một kết luận nghịch lý sau đây : Càng nhiều nước đồng minh được sử dụng vũ khí nguyên tử thì người ta lại càng bớt lo ngại về vũ khí này.

7.— Nói rằng một sự lầm lẫn hay bất cần trong việc sử dụng vũ khí nguyên tử sẽ đưa tới một đại tai biến cho thế giới lại càng là một lời nói không đúng nữa.

Chính ở thời đại vũ khí cổ điển một vụ rắc rối nhỏ mới có thể đưa đến một thảm họa cho nhân loại. Người ta còn nhớ chiến tranh năm 1870, đã bùng nổ do một thông cáo khiêu khích mà Bismarck trao cho báo chí, và vụ ám sát thân vương François Ferdinand ở Sarajevo đã đưa tới đệ-nhất thế-chiến làm thiệt hại trên 20 triệu mạng người.

Nhưng ở thời-đại nguyên tử những chuyện đó khó xảy ra. Chúng ta hãy

tưởng tượng một nước nào đó «lơ tay» để nổ một vũ khí nguyên tử trên đất một nước khác. Có nhà lãnh đạo nào vì thế mà ra lệnh tấn công nguyên tử ngay nước kia không, để rồi chính nước mình sẽ bị trả đũa bằng vũ khí nguyên tử ?

Đi xa hơn nữa chúng ta hãy tưởng tượng hai nước có vũ khí nguyên tử đang phóng sang nhau các khí giới khủng khiếp này. Thử hỏi có một cường quốc nào dám lãnh trách nhiệm nhảy vào can thiệp bằng nguyên tử không ? Dù có muốn chăng nữa, cường quốc đó cũng không kịp làm gì hết vì việc rút lên đầu nhau vũ khí nguyên tử chỉ kéo dài có mấy phút. Cuộc giao tranh đã chấm dứt ngay từ khi thế giới biết tin nó bùng nổ. Chẳng lẽ cả hai người đánh nhau đã gục ngã rồi mà còn nhảy vào can thiệp bằng vũ khí nguyên tử nữa. Thành ra nói rằng có thể có những sự lầm lẫn hay vô ý đưa đến một thảm họa nguyên tử cho thế giới chỉ là lý luận như thời xưa, làm một cái tính cộng giữa những ký ức cũ với sức phá hoại của khí giới mới mà không thấy rằng sự phối ngẫu đó đưa tới những kết luận thật vô lý.

Đã bao nhiêu lâu nay dư luận thường cho rằng việc phân tán các vũ khí nguyên tử là một điều nguy hiểm cho thế giới và chỉ nên hạn chế giữa vài cường quốc cái trách nhiệm giữ gìn vũ khí đó.

Đã bao lâu ý kiến trên được coi như một giáo điều và ngày nay đã không còn đứng vững nữa.

..

Trên đây là những nhận xét của Pierre Gallois về một số định kiến chung

quanh vấn đề chiến tranh nguyên tử. Tác giả đã chứng tỏ cho chúng ta có nhiều điều sai mà nghe rất thuận tai trong khi đó có nhiều điều đúng mà lại rất là nghịch lý. Có thể rồi đây những sự tiến bộ mau lẹ của kỹ thuật lại đánh đổ một lần nữa những ý kiến

chúng ta vừa chấp nhận. Nhưng bài báo của Pierre Gallois vẫn còn giá trị ở chỗ nó đã khuyên chúng ta luôn luôn giữ một thế «động» trong việc suy nghĩ, không bao giờ chịu tìm thanh kiếm đã rơi theo dấu vạch bên mạn thuyền.

VŨ-BẢO



- Không có một ý tưởng gì nảy sinh từ tâm trí con người mà không làm cho máu chảy trên mặt đất.

Charles Maurras

- Một thằng ngu nghèo là một thằng ngu, một thằng ngu giàu là một ông nhà giàu.

Paul Laffitte

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique**
Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane.**
Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique
Installations de garothérapie

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

QUÀ TRANG NHÀ

BẠN ĐỌC HÃY TÌM CHO ĐƯỢC :



BÁCH - KHOA
ĐỒNG TẬP

6 NĂM : 16 TẬP

(144 SỐ)

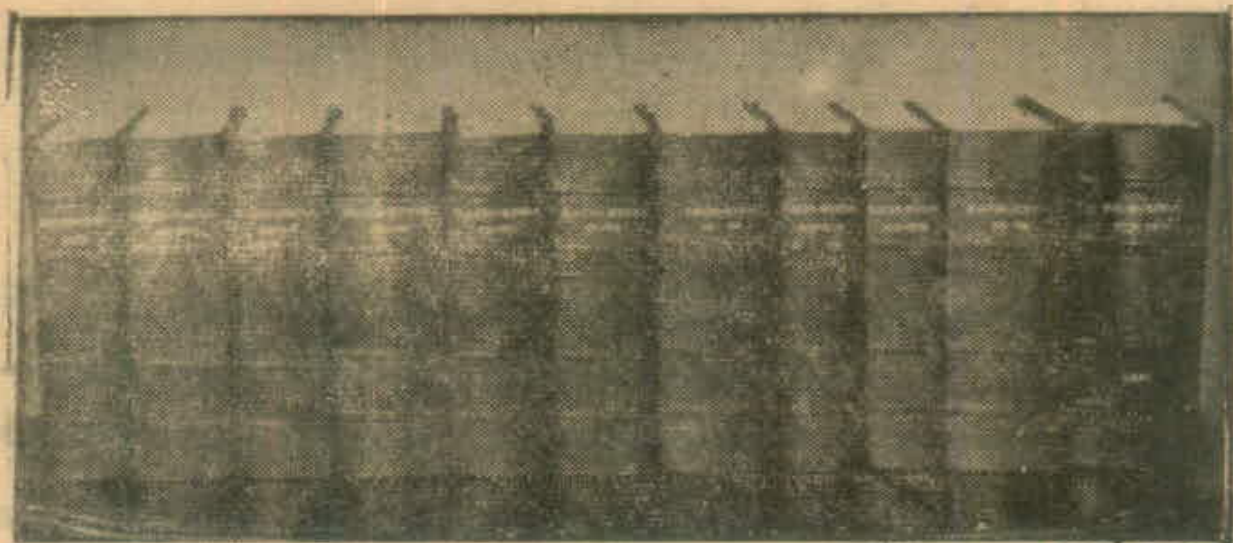
8 TẬP (1957 — 60) MỖI TẬP 12 SỐ (giá 1 tập 110).

8 TẬP (1961 — 62) MỖI TẬP 6 SỐ (giá 1 tập 65).

(ở xa thêm cước phí)

MỘT BỘ BÁO CUNG ỨNG TÀI LIỆU MỌI MẶT,
VỚI TRÊN 1500 BÀI BIÊN KHẢO VÀ TRÊN 1000 SÁNG
TÁC VĂN NGHỆ ĐỦ LOẠI CÙNG 3 CUỘC PHÒNG VẤN
LỚN VỀ VĂN NGHỆ VÀ HỘI HỌA

MỘT BỘ BÁO
LỢI ÍCH CHO
MỌI GIA ĐÌNH



XIN HỎI TẠI CÁC HIỆU SÁCH VÀ TẠI TÒA SOẠN
BÁCH-KHOA 160, PHAN-ĐÌNH-PHÙNG — SAI-GON

Cần nâng cao

tri thức của đại chúng

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Ở PHÁP, mới trong khoảng mười năm nay, xuất hiện một quan niệm mới càng ngày càng được nhiều người lưu ý tới: quan niệm « giáo dục thường xuyên » (éducation permanente).

Trước hết, người ta thấy trong mọi ngành, tri thức của loài người tăng tiến rất mau. Chẳng hạn trong ngành Y khoa, một bác sĩ chuyên trị các bệnh ngoài da bảo tôi: « Năm nào cũng có nhiều phát minh mới trong ngành chuyên môn của tôi, thành thử sách mới phát hành, khi bày ở tiệm sách thì đã hóa cũ rồi. Phải đọc đều đều nhiều tạp chí Y khoa thì mới theo dõi được những tấn bộ trong nghề ». Những ngành khác cũng gần gần như vậy.

Rồi người ta lại nghiệm rằng trong mọi ngành hoạt động, một nhân viên trong bất kỳ một cấp bậc nào, càng hiểu biết rộng bao nhiêu thì làm việc càng đắc lực bấy nhiêu. Tất nhiên họ

phải hiểu biết về nghề nghiệp của họ; nhưng bấy nhiêu chưa đủ, họ còn cần biết ít nhiều về trào lưu tư tưởng trên thế giới, về văn chương, nghệ thuật, chính trị, kinh tế, xã hội học, tâm lý học nữa. Cho nên trong một hãng nọ, viên Giám đốc mời một vị thạc sĩ văn chương lại diễn thuyết cho nhân viên nghe về tác phẩm: « Ngư ông và biển cả » của Hemingway rồi cùng thảo luận về nguyện vọng của loài người trong thời đại này; lần khác mời một vị thạc sĩ triết học lại nói chuyện về « thân phận con người trong kịch của Jean Paul Sartre ».

Vậy tri thức chuyên môn tuy vẫn là cần thiết mà tri thức phổ thông càng ngày càng có giá trị vì nó bổ túc cho cái trên.

Nhưng ở trường học, dù là những trường cao đẳng, đại học, cũng không thể nào dạy đủ được; mà ở trường ra vài ba năm, nếu sinh viên không theo

đôi những tấn bộ trong ngành của mình, thì tri thức cũng hóa ra lỗi thời cho nên cần có một tổ chức giáo-dục thường xuyên.

Ở Pháp, có người đã nghĩ nên rút bớt số giờ làm việc trong mỗi tuần để bổ túc sự giáo-dục về nghề nghiệp và về tri thức phổ thông cho các hạng nhân viên (Bản báo cáo của Rueff-Armand — 1960, Tạp chí Hommes et Commerce 1963); có người lại mong rằng vài chục năm nữa người ta có thể cho các nhân viên cao cấp trong mọi ngành cứ làm việc năm sáu năm lại được nghỉ một năm, trở lại Đại-học, sống đời sinh viên trong một năm để trau dồi thêm kiến thức mà theo kịp những tấn bộ về ngành của mình. (Louis Armand - Encyclopédie Universelle Gérard et Cie.)

Hiện nay những nguyện vọng đó chưa có một quốc gia nào thực hiện được — nước nào, ngân sách về quốc phòng cũng quá cao mà ngân sách về giáo-dục cũng quá thấp — nhưng chỉ vài chục năm nữa thôi, người ta phải thỏa mãn cái nhu cầu của thời đại đó, cái nhu cầu học hỏi thêm hoài, vừa làm vừa học, còn sống còn học.

Từ sau thế chiến, sự khao khát học hỏi của loài người tăng lên dữ dội.

Ở Pháp, người ta đã tính cứ 100 thanh niên, năm 1900 có 1,5 học tới Tú tài và 1 tới Cử nhân, năm 1920 có 2,2 học tới Tú tài và 2 tới Cử nhân, năm 1950 có 5 học tới Tú tài và 2 tới Cử nhân, năm 1960 có 11,5 học tới Tú tài và 3,3 tới Cử nhân, năm 1970 sẽ có 23 học tới Tú tài và 7 tới Cử nhân.

Nghĩa là từ 1950 trở đi, cứ 10 năm thì tỉ số thanh niên có Tú tài, cử nhân lại tăng lên gấp đôi.

Số sách bán được cũng tăng lên rất mạnh. Ở Huê-Kỳ chỉ trong 5 năm, từ 1955 đến 1960, số sách bán được tăng lên 65% mà số máy viễn thị (télévision) lại giảm đi trên 20%. Tăng lên mạnh nhất là loại sách rẻ tiền như Livres de poche, Marabout, Cardinal. Trình độ của những loại sách này cũng mỗi ngày một tiến; mới đầu người ta chỉ in tiểu thuyết, rồi lần lần người ta xuất bản những cuốn phổ thông kiến thức về Bách-Khoa.

Ở Pháp không biết có tới mấy chục thứ sách Bách-Khoa: từ những thứ cho thanh niên như Encyclopédie pour la Jeunesse của nhà Larousse, tới những thứ cho những người lớn ít học như Encyclopédie universelle của nhà Gérard et Cie, những thứ trình độ cao hơn cho hạng người trí thức như Clartés, Les Grandes encyclopédies pratiques, Encyclopédie française. -- Larousse... Lại còn những sách nhỏ xét riêng từng vấn đề một như trong các loại Que Sais-je, Pour connaître, Petite bibliothèque Payot, Idées (Gallimard) Voic; Pourquoi?; Comment? Ce qu'il nous faut savoir.. đủ trình độ cho mọi hạng người chuyên môn hoặc không chuyên môn. Người ta hiểu học như vậy, trách chi mà chẳng tiến mau.

..

Ở một nước lạc hậu, kém phát triển như nước ta, sự giáo dục càng có một tầm quan trọng đặc biệt. Chúng ta phải thanh toán cho mau cái nạn mù chữ, chúng ta lại phải nâng cao

trình độ của quốc dân để có thể theo kịp được các nước tiên tiến.

Giáo dục ở nhà trường đã thiếu sót mà chúng ta lại chưa thể nghĩ đến một chính sách giáo dục thường xuyên, cũng chưa có những tổ chức giáo dục sau khi ra trường, thì ít nhất chúng ta cũng phải lưu tâm đến sự giáo dục đại chúng bằng sách báo.

Đành rằng trong lúc này mọi hoạt động phải hướng cả về chiến tranh, nhưng chúng ta cũng nên nhìn xa một chút. Cuộc chiến tranh bi thảm này sẽ kéo dài năm, mười năm nữa cũng phải dứt hoặc tạm ngưng. Sức chịu đựng của dân chúng xứ nào cũng có hạn — và lúc đó phải kiến thiết. Chiến tranh càng kéo dài thì khi thái bình, sự kiến thiết càng đòi hỏi nhiều nỗ lực. Và làm sao chúng ta có thể kiến thiết cho mau, cho đặc lực được khi mà trình độ kỹ thuật và văn hóa của quốc dân rất thấp kém. Khi năm chục phần trăm dân chúng còn mù chữ, ba chục phần trăm khác may lắm đọc được một trang báo và làm được bốn phép toán, và tám, chín phần trăm nữa không đọc cái gì khác mấy tờ báo hằng ngày, mấy tờ điện ảnh, mấy tiểu thuyết rẻ tiền; khi những cán bộ trung cấp không hiểu chút gì về những tư trào hiện đại trên thế giới, những vấn đề khẩn cấp của nhân loại, không nhận chân được cái hướng tiến của xã hội; khi đa số giáo sư không biết chút gì về những phong trào tân giáo dục, khi đa số kỹ sư không biết môn tổ chức công việc từ sau thế chiến đến nay đã tấn bộ ra sao, không biết môn tâm lý xã hội có tầm quan trọng mực nào trong các xí nghiệp, khi đại đa số các

nhà trí thức không hề đọc một cuốn nào về những vấn đề kinh tế của thời đại, về những điều kiện phát triển kinh tế tại những nước chậm tiến như nước mình... thì làm sao dân tộc ta có thể tiến mau cho được, dù có được các cường quốc thực tâm viện trợ đủ cả từ tư bản, tới máy móc, chuyên viên. Vì vấn đề nhân sự bao giờ cũng là vấn đề quan trọng hơn cả mà tại những xứ kém phát triển vấn đề đó lại càng khẩn trương nhất. Mà muốn đào tạo con người thì mở trường chưa đủ, phải có nhiều sách báo nữa. Công việc giáo dục đó phải mười năm mới có kết quả, cho nên luôn luôn phải tính trước cho mười năm sau.

Như ở trên chúng tôi đã nói, hiện thời ở nước nào, sự giáo dục sau khi ra trường cũng hóa ra cần thiết, những lớp học cho người lớn, những loại sách, báo phổ thông trí thức càng phải phát triển mạnh.

Chính quyền gần đây đã hạn chế số tiểu thuyết đăng trên mỗi báo hằng ngày. Chính sách đó hợp thời: từ năm sáu năm nay nhiều người đã chờ đợi một quyết định như vậy. Một số người cho rằng báo không còn đăng tiểu thuyết nữa thì số độc giả sẽ giảm đi mà hại cho công việc thông tin. Đợi ít tháng nữa xem nỗi lo ngại đó có đúng không. Theo thiên kiến thì đó chỉ là vấn đề thói quen: mới đầu một số độc giả thấy thiếu cái món đó cũng tiếc, cũng nhớ; nhưng không còn kiếm đâu ra được nữa thì đành dùng tạm món mới vậy, lâu rồi cũng quên lần món cũ đi, và tới một lúc nào đó người ta sẽ thấy rằng những món mới thế mà có nhiều vị hơn những món cũ. Lúc đó ta có

thể nói được rằng quần chúng đã được giáo hóa, đã có một trình độ văn hóa cao hơn, và ta đã đạt được mục đích của giáo dục, vì mục đích của giáo dục không phải là chỉ tìm cách thỏa mãn nhu cầu tinh thần của quần chúng mà còn phải tạo thêm những nhu cầu mỗi ngày mỗi cao hơn cho quần chúng.

Nhưng dù sao báo hằng ngày cũng chỉ là những cơ quan thông tin, chứ không thực là những cơ quan giáo dục. Cho nên chính quyền còn cần tiến thêm một bước nữa, khuyến khích các tạp chí phổ thông đứng đắn và xuất bản vài loại sách phổ thông cho hai hạng người : hạng bình dân và hạng thanh niên có sức học tương đương với bậc tú tài mà muốn trau giồi thêm kiến thức.

Viết loại sách phổ thông đó, coi vậy mà không phải dễ. Phải hiểu thấu vấn đề, viết một trăm trang có khi phải đọc cả chục cuốn, lại phải kiểm những tài liệu mới nhất để khỏi lỗi thời, mà tài liệu ở nước mình thực khó kiếm ; phải hiểu nhu cầu của thời đại, lại phải tự đặt mình vào trình độ hiểu biết của người đọc, điều này khó nhất. Vì người cầm bút nào cũng tham lam muốn đưa tất cả những hiểu biết của mình vào sách, lầm tưởng rằng có như vậy sách mới có giá trị, độc giả mới phục mình. Sau cùng văn phải trôi chảy, sáng sủa, đôi khi hấp dẫn nữa. Cứ dịch nguyên văn mà lại dịch từng chữ một trong các tác phẩm của ngoại quốc, thì hỏng lớn, độc giả sẽ không thèm đọc.

Vậy viết loại sách phổ thông đó phải là những người có học vững, có lương tâm, có khiếu giảng giải của một nhà giáo, lại có kinh nghiệm của một nhà

văn. Ít người có đủ những khả năng đó, và những người có đủ khả năng lại ít ai chịu làm cái việc bực bẻ đó vì sách viết đã tốn công, bán lại không chạy mà còn bị coi rẻ là khác nữa : không ai cho loại đó là sáng tác, là văn chương (mặc dầu ở Âu, Mỹ có những tác phẩm phổ thông mà có nghệ thuật hơn những tập thơ, những bộ tiểu thuyết bày nhan nhản ở các tiệm sách : chúng tôi chỉ xin đơn cử bộ *Histoire de la Civilisation* của Will Durant, bản dịch của nhà Payot) cho nên dù có soạn được cả chục cuốn thì cũng không được cái vinh dự là một nhà văn. Vì vậy, công việc phải giao cho một cơ quan văn hóa có đủ uy tín để tập hợp được một số cây viết đứng đắn, và có đủ phương tiện để thực hiện một chương trình ít gì cũng đòi hỏi một thời gian từ năm đến mười năm.

Chính quyền xuất bản sách rồi, lại phải tạo nên một phong trào đọc sách trong toàn quốc. Một nhà văn Mỹ nói một câu chí lý đại ý như vậy : « Sách phải đi kiếm độc giả, chứ đừng mong độc giả đi kiếm sách. » Nghĩa là chính phủ phải đem sách gì vào tay quốc dân thì quốc dân may ra mới chịu đọc. Ở Mỹ mà còn vậy ; ở nước ta chính phủ có lẽ chẳng những phải phát không sách cho dân chúng mà còn phải năn nỉ hay bắt buộc dân chúng đọc cho nữa.

Mới rồi tôi có dịp vào một tổng nha nọ, thấy tủ sách của nha chỉ gồm có mười cuốn tạp nhạp không thành một loại nào, đã cũ mà lại không bổ ích gì cả. Ngay những sách chuyên môn về hoạt động của nha, ngay những bản báo cáo của nha cũng không thấy bày.

Như vậy thì làm sao nhân viên có tinh thần học hỏi, cầu tiến?

Lập một tủ sách cho mỗi nhà, mỗi tỉnh, mỗi quận, rồi lần lần cho mỗi làng; tại các sở, phân phối sách cho mỗi nhân viên đọc; tại mỗi làng, có một cán bộ thanh niên đưa sách cho từng gia đình đọc, tùy trình độ mỗi người; có tạo nên được một « chiến dịch đọc sách » như vậy thì quốc dân mới mau tiến bộ.

Khi tuyển người, nếu có nhiều người khả năng kỹ thuật gần ngang nhau, có thể lựa người nào ham đọc sách. Tiêu chuẩn đó không phải là vô lý, ít nhất nó cũng có giá trị hơn tiêu chuẩn lựa những kẻ giỏi đi giật lùi, hoặc tiêu chuẩn « ba Đ » (Đảng, Đạo, Địa phương) của họ Ngô

Trong trường học, giáo sư nên khuyến khích những học sinh chịu đọc thêm sách, chứ đừng khen những trẻ giỏi học thuộc lòng. Trong các kỳ phát phần thưởng, đừng mua sách giáo khoa để phát, mà nên lựa những sách giúp học sinh mở mang thêm kiến thức.

Nếu chính quyền hiểu rằng số tiền chi tiêu vào giáo dục tức là số tiền đầu tư vào kinh tế, thì sẽ tìm được nhiều biện pháp khác nữa để khuyến khích dân chúng đọc sách.

Dưới trào Ngô-Đình-Diệm, nghe nói mỗi năm người ta bỏ ra mấy chục triệu về công việc văn hóa, một số lớn đem dùng vào công việc tuyên truyền hoặc trợ cấp cho những kẻ khéo nịnh bợ nên kết quả là dân chúng vẫn thiếu sách đứng đắn, rở tiền để đọc và cứ bắt buộc phải mua những tạp chí mà công dụng chỉ là để gói hàng. Từ ngày

Cách mạng 3-31 đến nay, hình như những trợ cấp đó đã rút gần hết. Chúng tôi mong rằng số tiền còn lại sẽ đem dùng một phần vào công việc khảo cứu, một phần vào công việc phổ thông tri thức trong dân chúng. Dạy cho dân biết đọc mà không có sách cho dân đọc thì công việc giáo dục đó cũng vô ích, có phần còn hại nữa vì biết đâu chẳng có kẻ sẽ đem sách báo của họ đặt vào tay dân chúng.

Và công việc đầu tiên mà chính quyền nên làm ngay là phân phối lại số giấy báo, sao cho các nhà xuất bản có đủ giấy in những sách đứng đắn, không thuộc loại giáo khoa. Không có bao nhiêu đâu, vì hiện nay, trong toàn quốc, mỗi tháng may ra xuất bản độ một chục cuốn loại biên khảo hay phổ thông, mỗi cuốn trung bình dày độ 200 trang và in nhiều lắm là ba ngàn bản; số tiểu thuyết đứng đắn và số sách về tôn giáo thì cũng vào khoảng đó hay hơn một chút, tính gồm lại, không tới ngàn ram giấy một tháng, chỉ xấp xỉ số giấy cấp cho một tờ báo hàng ngày in 20.000 số.

Khi bộ có thể cấp giấy cho loại sách đó được, chúng tôi xin bộ xét lại vấn đề dưới đây nữa: một cuốn sách dày độ 200 trang, in độ 2.000 bản, bộ có nên kiểm soát số in để xem nhà xuất bản có in thiếu, rồi bán chợ đen số giấy còn dư không? Theo thiển kiến thì công việc đó không lợi gì cả. Năm sáu năm trước, chính một nhân viên Bộ thông tin đã bảo chúng tôi rằng: « Chúng tôi biết các nhà xuất bản in một cuốn chỉ có 2.000 bản thì không thể nào phát đạt được. Nếu các ông in rút bớt đi, độ 1.500 cuốn để có dư giấy bán chợ đen thì các ông kiếm được bao

nhiều? Nhiều lắm là được bảy trăm đồng vì mỗi cuốn các ông chỉ kiếm được nhiều lắm là 10 ram giấy, mỗi ram lời nhiều lắm là 70\$. Mà các ông lại mất đi 500 cuốn để bán; 500 cuốn đó dù có ẽ, đem bán xong cũng còn có lợi hơn. Nhưng trên ra lệnh kiểm soát số in của các ông thì chúng tôi phải kiểm soát.

Đem chuyện đó ra bàn, thật là khổ tâm. Nhưng nếu không bàn thì chính quyền không hiểu, rồi đã tổn công cho nhân viên của bộ phải kiểm soát mà cũng tổn công cho chúng tôi nữa:

Sách in xong, chưa được phát hành, phải chất đống ở nhà in, báo cho bộ hay rồi đợi ngày bộ cho người tới xét. Chúng tôi mong rằng đề nghị của chúng tôi được bộ lưu ý tới, để giản dị hóa thủ tục mà công việc của mọi người được chạy hơn. Đó cũng là một cách khuyến khích những loại sách đứng đắn để giúp vào việc phổ thông kiến thức trong đại chúng nữa. Nếu chính quyền chưa xuất bản được những loại sách phổ thông thì ít nhất cũng phải tìm cách làm sao cho chúng tôi có giấy in loại đó.

NGUYỄN-HIẾN-LE

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LÃNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explocions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

≠

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LÃNG
Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

≠

**CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á
BẢO HIỂM MỌI NGÀNH**

VỐN : 8.750.000.000 PHẬT LÃNG
Assurance Franco Asiatique
Assurance Toutes Branches
Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy nói : 21.253 — 23.913

L. P. SINGH

NGỌC-NÊ dịch

Chính sách ngoại giao của Thái - Lan

CÓ một lần, một viên chức cao cấp trong Chánh-phủ Thái đã nói với vị đại-sứ Mỹ như sau : «Người Thái chúng tôi uốn cong như cây tre, nhưng chúng tôi không gãy ». Câu nói này minh họa một cách rõ rệt toàn bộ chính sách ngoại-giao của nước Thái-Lan trong vòng 100 năm qua, tức là thời gian mà nước Thái-Lan được coi như một phong vũ biểu chỉ rõ những biến-thiên của những tương-quan lực lượng chánh-trị trong vùng Đông Nam Á. Thái-Lan lúc nào cũng sớm biết đứng ngay về phía cường quốc mạnh nhất trong vùng này trên thế giới. Hồi tiền chiến và trong những năm đầu của thời hậu chiến, Thái đã đứng về phe Anh Quốc và trong thời chiến, Thái đã đứng về phe Nhật-Bổn. Làm như vậy, Thái-Lan đã bảo tồn được sự toàn vẹn lãnh thổ trước các cường quốc và

những sự dầy xéo, cắt xén của họ. Chính sách này đưa đến kết quả tự nhiên là Thái-Lan ngày nay trở nên pháo đài của hệ-thống phòng thủ của các nước Tây-Phương. Những người chỉ trích chính sách xoay chiều như chong chóng này bảo rằng Thái-Lan sẽ sớm rút ra khỏi khối liên minh với Tây-Phương, và theo một vài dấu-hiệu đã biểu-lộ trong những năm gần đây, thì hình như ý-kiến trên đây không phải là hoàn toàn vô căn cứ. Nhưng có thật là người Thái nghĩ đến chuyện đảo-ngược chính-sách ngoại giao của họ hay không?

Thái - Lan trong Tổ chức Liên Phòng Đông-Nam-Á

Từ năm 1950, nền an ninh dựa vào sự liên minh với Hoa-Kỳ, nước thù

địch hùng mạnh nhứt của Trung-Hoa Cộng-Sản, đã là mục tiêu chánh yếu của chánh sách ngoại giao Thái. Chánh sách này đã được biểu lộ rõ rệt trong các hiệp ước quân sự, kinh tế và văn hóa, và nhứt là trong việc Thái-Lan gia nhập Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á. Nhưng người Thái không bao giờ toại nguyện với những lời hứa của người Mỹ bảo vệ họ chống với một cuộc xâm lăng xảy ra có thể là từ phương Bắc đưa tới. Là một nước tương đối nhỏ bé, rộng 1.200.000 cây số vuông mà chỉ có 29 triệu dân, nép mình bên cạnh một nước đông dân nhứt thế giới, Thái-Lan không bao giờ tin chắc là những người hứa bảo vệ họ lại sẽ không bỏ rơi họ một khi có chiến tranh xảy ra vì xét thấy nước họ nhỏ bé không đáng kể. Chính vì lẽ đó mà Thái-Lan, trong nhiều dịp khác nhau, đã nhứt nhứt đòi hỏi ở người Mỹ những bảo đảm an ninh hết sức rõ ràng và minh bạch.

Tại kỳ hội nghị sáng lập Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á, nhóm tại Manille hồi tháng 9 năm 1954, Hoàng thân Wan, hồi đó là Ngoại trưởng Thái-Lan, đã đòi hỏi rằng những sự cam kết hỗ tương ký kết giữa các nước đồng minh của Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á cũng phải đại để giống như những lời cam kết của các nước hội viên của Tổ chức Bắc Đại Tây Dương. Nhưng Hoa-Kỳ không chịu tiến xa như vậy. Tuy nhiên, Thái-Lan không mất hy vọng và luôn luôn chủ trương phải có một lực lượng thường trực của khối Liên Phòng Đông Nam Á «ngõ hầu Tổ chức này còn có thể đương đầu được». Việc các cường

quốc Tây Phương không chịu chấp nhận đề nghị này đã xác nhận những mối hoài nghi của Thái-Lan đối với hiệu lực của Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á và những đảm bảo của Mỹ.

Thái độ của Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á trong vụ khủng hoảng Ai-Lao và suốt cả thời gian sau đó, chỉ làm tăng thêm những mối hoài nghi của Thái-Lan. Hiệp ước Manille dự trù rằng sự bảo vệ của Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á có thể nói rộng ra các nước không hội viên như Cam-Bốt, Ai-Lao và Việt-Nam Cộng-Hòa trong trường hợp các nước này mong muốn. Tuy nhiên, hiệp định Genève hồi tháng 7 năm 1962 đã đem lại kết quả là Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á đã thu hồi sự bảo vệ của Tổ chức cho Ai-Lao theo sự đòi hỏi của Bắc-Kinh và Hà-Nội. Ngoài ra, hiệp ước Liên Phòng Đông Nam Á còn dự trù những biện pháp sẽ áp dụng để bảo vệ các quốc gia hội viên và các quốc gia được ghi trong bản quy ước (là Cam-Bốt, Ai-Lao và Việt-Nam Cộng-Hòa), chống với những mối đe dọa «không thuộc vào loại tấn công võ trang» nghĩa là chống với sự khuynh đảo và đột nhập. Thái-Lan đã luôn luôn sốt sắng chủ trương phải có sự áp dụng cụ thể những điều khoản của hiệp ước liên minh chống lại sự khuynh đảo, đặc biệt là ở Ai-Lao. Theo ý Thái-Lan thì người ta sẽ thua nếu Tây-Phương tiếp tục ngồi chờ một cuộc tấn công trực tiếp bằng quân sự vì Cộng Sản đã bỏ hẳn chiến thuật tấn công công khai đăng trước mặt trong vùng này mà họ chỉ sử dụng sách lược đột nhập và khuynh đảo mà thôi.

Vì nền an ninh của chính mình mà Thái-Lan đã làm mọi điều trong quyền hạn của mình để ngăn cản không cho Ai-Lao bị lôi cuốn vào trong vòng ảnh hưởng của Trung-Cộng và Bắc-Việt. Từ khi Ai-Lao được độc lập, người Thái tỏ ý ưa thích Hoàng thân Boun Oum, Thủ-Tướng Chánh Phủ Vạn-Tượng. Họ nghi ngờ ông Hoàng trung lập Souvanna Phouma là thân Cộng, vì người ta nói rằng ông ta là anh em cùng cha khác mẹ với Hoàng thân Souphanouvong, người lãnh đạo lực lượng thân Cộng Pathet-Lào. Trong khi quân của Chánh-phủ Hoàng gia Ai-Lao đánh quân Pathet-Lào tại miền Bắc Ai-Lao, vào mùa hạ năm 1955, thì Thái-Lan đã làm hết sức mình để cố lôi cuốn Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á nhảy vào để ủng hộ quân đội Hoàng gia Ai-Lao, nhưng các quốc gia hội viên khác đã từ chối không chịu chấp thuận vì lẽ chính Chánh Phủ Lào đã từ chối một sự giúp đỡ như vậy và cố sức tránh không cho cuộc xung đột lan rộng.

Thái-lan và tình hình Ai-Lao

Tuy rằng Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á từ chối không muốn xen vào trận chiến tranh nội bộ ở Ai-Lao, nhưng sau đó Thái-Lan với sự thỏa thuận và giúp đỡ của Hoa-Kỳ, cũng đã ủng hộ những lực lượng của tướng Phoumi Nosavan, ông này thật ra lại là một người cháu của Thống chế Sarit Thanarat, cố Thủ Tướng Thái-Lan, khiến cho lực lượng của tướng Phoumi Nosavan đã có một thời đánh bại được quân Pathet-Lào.

Đến hồi tháng Giêng năm 1961, tình hình Ai-Lao trở nên trầm trọng vì sức tiến liên tiếp của quân Pathet-Lào, lại thêm có tướng trung lập Khong-Le giúp sức, Chánh Phủ Boun Oum, sau rốt, quyết định cầu cứu Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á. Đại sứ Ai-Lao tại Vọng-Các bèn đến kiểm Ô. Pote Sarasin, một nhân vật Thái, hồi đó giữ chức Tổng Thư ký của Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á, để thảo luận với ông này về việc phái một nhóm quan sát viên của Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á qua Ai-Lao và có nhiệm vụ quan sát tầm rộng lớn của những vụ can thiệp của Cộng - Sản vào một số quận lỵ của Ai-Lao. Cuộc vận động này thực ra là một cuộc thăm dò của Thái-Lan hơn là một lời thỉnh cầu. (Sự thật, trong trường hợp Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á tỏ ra sẵn sàng chấp nhận thì chắc hẳn là đã có một lá đơn thỉnh cầu như vậy rồi). Một lần nữa, Thái-Lan lại cố gắng thuyết phục Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á hãy trực tiếp ủng hộ những lực lượng của Tướng Phoumi. Lúc ban đầu, Hoa-Kỳ tỏ ra sẵn sàng cứu xét đề nghị này của Thái-Lan, nhưng hai nước Pháp và Anh phản đối mọi biện pháp hấp tấp có thể khiêu khích phe Cộng. Thành ra Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á, một lần nữa, lại từ chối không chịu theo con đường mà Thái-Lan mong muốn.

Việc Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á từ chối không chịu can thiệp một cách thiết thực vào Ai-Lao làm cho Chánh Phủ Thái nghi ngờ không biết Thái-Lan có lợi gì để gia nhập một khối liên minh với Tây-Phương

không. Chính phủ Thái-Lan có cảm tưởng rằng, đối với Hoa-Kỳ thì những nước trung lập cũng đáng để cho Hoa-Kỳ chú ý nếu không nói là còn đáng để cho Hoa-Kỳ chú ý nhiều hơn là đối với những đồng minh của Hoa-Kỳ về phương diện viện trợ kinh tế. Báo chí Thái, không phải là độc lập cho lắm, đã nói úp mở đến chính sách cổ truyền của Mỹ là « thân thiện với tất cả mọi nước ». Đại sứ Nga là ô. Nikolaiev ráo riết tìm cách ký kết với Thái-Lan những hiệp ước khuyến khích việc giao thương giữa hai nước. Chính ngoại trưởng Thái Thanat Khoman đã tuyên bố ngày 26-1-1961 với một nhóm ký giả Đức rằng Chính phủ của ông muốn duyệt lại những mối liên lạc của Thái với Nga-Sô. Người ta tin chắc không chút hồ nghi rằng những biến cố vừa qua và những kinh nghiệm của Thái-Lan trong Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á đã khiến cho Thái mất hết cả hăng hái và trở nên lạnh nhạt với Tây-Phương. Như tờ « Nữu Ước Thời Đàm » viết trong số ra ngày 11-5-1961, thì từ đó người ta chờ đợi Thái-Lan sẽ có một thái độ càng ngày càng thiên về chính sách trung lập. Báo đó viết: « Nếu Hoa-kỳ không áp dụng ngay những biện pháp cứng rắn để chặn đứng sức tiến của Cộng Sản trong vùng Đông Nam Á thì Thái-Lan sẽ có thể rút ra khỏi khối Liên Phòng Đông Nam Á ».

Ô. Lyndon B. Johnson, hồi đó còn là Phó Tổng Thống Hoa-Kỳ, đã đích thân tới Vọng-Các để tái lập niềm tin tưởng bị lung lay của Thái-Lan vào Mỹ Quốc. Bản tuyên ngôn chung công

bố ngày 18-5-1961, liên quan đến những cuộc hội đàm giữa hai Ông Jonhson và Sarit, đã nhấn mạnh về sự quyết tâm của Hoa-Kỳ « sẽ làm tròn những lời cam kết pháp lý của mình đối với Thái-Lan — là bạn đồng minh ràng buộc bởi một mối tình thân hữu lịch sử — bằng cách bảo vệ nước này chống với sự khuynh đảo và xâm lăng của Cộng Sản ». Nhưng những nhà lãnh đạo chính trị của Thái-Lan chỉ hài lòng có nửa vơi về bản tuyên ngôn này và lời hứa hẹn viện trợ thêm cho Thái-Lan về quân sự.

Những mối liên lạc giữa Thái-Lan và Hoa-Kỳ lại trở nên u ám vào năm 1961, vì sự thỏa thuận tại Vienne giữa hai ông Kennedy và Khrouchtchev về việc thiết lập một Chính phủ liên hiệp quốc gia tại Ai-Lao dưới sự lãnh đạo của một Thủ Tướng trung lập làm cho Thái-Lan lo ngại. Thái-Lan lên tiếng phản đối một giải pháp như vậy vì Thái sợ rằng nó sẽ là bước đầu tiên tới chỗ Cộng Sản nắm chính quyền. Từ đó, Hoa-kỳ không còn ủng hộ những nhà lãnh tụ Ai-Lao mà Thái-Lan ưa thích, tức là Hoàng thân Boun Oum và Tướng Phoumi Nosavan, hay nói đúng ra là Hoa-Kỳ không thể ủng hộ họ được nữa. Hồi đó các chính trị gia Thái có cảm tưởng rằng Hoa-Kỳ không còn quan tâm đến ý kiến và quyền lợi của nước Thái-Lan bằng những ý kiến của các nước đồng minh của Hoa-Kỳ ở Âu-Châu (Anh và Pháp tán thành một chính phủ Ai-Lao trung lập). Người ta thấy một phản ảnh rất trung thực của những ý kiến phổ biến trong những nhóm lãnh đạo Thái hồi đó, bao hàm trong lời

tuyên bố của ngoại trưởng Thái Thanat Khoman như sau: «Cái nước họ tự nhận là bạn của chúng ta lại coi trọng kẻ thù của họ hơn là bạn của họ» (báo «The Dawn» — Bình-Minh — xuất bản ngày 20-6-1961 tại Karachi).

Những sự sửa đổi trong Tổ chức Liên Phòng Đông-Nam-Á

Từ mùa hạ năm 1961 đến mùa hạ năm 1962, trong số các nước hội viên của Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á, Thái-Lan là nước đã chỉ trích kịch liệt nhất khối liên minh này vì khối Liên Phòng đã không thể xen vào cuộc chiến tranh nội bộ ở Ai-Lao trong khi người ta hình như tin chắc rằng phe Pathet-Lào thân Cộng sẽ thắng trận nếu không có sự kháng cự bằng cách can thiệp từ bên ngoài. Theo ý kiến của Thái-Lan thì «con dê Liên Phòng Đông Nam Á» có những khúc võ lớn và không đủ sức cản nổi «làn sóng xâm lăng và sức bành trướng» của Cộng Sản trong vùng này của thế giới. Báo chí Thái đưa ra luận điệu của Bắc Kinh coi Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á như là «con Cọp giấy» không biết cả gầm nữa. Còn như Anh và Pháp là hai nước đã phản đối chống lại mọi sự can thiệp của khối Liên Phòng vào Ai-Lao, thì theo lời Ngoại trưởng Thái-Lan, họ đã «thọc gậy vào bánh xe». Thái-Lan không giấu giếm quan điểm của mình cho rằng khối Liên Phòng sẽ tiến mạnh hơn nếu không có hai nước này. Ngày 8-9-1961, nhân kỷ niệm đệ thất chu niên ngày thành lập Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á, Thủ Tướng Thái Sarit Thanarat trong

một bản hiệu triệu trên đài phát thanh, đã đòi trục xuất những hội viên nào không có quyền lợi tại Đông Nam Á. Thủ Tướng tuyên bố:

«Tôi sẵn sàng bênh vực chủ trương một sự sửa đổi Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á, nó sẽ cho Tổ chức này một ý nghĩa mới, nó sẽ đem lại cho các hội viên một niềm hăng say mới và tạo cho Tổ chức này thành một cộng đồng các quốc gia hội viên mà những ý kiến, quyền lợi, niềm hy vọng và những kế hoạch hoàn toàn phù hợp với nhau, mà mục đích căn bản là đảm bảo và duy trì hoà bình và hạnh phúc tại Đông Nam Á, sẵn sàng cùng nhau chịu những sự hy sinh để xây dựng một bức tường thành đối phó với những mối nguy cơ đe dọa họ». (Báo «The Bangkok Post» xuất bản ngày 8-9-1961).

Tuy nhiên người Thái cũng đủ thực tế để nhận thức rằng họ không thể trục xuất Pháp và Anh ra khỏi Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á. Cho nên họ thúc giục Hoa-Kỳ phải làm một bản tuyên ngôn đơn phương để đảm bảo nền an ninh của Thái-Lan và thay đổi điều khoản bắt buộc phải có đa số tuyệt đối trong mọi quyết định của Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á. Trong cuộc viếng thăm Hoa-Thịnh-Đốn, ngoại Trưởng Thanat đã được toại nguyện về việc này. Bản tuyên ngôn chung về những cuộc hội đàm diễn ra ngày 6-3-1962 giữa hai ngoại trưởng Rusk và Thanat, đã được công bố, lời lẽ như sau:

«Ngoại trưởng Hoa-Kỳ, một lần nữa, lại quả quyết rằng Hoa-Kỳ coi việc duy trì nền độc lập và sự vẹn toàn lãnh thổ

của Thái-Lan như là quyền lợi quốc gia thiết yếu của mình... Ngoại trưởng Thái-Lan và ngoại trưởng Hoa-Kỳ đã hội đàm với nhau về những mối dây liên lạc chặt chẽ nối liền hai nước ở trong Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á. Ngoại trưởng Hoa-Kỳ đã đoán chắc với ngoại trưởng Thái-Lan rằng trong trường hợp một cuộc gây hấn, Hoa-Kỳ có ý định làm tròn những nghĩa vụ mà Hoa-Kỳ đã cam kết trong khuôn khổ của hiệp ước, và theo những nghĩa vụ đó thì Hoa-Kỳ cam kết chiến đấu chống với mối nguy cơ chung đúng như các điều khoản đã thỏa hiệp. Ngoại trưởng Hoa-Kỳ lại quả quyết một lần nữa rằng nghĩa vụ này mà Hoa-Kỳ đã cam kết, không tùy thuộc vào sự thỏa thuận trước giữa tất cả các nước ký kết, xét vì những bổn phận do nơi Tổ chức Liên Phòng có giá trị đơn độc và tập thể ».

Tầm quan trọng của bản tuyên ngôn chung này là ở sự giải thích mới về những nghĩa vụ của các quốc gia hội viên, những nghĩa vụ này — trái với các điều khoản rất minh bạch của Tổ chức liên phòng dự trù rằng những quyết định liên quan đến những hành động của Tổ chức Liên Phòng Đông-Nam-Á phải được đồng thanh chấp thuận — sẽ phải có một giá trị không những là tập thể mà còn có cả giá trị đơn độc nữa. Như vậy là Hoa-Kỳ tuyên bố sẽ hành động tùy theo sự xét đoán riêng của mình để bảo vệ cho Thái-Lan hoặc bất cứ quốc-gia hội viên nào khác của Tổ chức Liên Phòng dù cho các hội viên khác không ưng thuận cũng mặc. Đó là điều mà Thái-Lan vẫn tìm kiếm từ lâu. Theo ý của Thái-Lan

thì quyết định này lại làm sống lại một lần nữa cơ cấu ngửa nghiêng của hệ thống phòng thủ chung của vùng Đông-Nam-Á. » (lời ngoại trưởng Thái).

Những mối liên lạc giữa Thái-Lan và Cam-Bốt

Những sự xích mích giữa Thái-Lan và Cam-Bốt đã làm u ám những mối liên lạc Mỹ - Thái cũng như là những mối liên lạc Mỹ-Mên. Những sự tranh chấp giữa các nước Đông Nam Á — Thái - Miến, Thái - Mên và Mên - Việt — đã có từ những biến cố lịch sử xảy ra từ trước khi người Âu tới rất lâu. Từ mấy thế kỷ trước kỷ nguyên, người «An-Nam» từ Quảng-Đông và Bắc-Việt tiến xuống miền Nam dọc theo bờ biển, đánh người Chăm, đuổi người Khmer về phía Tây và lọt vào Nam-kỳ. Những người Thái, người Shan và người Lào từ bờ biển phía Nam Trung Quốc di cư xuống miền Nam và chiến thắng người Non, người Mên và người Pyn (dân cư nước Miến-Điện).

Những cuộc tranh chấp lịch sử này đã để lại nhiều kỷ niệm còn nóng hổi trong ký ức của những dân tộc ở trong vùng này. Đối với Thái-Lan và Cam-Bốt, thái độ khác nhau của hai nước này đối với «trận chiến tranh lạnh» đã làm tái phát những xích mích cũ. Trong mấy năm trời, vấn đề chủ quyền tại nơi di tích của ngôi đền Phra Viharn ở trên dãy núi Dang Reak tạo thành biên giới thiên nhiên giữa Thái-Lan và Cam-Bốt đã là mối xích mích quan trọng nhứt giữa hai nước này. Cả hai nước

đều yêu-cầu Hoa-kỳ ủng hộ mình. Năm 1962, Tòa án Quốc tế La Haye xét xử vụ tranh chấp, đã xử cho Cam-Bốt thắng. Lập trường của Cam-Bốt lại được Ô. Dean Acheson bênh vực, (Ô. Acheson là cựu ngoại trưởng Hoa-Kỳ và là cố vấn của Tổng Thống Kennedy về những việc liên quan đến Tổ chức Bắc Đại Tây Dương) thành ra người Thái cảm thấy chua chát. Ngoại trưởng Thái Thanat Khoman công khai tỏ ý nghi ngờ về dụng ý và mục đích của Hoa-Kỳ tại vùng Đông Nam Á. Ông nói : «Thật là việc lạ lùng mà người ta lại cho phép một công chức Mỹ bênh vực một quốc gia Trung lập, nếu không nói là thân Cộng, trong một vụ tranh chấp về đất đai với một nước bạn đồng minh của Hoa-Kỳ (báo «Bangkok World» xuất bản vào những ngày 17 và 20-6-1962).

Người ta vừa mới tạm nguôi về vụ này thì những mối liên lạc Mỹ-Thái lại một phen bị vấn đục, vào cuối năm 1962 khi được tin Mỹ quốc cấp cho Cam-Bốt một cuộc viện trợ quân sự quan trọng. Người Thái thấy quyền lợi của họ bị thương tổn vì lẽ người Mỹ đã không tham khảo ý kiến họ trước khi đàm đương cái công việc buôn bán khí giới với kẻ thù truyền kiếp của họ. Tại Hoa - Thịnh - Đồn người ta lo sợ tin rằng cuộc viện trợ quân sự đã được cấp cho Cam-Bốt để cho nước này có thể ngăn chặn không cho du kích quân Việt-Cộng sử dụng lãnh thổ Cam-Bốt mà đột nhập vào Việt-Nam Cộng-Hòa. Nhưng người Thái không chịu hiểu theo sự giải thích này. Họ tin chắc rằng Hoàng thân No-

rodom Sihanouk không giám cầm khí giới chống lại Việt Cộng, nhưng ông ta sẽ dùng những khí giới đó để chống với Thái-Lan. Thủ tướng Sarit đã nói trắng ra cái điều nó đã làm cho người Thái bất mãn. Ông nói : « Khi Sihanouk nói gì thì người ta tin, nhưng khi chúng ta nói gì thì người ta không tin ». Vụ này làm cho người Thái bất bình đến nỗi Ông Tổng Trưởng Nội vụ, Tướng Prapas Charmsatien (trước kia là nhân vật thứ 3 trong chánh phủ Thái và nay là nhân vật thứ 2) đã nắm lấy cơ hội này để tính đến việc Thái - Lan quay trở về với chánh sách trung lập « cổ truyền » của mình. Ông nói :

« Chúng ta phải theo một chánh sách ngoại giao nó phải là chánh sách của chúng ta, một chánh sách riêng biệt của Thái-Lan, một chánh sách dựa trên lịch sử Thái, trên văn hóa Thái và trên những quyền lợi của dân tộc Thái. Mỹ Quốc chỉ tham khảo ý kiến chúng ta về các vấn đề liên hệ đến quyền lợi của họ và họ muốn dùng chúng ta vào những mục-đích riêng của họ. Tổ tiên chúng ta từ Ramkamahaeng Đại vương đến Chulalongkorn Đại vương qua thời Narasuan Đại vương, trong quá khứ đã bảo tồn được nền độc lập của nước Thái-Lan nhờ một chánh sách thực sự của người Thái. Chúng ta đã có những mối liên lạc với nước này hay nước nọ. Tại sao bây giờ ta lại không có thể theo một chánh sách như vậy, nó là chánh sách riêng của chúng ta ? » (Xem «The Bangkok Post» những ngày 6 và 10-9-1962).

Một sự độc lập rộng rãi hơn mà không phải là trung lập

Tại Thái-Lan mà phần đông người ta làm nghề nông, chánh trị là độc quyền của một thiểu số thượng lưu trí thức, họ chia ra nhiều nhóm khác nhau: những nhân vật thuộc quân đội và cảnh-sát, những phần tử khác trong nền hành chánh. Vì hệ thống chánh trị như vậy nên một quan sát viên ngoại quốc khó lòng mà biết rõ những ý kiến dị đồng trong giới trí thức lãnh đạo về một vấn đề quan yếu như là chánh sách ngoại giao. Nhưng có một điều chắc chắn là sự liên minh với Hoa-Kỳ đã được cứu xét đầy đủ và sâu rộng trong vòng 2 năm qua và người ta đã đi đến kết luận là Thái-Lan phải theo một chánh sách ngoại giao độc lập trong khuôn khổ tổng quát của sự hợp tác với Tây-Phương. Trong một bài diễn văn đọc ngày 27 tháng 9 năm 1962 trước phiên họp khoáng đại thứ 17 của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc, Ô. Thanat đã đoán chắc rằng Thái-Lan «muốn được tự do và độc lập để đi theo định mệnh của mình, không bám đuôi bất luận là một nước nào». Tuy các viên chức ở Vọng-Các đã đánh tan mọi giả thuyết cho rằng Thái-Lan sẽ quay về chánh sách trung lập, bằng cách tuyên bố là những giả thuyết như vậy đều vô căn cứ, nhưng họ cũng quả quyết rằng bài diễn văn của ngoại trưởng Thanat đã bộc lộ một cách hết sức rõ ràng như chưa hề thấy, chánh sách ngoại giao của Thái-Lan và bài diễn văn này xuất phát từ những cảm

ngẫm sâu xa về mọi khía cạnh của mối liên lạc ngoại giao của nước này. Người Thái-Lan, như là sau cuộc tấn công của Bắc-Kinh vào Ấn-độ hồi tháng 10 năm 1962, đã đi đến kết luận rằng trong tình thế hiện tại mà tính theo một chánh sách trung lập là điều thiếu thực tế. Về vấn đề này, chúng tôi lại xin kể lại lời tuyên bố sau đây của ngoại trưởng Thanat Khoman:

« Trong hiện tình của chúng ta, chúng tôi không tin rằng chánh sách trung lập là một giải pháp thích hợp... Một vài nước lân bang của chúng ta tuyên bố rằng họ là những nước trung lập. Đó là về lý thuyết. Trên thực tế thì họ ngã về một bên. Họ sợ hãi và họ cố sức làm nguôi lòng bên nào đe dọa họ. Chánh sách trung lập chỉ làm tăng thêm áp lực này... Nếu chúng ta thật mạnh thì có lẽ chúng ta có thể chấp nhận một thái độ trung lập... Chánh sách trung lập ở đây không trôi. Nó sẽ đem lại một sự đổi thay trong những mối liên lạc của chúng ta. Chúng ta lại phải mở cửa đón nhận những ảnh hưởng mới, dĩ nhiên là kể cả ảnh hưởng của Trung-Hoa ». (Xem bài phỏng vấn đăng trong tập san Hong-Kong « Far Eastern Economic Review » ra ngày 16-5-1963).

Do đó, người Thái đã cương quyết gạt bỏ chủ trương của Tổng-Thống De Gaulle đòi trung lập hóa Việt-Nam. Ngoại trưởng Thanat Khoman đã nói một cách mỉa mai rằng nước Pháp có thể ủng hộ chủ trương trung lập ở Âu-Châu hay ở Phi-Châu chứ không thể ở Á-Châu được. Nước Pháp mà người Thái đã nhiều lần trong quá khứ trách cứ là đã nuôi những âm mưu đen tối

đối với nước họ, thì ngày nay lại bị coi như là kẻ quấy rối muốn phá hủy thế quân bình lỏng lẻo của cựu bán đảo Đông-Dương. Người Thái sợ rằng việc Pháp thừa nhận Bắc-Kinh, với thời gian, sẽ làm thối chí những lực lượng chống Cộng trong phần này của thế giới.

Nếu Thái-Lan còn có những dây liên lạc chặt chẽ với các cường quốc Tây-Phương thì đó cũng là vì Thái-Lan càng ngày càng có những sự tiếp xúc chặt chẽ hơn với Châu Âu không Cộng Sản, là vì Thái-Lan cố gắng tạo nên những mối liên lạc hòa hiếu giữa các nước trong Đông Nam Á (ngoại trừ Cam-Bốt) trước mối nguy cơ chung mà Thái-Lan nhìn thấy từ phương Bắc tới. Thái-Lan là một trong những nước hân hữu ở Á-Châu cho thi hành những điều kiện phải chăng và có lối đối xử thích hợp đối với những vụ đầu tư của người Mỹ và người Âu. Trên phương diện những cuộc trao đổi kinh tế và văn hóa, những cuộc tiếp xúc này càng ngày càng gia tăng trong những năm gần đây. Chúng tôi chỉ xin đơn cử ra đây một tỷ dụ: Nước Cộng Hoà Liên Bang Đức đã thỏa thuận cho Thái-Lan vay 11 triệu Mỹ kim để thiết lập chương trình Pa-Mong, một trong số ba chương trình chánh yếu và vĩ đại nhất để khuếch trương vùng hạ lưu sông Cửu-Long, đặt dưới sự điều khiển của Viện Đông Kinh Tế Ủy Hội (E.C.A.F.E). Để tỏ tình thân hữu mỗi ngày một gia tăng giữa Thái-Lan và Đức Quốc, Tổng Thống nước Cộng Hoà Liên Bang Đức đã được tặng bội tinh Rajamitrabhom là bội tinh cao quý nhất mà Thái-Lan dành cho một nhân vật ngoại quốc.

Thái-Lan đã hết sức cố gắng tạo nên một sự hiểu biết và chủ trương một sự kết thân giữa các nước Đông Nam Á. Nhưng vì sự liên kết của Thái với thế giới Tây-Phương nên Thái không làm được gì nên chuyện trong vấn đề nói trên. Hai nước Miến-Điện và Nam-Dương đã vội nghi ngay là chủ trương của Thái có mục đích chống lại Bắc-Kinh. Ngoài ra, những mối liên lạc căng thẳng (1) giữa Thái-Lan và Cam-Bốt đã là một trở ngại rất lớn cho tình đoàn kết giữa Thái-Lan, Ai-Lao, Cam-Bốt và Việt-Nam Cộng-Hòa. Tuy nhiên, Thái-Lan là nước hội viên của Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á, Tổ chức này gồm các nước thân Tây-

(1) Việc sau đây cho người ta thấy Cam-Bốt thù ghét Thái-Lan đến bực nào: Ngày Thủ Tướng Thái Sarit tạ thế hồi tháng chạp năm 1963, Hoàng tử Sihanouk đã loan tin tổ chức một ngày quốc lễ và ông hô hào các đồng bào của ông hãy ăn mừng ngày lễ này như là «ngày vui mừng của toàn dân.» Theo báo chí Thái thì ngay khi đó, Sihanouk có tuyên bố rằng hồn thiêng của các bực tiên đế nước Cam-Bốt quả là linh thiêng nên đã xui khiến cho «ba kẻ thù đệ nhất của đất nước» (tỏ rằng là ám chỉ Ngô-Đình-Diệm, Tổng Thống Kennedy và Thống chế Sarit) đã phải chết cách nhau có vài tuần lễ; bây giờ đây 3 người sẽ họp hội nghị Liên Phòng Đông Nam Á ở dưới «địa ngục.» («The Bangkok Post» xuất bản ngày 20-12-1963). Đáp lại một lời phản kháng của Hoa-Kỳ, Chánh Phủ Cam-Bốt đã cho công bố ngày 13 tháng Chạp một bản tuyên ngôn trong đó ông chối cãi không hề xúc phạm đến hương hồn của Tổng thống Kennedy. Bản tuyên ngôn tiếp: «Còn như Ngô-Đình-Diệm và Sarit, người ta không vui mừng về cái chết của họ nhưng người ta vui mừng về sự giải thoát khỏi những mối đe dọa và sách nhiễu mà họ là hiện thân lúc sinh thời.» («Nữ Uớc Thời Báo» ngày 14-12-1963).

Phương — như Mã-Lai, Thái-Lan và Phi-Luật-Tân — với mục đích là hợp tác với nhau về kinh tế, và Thái đã góp sức rất nhiều vào sự thành công của Tổ-chức này.

Ngoài ra, Thái-Lan còn cố gắng một cách kín đáo nhưng rất có hiệu quả, để giàn xếp vụ xích mích ở Mã-Lai bằng cách giúp triệu tập 3 phe tranh chấp là Mã-Lai, Phi-Luật-Tân và Nam-Dương cùng nhau họp mặt chung quanh một bàn hội nghị. Hồi mà sau cuộc trung gian của Ô. Robert Kennedy, Tổng Trưởng Tư Pháp Hoa-Kỳ, Nam-Dương nhận được lệnh ngừng bắn tại biên giới Bắc Bornéo, thì một hội nghị của các ngoại trưởng của 3 nước nhóm họp trong tuần lễ thứ hai trong tháng 2 năm 1964 tại Vọng-Các dưới quyền chủ tọa của ngoại trưởng Thái-Lan, Thanat Khoman. Chiều theo một thỏa hiệp ký kết tại hội nghị này, Thái-Lan được giao phó trọng trách khó khăn và tế nhị kiểm soát lệnh ngừng bắn. Vì lệnh ngừng bắn không được luôn luôn tôn trọng nên một hội nghị mới của các vị ngoại trưởng lại được triệu tập vào tháng 3 tại Vọng-Các, nhưng vì hội nghị này không có kết quả nên phải gián đoạn. Người ta không biết về sau những cố gắng của Thái-Lan có đem lại kết quả tốt đẹp nào không.

Tất cả những cố gắng trên đây là do ở thiện ý của Thái-Lan muốn thiết lập những mối liên lạc hòa hiếu giữa các nước không Cộng Sản tại Đông Nam Á. Một kết quả mỹ mãn đã đạt được trong việc đánh tan những sự hiểu lầm kéo dài từ lâu năm giữa Thái-Lan và Miến-Điện là việc ký kết hồi tháng 3 năm 1963 một thỏa hiệp về

biên giới và hợp tác kinh tế giữa hai nước.

Kết luận

Trong mấy chục năm trời, chánh sách ngoại giao của nước Thái-Lan lấy nguyên tắc căn bản là tự thích ứng với những biến thiên của những tương quan lực lượng ở Á-Châu và ngã theo cường quốc nào hùng mạnh nhất. Trong trường hợp những mối liên lạc hiện tại, cũng có một phần sự lựa chọn lý tưởng theo Tây-Phương, lấy mục tiêu chống Cộng làm nền tảng cho sự liên minh. Vào tháng Chạp năm 1963, ngoại trưởng Thanat Khoman một lần nữa lại tuyên bố rằng, nhân danh là một nhân viên của tân Chánh Phủ do Tướng Thanom Kittikachorn lãnh đạo, nước Thái-Lan sẽ tiếp tục theo một chánh sách ngoại giao «dựa trên địa lý, lịch sử cùng những truyền thống và quyền lợi của nước Thái-Lan, nhưng cũng mềm dẻo để dễ thích ứng với tình hình hiện tại». (The «Bangkok Post» ra ngày 2-12-63).

Vừa đi tìm kiếm một sự độc lập rộng rãi hơn trong phạm vi chánh sách ngoại giao, nước Thái-Lan cũng sẽ vừa trung thành với sự liên minh với Tây-Phương cho tới khi nào Thái có cảm tưởng rằng Tây Phương về phía họ muốn bỏ rơi Thái. Từ khi người Mỹ rút lui ra khỏi Ai-Lao, người Thái không lúc nào cảm thấy hoàn toàn chắc chắn ở sự bảo vệ của Tây Phương. Người ta không lấy làm lạ thấy người Thái chờ đợi ở phía Hoa-Kỳ, tại Ai-Lao (và nói chung trong vùng Đông Nam Á) thái độ cứng rắn đối với Cộng Sản cũng giống như là tại Cuba. Hoàn cảnh của người Thái

cũng giống như hoàn cảnh của người Đức ở chỗ là họ cần người Mỹ thỉnh thoảng lại lập lại và xác định sự cam kết của người Mỹ bảo vệ họ. Tổng Thống Kennedy đã nhiều lần tuyên bố như vậy và tân Tổng Thống Mỹ đã lại quả quyết một lần nữa ý chí cương quyết của Hoa-kỳ đứng bên cạnh Thái-Lan và áp dụng mọi biện pháp cần thiết và thích ứng trong trường hợp Cộng Sản đe dọa biên giới Thái.

Nếu thỉnh thoảng Thái-Lan lại dọa quay về với «chánh sách trung lập cổ truyền của nước Thái-Lan» thì đó chỉ là đường lối của các nhà lãnh đạo Thái để tỏ bày sự bất mãn của mình đối với phương diện nào đó trong chánh sách của Hoa-Kỳ tại vùng Đông-Nam-Á. Đó cũng là phương sách để cho Thái-Lan công bố nền độc lập của riêng mình cho chính dân mình và cho toàn thể thế giới và phản đối điều mà người ta cứ cho là dĩ nhiên, nó là thái độ thân Tây-Phương của mình. Cũng có thể là những lời đe dọa đó của Thái-Lan có dụng ý là đem thử thách sự vững bền của những đảm bảo của Hoa-Kỳ liên quan đến nền an ninh của Thái-Lan và thâu hoạch thêm một sự viện trợ kinh tế quan trọng hơn.

Sự khuếch trương thương mại với Nga-Sô chắc có lẽ cũng nhằm cùng những mục đích và còn giúp cho Thái-Lan vượt qua những nỗi khó khăn trong cán cân chi thu do ở sự giảm thu về xuất cảng của Thái-Lan, một tình trạng chung cho các nước chuyên xuất cảng các nguyên liệu. Năm 1961-1962, cán cân thương mại với Nga-Sô đã nghiêng về Thái-Lan. Thái bán cho Nga 123,5 triệu Baht (6 triệu Mỹ

kim) về gạo, cao-su và đay và chỉ mua của Nga có 20,6 triệu Baht (1 triệu Mỹ kim) về vải vóc và giấy. Mới đây Nga-Sô đề nghị mua của Thái-Lan 100.000 tấn gạo (theo «The Bangkok Post» ra ngày 28-12-1963). Nhưng Thái từ chối không chịu nhận một sự viện trợ của Nga vì Thái-Lan sợ nhận viện trợ sẽ mở đường cho Cộng-Sản độn nhập. Những chương trình tổ chức thương mại của Nga-Sô tại Vọng-Các còn lâu mới thiết lập và những mối liên lạc thương mại vẫn chưa ấn định một cách chánh thức: theo một vài dấu hiệu, người ta có thể kết luận rằng người Thái mong giữ cái đường lối cũ mà họ rất sợ trường và họ cố lợi dụng cuộc xích mích Nga-Hoa bằng cách đẩy bên này để khích bên kia. (Theo «The Bangkok Post» ra ngày 7-1-1964).

Một cuộc đổi thay tương quan lực lượng ngã về Bắc-Kinh sẽ đe dọa cả đến giới thượng lưu trí thức Thái hiện đang nắm chánh quyền ở những địa vị mà họ đã nắm giữ từ hơn 30 năm nay. Cho nên giới trí thức này chỉ có lợi để duy trì những mối giao hảo với Tây-Phương. Nhưng nếu những điều kiện làm căn bản cho sự liên minh thực tế của nước Thái-Lan với Tây-Phương đến lúc phải đổi thay, nghĩa là nếu có một vài dấu hiệu cho thấy rằng người Mỹ sắp rút lui, thì lúc đó, nước Thái-Lan rất có thể dựa vào một nền tảng tâm lý tạo nên bởi địa lý, lịch sử, văn hóa và những truyền thống của mình mà quay về một chánh sách trung lập quốc gia.

Trích dịch tập san Tây Đức
«EUROPA-ARCHIV»
Bài của tác giả L. P. Singh

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plaplachul, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E.C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala Lumpur : *14 Ampang Street.*

Vấn đề dạy sinh ngữ tại cấp Trung học

● TRƯƠNG-VĂN-CHÌNH

VẤN đề chuyển ngữ tại bậc đại học, coi như đã giải quyết. Không còn có phần tử ngoan cố, bênh vực chủ trương : giáo sư Đại học người Việt giảng bài bằng ngoại ngữ cho sinh viên cũng người Việt.

Dẫu vậy, sinh viên của ta vẫn cần phải biết ngoại ngữ (1), vì hai lẽ chính kể dưới đây :

a) Chúng ta chưa đủ giáo sư Đại học, nên có môn còn phải mời giáo sư ngoại quốc dạy giùm.

b) Học ở bậc Đại học, khác hẳn ở bậc Trung học. Ngoài bài giảng của giáo sư, sinh viên còn phải khảo cứu thêm trong các sách, do giáo sư chỉ dẫn. Hiện nay, sách viết bằng quốc văn cho sinh viên khảo cứu chưa đủ (2), bắt buộc sinh viên phải tra cứu trong các sách ngoại ngữ.

Nhưng, hiện giờ, học sinh tốt nghiệp Trung học, lên bậc Đại học, đa số rất kém về ngoại ngữ, không đủ « vốn » ngoại ngữ để hoặc theo được lớp các giáo sư ngoại quốc, hoặc tham khảo các sách viết bằng ngoại ngữ.

(1) Bộ Quốc gia Giáo dục đã nêu thành nguyên tắc rằng : « Mặc dầu chuyển ngữ ở Đại học là tiếng Việt, sinh viên cũng « cần phải thông thạo một sinh ngữ và biết qua một sinh ngữ khác. » (Chương trình trung học, Bộ Q.G.G.D. xuất bản, 1960, tr. 12).

(2) Đợi cho có đủ sách quốc văn để sinh viên khảo cứu, chắc còn lâu. Chưa có quy chế cho giáo chức Đại học để khuyến khích những nhà học giả chuyên về nghiên cứu; những người dạy tại Đại học còn bị bực đãi, thì chưa có mấy người chịu ngồi mà nghiên cứu. Và lại, ở bậc Đại học mà có người dạy mỗi tuần lễ đến 15, 20 giờ, thì làm sao còn có thời giờ để nghiên cứu !

Lỗi ấy tại đâu ? Tại học sinh không chịu học ngoại ngữ, hay tại chương trình giáo khoa ?

Hiện nay, tại bậc Trung học, ta dạy hai sinh ngữ : Anh ngữ và Pháp ngữ. Học sinh đệ Nhất cấp (4 năm) chỉ học một sinh ngữ, lên đệ Nhị cấp (3 năm) mới học hai sinh ngữ, một chính, một phụ. Ở đệ Nhất cấp, học Anh ngữ, thì

lên đệ Nhị cấp lấy Anh ngữ làm sinh ngữ chính, Pháp ngữ làm sinh ngữ phụ. Trái lại, ở đệ Nhất cấp học Pháp ngữ, thì lên đệ Nhị cấp lấy Pháp ngữ làm sinh ngữ chính và Anh ngữ làm sinh ngữ phụ.

Số giờ dạy sinh ngữ, mỗi tuần lễ, định như sau (3) :

Lớp đệ	SINH NGỮ CHÍNH		SINH NGỮ PHỤ	
VII	6			
— VI	6			
— V	5			
— IV	5			
— III	6	4	6	4
— II	6	4	6	4
— I	6	3	6	3
	(Văn chương)	(Khoa học)	(Văn chương)	(Khoa học)

Mỗi năm có 52 tuần lễ, nhưng trừ nghỉ hè và các ngày lễ, cho là chỉ học có 30 tuần lễ, thì theo bản phân phối trên :

— đệ Nhất cấp học : $(22 \times 30 =) 660$ giờ ;

— đệ Nhị cấp học : $\left\{ \begin{array}{l} \text{ban văn} \left\{ \begin{array}{l} \text{sinh ngữ chính} : (18 \times 30 =) 540 \text{ giờ} \\ \text{sinh ngữ phụ} : (18 \times 30 =) 540 \text{ giờ} \end{array} \right. \\ \text{ban} \left\{ \begin{array}{l} \text{sinh ngữ chính} : (11 \times 30 =) 330 \text{ giờ} \\ \text{khoa học} \left\{ \begin{array}{l} \text{sinh ngữ phụ} : (11 \times 30 =) 330 \text{ giờ} \end{array} \right. \end{array} \right.$

(1) Chương Trình trung học, đã dẫn trên, tr. 13.

Nói tóm lại, trong 7 năm Trung học, học sinh ban văn chương học (660 + 540 =) 1.200 giờ sinh ngữ chính và 540 giờ sinh ngữ phụ, còn học sinh ban khoa-học học (660 + 330 =) 990 giờ sinh ngữ chính và 330 giờ sinh ngữ phụ.

Ta hãy bỏ, không nói đến sinh ngữ phụ, mà chỉ nói đến sinh ngữ chính. Trong suốt 7 năm, học 1.200 hay 990 giờ (4), mà vì sao lên bậc Đại học, sinh viên không hiểu nổi bài giảng của giáo sư ngoại quốc (5), không đủ sức để đọc sách ngoại ngữ ?

Lỗi, nhất định, không phải ở con em chúng ta : học sinh và sinh viên Việt-Nam đã có tiếng là rất chăm chỉ. Vậy, ta phải tìm xem thiếu sót ở đâu, để kiểm phương pháp bổ khuyết.

Chúng tôi có hai con học hết ban Trung học. (Chúng đã may mắn được theo học tại một trường trung học công lập, có tiếng ở Sài-Gòn). Theo dõi việc học của con trong suốt 7 năm chúng tôi xin trình bày vài nhận xét thiết thực dưới đây :

1) Giáo sư, đa số không được huấn luyện đầy đủ để dạy Anh ngữ và Pháp ngữ, nhất là ở đệ Nhị cấp. Đã thế, dường như định ngạch cũng thiếu, vì có năm con tôi không may mắn gặp phải một giáo sư nghỉ bệnh luôn mà không có giáo sư bổ sung thay thế. Về điểm thứ nhất này, chúng tôi không quy lỗi cho các giáo sư. Lỗi là ở chế độ, ở chương trình và phương pháp huấn luyện giáo sư trung học.

2) Sách giáo khoa, không có. Về Anh ngữ, vẫn thấy dùng bộ cũ rích «Carpentier-Fialip» dạy tại các trường

Pháp mấy chục năm về trước, và hiện nay họ không dùng đến nữa. Về Pháp ngữ, tuy rằng có rất nhiều sách xuất bản mấy năm gần đây, nhưng chưa thấy có quyển nào xuất sắc, chưa có bộ nào soạn có phương pháp và theo một chương trình liên tục từ đệ Thất đến đệ Nhất. Vì Bộ Q.G.G.D. cũng không kiểm duyệt sách giáo khoa, nên lắm quyển đầy dẫy những lỗi quá sơ đẳng. Loại sách này, để vào tay giáo sư còn kém kinh nghiệm, thật là một mối nguy cho học sinh.

3) Xem đến chương trình giáo khoa, ta thấy nhiều điểm không được thiết thực. Mục đích học sinh ngữ ở bậc Trung học, theo chúng tôi, tưởng rằng chỉ cốt sao, sau 7 năm, học sinh có thể nghe hiểu, viết đúng ngữ pháp, và đọc được sách báo. Vì thế mà chúng tôi thấy rằng bất học sinh học văn học sử Pháp, Anh về thế kỉ 16, 17, và bất giáo sư giảng văn cũng về hai thế kỉ ấy, là một điều không có lợi thực tế gì.

(4) Chúng tôi không hiểu vì lẽ gì ban khoa học bậc Trung học lại học sinh ngữ ít hơn ban văn chương. Hiện giờ, ban Khoa học (kể cả y dược) trên bậc Đại học, có khá nhiều giáo sư ngoại quốc giảng dạy. Và lại, sinh viên ban Khoa học cũng cần phải khảo cứu sách và tạp chí ngoại ngữ, cần chẳng kém sinh viên ban Văn chương.

Khi học đã học ít giờ hơn, khi thi bên ban Khoa học, sinh ngữ cũng bị coi rẻ hơn. Sinh ngữ chỉ thi vấn đáp, hệ số 1, mà bên ban văn chương phải thi cả viết lẫn vấn đáp, hệ số 3 hay 2. Như vậy, không lạ gì học sinh ban Khoa học chèn màng phần sinh ngữ, và khi lên theo học bậc đại học, rất kém về sinh ngữ.

(5) Cũng phải kể cả một số giáo sư người Việt, vẫn cứ soạn bài và giảng bài bằng Pháp văn.

Chúng tôi tưởng không cần phải nói nhiều đến những thiếu sót về chương trình và phương pháp dạy sinh ngữ tại bậc Trung học. Cứ nhìn kết quả cũng đủ nhận thấy cần phải chỉnh đốn lối dạy hiện tại. Mỗi tuần lễ con em chúng ta, đã học ở trường năm, sáu giờ ngoại ngữ rồi, thế mà nhiều gia đình vẫn phải cho chúng đi học thêm không ở hội Việt Mĩ, thì ở Trung tâm Văn hóa Pháp.

Sửa chữa những khuyết điểm kể trên, theo chúng tôi, không phải là việc khó. Hiện nay, chúng ta đang được hưởng, không phải chỉ có một, mà nhiều chương trình viện trợ văn hóa và kĩ thuật của các nước bạn. Vậy, chúng ta sẽ yêu cầu các nước bạn, « viện trợ » cho chúng ta phương pháp dạy sinh ngữ cùng là huấn luyện giáo sư dạy sinh ngữ cấp Trung học.

Ta sẽ gặp người đại diện Pháp (về phần Pháp ngữ,) và đại diện Anh hay Mĩ (về phần Anh ngữ), và trình bày như sau: « Trong chương trình Trung học của chúng tôi, có từng này giờ dạy Pháp ngữ (hay Anh ngữ) (6), chia ra 7 năm. Vậy, xin các ông soạn giúp cho một bộ sách dạy Pháp ngữ (hay Anh ngữ), để học sinh của chúng tôi học hết ban Trung học rồi, có thể theo được bậc Đại học tại Pháp quốc (hay Anh quốc, Mĩ quốc)».

Sách «viện trợ» sẽ do bộ Q.G.G.D. của ta xuất bản, bán rẻ cho học sinh, và bắt buộc dạy tại các trường Trung học, công và tư.

Có sách rồi, ta sẽ nhờ nước bạn phái sang Việt-Nam một số huấn luyện viên để đào tạo cho ta giáo sư

dạy sinh ngữ. Như vậy, chỉ trong 2, 3 năm, ta vừa có sách giáo khoa vừa có một số giáo sư lành nghề; và mười năm nữa, học sinh của ta học hết ban Trung học rồi, có thể hoặc đi du học ngoại quốc mà không mất thời giờ trau dồi thêm về ngoại ngữ, hoặc ở trong nước mà theo được bài giảng của giáo sư ngoại quốc và khảo cứu thêm các sách ngoại ngữ.

**

Nhân nói đến dạy sinh ngữ tại bậc Trung học, chúng tôi muốn bàn xem có cần dạy thêm ngoại ngữ nào nữa không?

Dù về sau, nền Đại học của ta có phát triển về đủ mọi phương diện, ta vẫn cần cho thanh niên đi du học tại nhiều nước ngoài, hoặc mời học giả và giáo sư danh tiếng ngoại quốc đến nước ta giảng một vài khóa.

Hiện nay, vì chỉ học có Anh ngữ và Pháp ngữ, sinh viên của ta chỉ có thể đi du học tại nước nào có bậc Đại học dạy bằng hai thứ tiếng ấy. Còn nhiều nước ở Âu châu, mà thứ nhất là nước Đức, thanh niên Việt-Nam cũng cần đi du học. Vậy, có nên dạy Đức ngữ tại Trung học không?

Ở bên Đông phương, mở mang, tiến bộ hơn chúng ta, có Nhật-Bản và Trung-Hoa (Đài-Loan). Ta cũng nên cho nhiều thanh niên đi du học ở hai nước ấy. Và lại, cho con em sang Đài-Loan hay Nhật-Bản, ta thấy có nhiều lợi hơn là đi Âu hay Mĩ. Thứ nhất là mức sinh hoạt ở hai nơi này không

(9) Như chúng tôi đã nói ở trên (lời chú 4) số giờ dạy sinh ngữ ở cả hai ban Văn chương và khoa học, bậc Trung học, nên đề bằng nhau,

mất mở như ở Âu Mỹ, nhiều gia đình có thể cho con em đi du học được. Xa nhà, con em của ta sẽ không bị « lạc lõng » ở những nước cùng văn hóa, cùng có tổ chức xã hội như ta. Thanh niên Việt-Nam sẽ rút được nhiều kinh nghiệm thực tiễn, để đem về áp dụng cho một nước nông nghiệp mới bắt đầu tiến tới công kỹ nghệ.

Tóm lại, chúng tôi đề nghị : ở bậc Trung học, ngoài Pháp ngữ và Anh ngữ, nên dạy thêm ít ra là Đức, Nhật và Hoa ngữ (chúng tôi nói Hoa ngữ chứ không phải Hán tự). Chúng tôi dám chắc rằng các nước bạn kể trên sẽ sẵn sàng « viện trợ » chúng ta về soạn sách giáo khoa và huấn luyện giáo sư.

Ở trên, chúng tôi chỉ nói đến sinh ngữ dạy tại các trường Trung học. Ngoài ra, bộ Q. G. G. D. còn phải nghĩ đến việc tổ chức trường cao đẳng dạy Tây phương ngữ và Đông phương ngữ, để đào tạo nhân viên ngoại giao, cùng là giúp cho những nhà nghiên cứu, những nhà kinh tế muốn phát triển ngành hoạt động của họ.

Trong hoàn cảnh nước Việt-Nam, về chính trị cũng như về địa lí, mà không có trường dạy tiếng Mên, tiếng Thái, tiếng Mã-lai, v. v..., và nhất là ngôn ngữ của đồng bào thiểu số, thì thật là một điều sơ sót đáng trách.

TRƯƠNG VĂN CHÌNH

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DẶNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÂM TẠI THỤY-SĨ

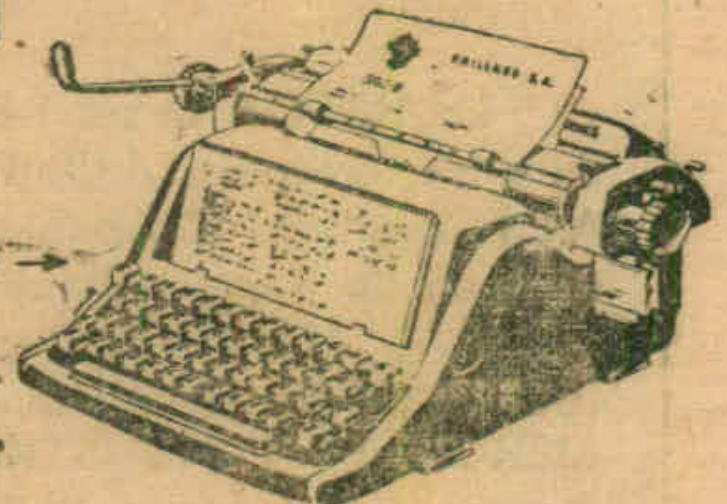
HIEU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu - Téléphone 20.821 - SAIGON

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.
Siège social : 16 Bd des Italiens-Paris 9^e

SAIGON

36 Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 24.902 — 3 Lignes

135 *Đai-lộ Nguyễn - Huệ*
(Immeuble TAX)

Téléphone: 22.797 — B.P. No E-5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B.P. 122

SUCCESSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box no 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F. A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B.N.C.I. « à A ») Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba. (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos Apapa, Kane, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco de Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Nhân vụ tranh chấp

Malaysia / Indonesia (9 - 1964)

trước Hội đồng Bảo-An L.H.Q.

I. — SAU cuộc thăm dò ý-kiến do Liên-Hiệp-Quốc bảo-trợ, Malaysia ra mắt ngày 16-9-1963. (1) Và kể từ đó mặc dầu đều là quốc-gia hội-viên Liên-Hiệp-Quốc, Indonesia và Phi-Luật-Tân cùng đọan-giao với Malaysia! Nguyên Đại-sứ Indonesia tại Kuala-Lumpur (2) sau khi triệu-hồi được cử đi nhậm chức mới tại Manille, nhưng chánh-phủ Phi-Luật-Tân không nhận... Thế là : Phi-Luật-Tân bất-bình với Malaysia, vì vấn-đề lãnh-thổ Sabah (3); Indonesia bất bình với Malaysia, vì tân quốc-gia này được thành-lập với sự ủng-hộ của Anh, theo quan-niệm Tổng-Thống Soekarno, là một mối đe-dọa lớn cho Indonesia (4); ngày nay, do sự xung-khắc ngấm-ngấm cò-hữu giữa hai quốc-gia Phi-Luật-Tân/Indonesia cùng trong khối Á-Phi, lại thêm một ung-nhọt chánh-trị bị vỡ ra,

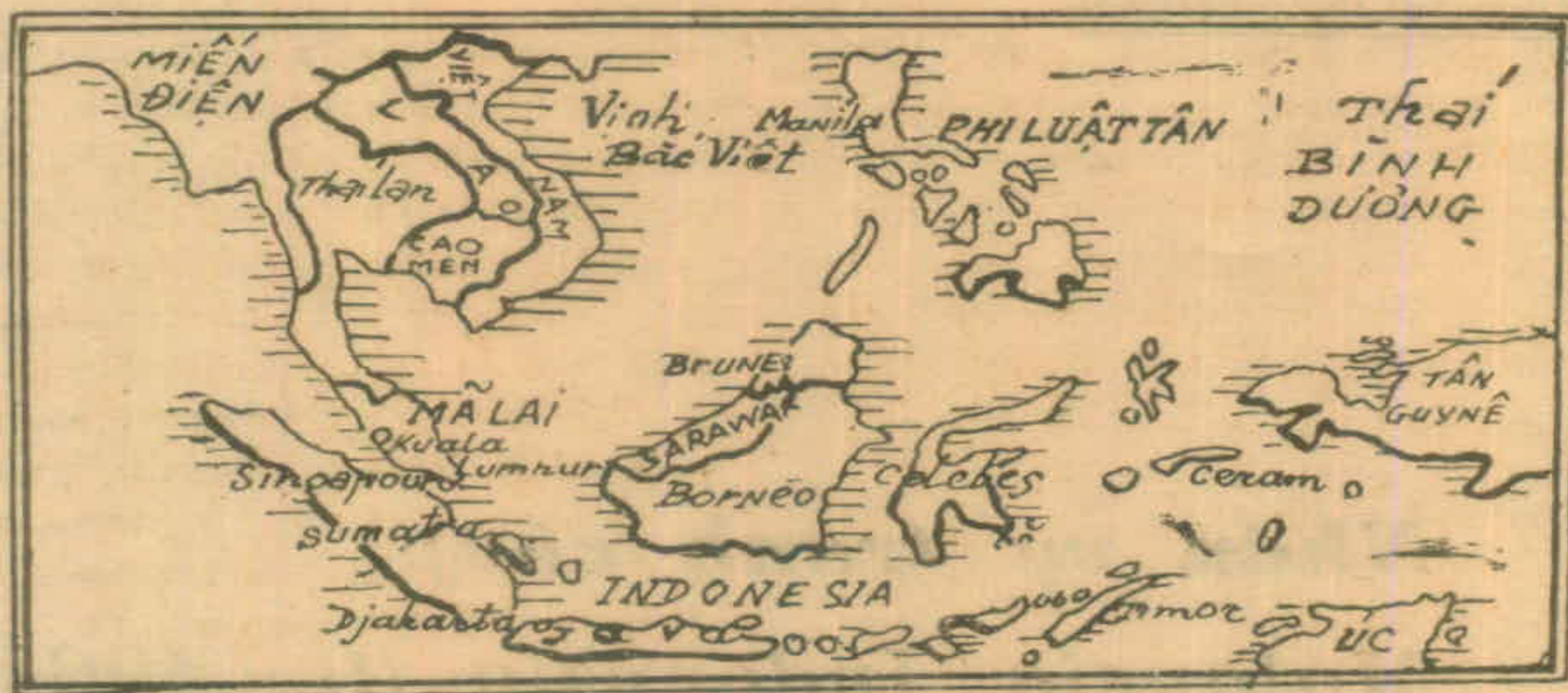
không làm ai ngạc-nhiên vì ai nấy đều chờ đợi... (5)

Bởi vậy, sau kỳ đệ nhị thế-chiến, nếu tổ-chức Bénélux (6) ở Âu-Châu là một trường-hợp kiều-mẫu đoàn-kết, mặc dù chỉ là trong

(1) Đáng lẽ Malaysia thành lập từ 31-8-63, nhưng vì Indonesia khiếu nại nên Liên-Hiệp-Quốc gửi phái đoàn điều tra. Phái đoàn đã đồng ý về Malaysia được công khai tuyên bố thành lập ngày 16-9-1963. Mặc dù vậy quốc-khánh của Malaysia vẫn là ngày 31-8.

(2) Thủ-đô Malaysia. (Đại-Má-Lai Á)

(3) Phi-Luật-Tân/Malaysia triệu-hồi Đại-sứ, nhưng sau tái-lập bang-giao với cấp-bậc Lãnh-sự. Từ đó tới nay lập trường của Phi không thay đổi : Phi đòi chánh phủ Malaysia mang việc tranh-chấp lãnh-thổ Sabah ra trước Tòa Án Quốc-tế giải-quyết trước, Phi sẽ công-nhận Malaysia sau. Vì nếu Phi công-nhận Malaysia trước, sự-kiện có nghĩa mặc-nhiên như Phi đã từ bỏ yêu-sách đất-đai, và Malaysia vốn dĩ có lý. Phi tin-tưởng sẽ thắng, nếu vấn-đề được mang ra trước Tòa Án Quốc-tế.



Maphilindo

Về phần Malaysia lại không chịu như vậy. Malaysia không vội cần tới sự công-nhận của Phi. Hơn nữa Malaysia muốn thảo-luận tay đôi với Phi trước, xem yếu-tố xác-dáng như thế nào, rồi mới thuận đưa nội-vụ ra trước Tòa Án Quốc-Tế.

(4) Xin coi bài : « 10 năm bang giao Việt-Nam/Indonesia » Bách-Khoa số 184, Tổng-thống Soekarno đọc diễn-văn nhân dịp lễ Độc lập tại Djakarta, ngày 17-8-1964 : Malaysia là con chó giữ nhà cho đế-quốc, canh gác ngay ở ngưỡng cửa Indonesia ! »

(5) Indonesia không tiếc lời công-kích thóa-mạ Hoa-Kỳ. Mà theo nhận xét của Tổng-thống Soekarno, thì Phi-Luật-Tân chỉ là một dụng cụ cho đế-quốc... Ngoài ra, ta cũng không nên quên Indonesia được Nga ủng hộ đặc lực về chánh-trị cũng như tài-chánh.

(6) Hợp-tác chặt-chẽ về tiền-tệ và quan-thuế, giữa ba nước Bỉ (BELgique), Hà-Lan (NEderland), và Lục-Xâm-Bảo (LUXembourg).

(7) Chỉ tất ba xứ Mã-Lai (Malaisia), Phi-Luật-Tân (Philippines) và Indonesia. Sau này cuộc thăm dò dân-ý cuối năm 1963 dời Malaisie = Mã-Lai thành : Malaysia = Liên-bang Đại-Mã-Lai Á, gồm Mã-Lai + Tân-Gia-Ba + một số lãnh thổ phụ-cận...

phạm-vi kinh-tế và thương-mại, thì ở Á-Châu, đối với những ai theo dõi chánh-trị, chữ Maphilindo (7) đã làm liên-tưởng tới những ý-nghĩ đáng buồn về các vụ tranh-chấp, tráo-trở, mà chánh-phủ Indonesia (1) dưới quyền lãnh-đạo của Tổng-Thống Soekarno đã là nguyên-nhân sâu-xa và thủ một vai trò quan-trọng !

Chúng ta sẽ có dịp phân-tách trường hợp Malaysia/Indonesia xung khắc : các thực-tế, yếu-tố, diễn-tiến, công-khai hay ngấm-ngấm, đã đưa đến tình-trạng như hiện nay. Ở đây, chúng ta chỉ thu hẹp đề-tài trong phạm-vi nội-vụ đã được đưa ra trước Hội-đồng Bảo-an Liên-Hiệp-Quốc, những ngày 9-10-14-15 và 17-9-1964.

..

(1) Chúng ta không viết : Indonesia, hay dân tộc Indonesia ; mà đây là : chánh phủ Indonesia dưới quyền lãnh đạo của Tổng Thống Soekarno.

II.— **M**ẶC dù được các nước bạn chung của hai quốc-gia nhiều lần đứng trung-gian hòa-giải, — lần sau chót, các nhà lãnh-đạo gặp nhau tại Tokyo, đầu năm 1964, — bài toán Malaysia/Indonesia đã không tìm thấy một lời giải thỏa-đáng. Khúc rẽ khó thề quay lại được, là khoảng tháng 5 - 1964, Tổng-Thống Soekarno đọc diễn-văn này lửa trước thềm điện Merdeka (1), ở Djakarta, tuyên bố « không thềm ăn xin điều đình » và « hô hào 21 triệu chí-nguyện quân hãy mau đành bẹp xứ Mã-Lai» cùng là « cương quyết ủng hộ dân-tộc Mã-lai, Singapour, Bornéo và Sarawak, đoàn kết đập tan Malaysia ! » . . . Lẽ dĩ nhiên, dân chúng Indonesia đã được « huấn luyện » và « tồ-chức » đề khi có dịp, sẽ tức khắc họa lời: « Diệt Malaysia ! ». Và dư âm này hòa điệu với huấn-lệnh « danh thép » của Tổng - thống Soekarno, kích - thích « toàn - dân phải dũng - cảm đứng dậy làm hậu - thuẫn cho các dân tộc đang tranh-đấu, ngõ hầu tự giải-thoát khỏi nanh-vuốt thâm độc của Thực-dân và Đế-quốc » !

Tại Kuala-Lampur, phản-ứng của Thủ-Tướng Tengku Abdul Rahman cũng không kém phần mãnh - liệt : « Tổng - Thống Soekarno hãy coi chừng, trước khi đưa Indonesia vào một thảm trạng bất khả cứu-vãn ! »

Thế rồi : Indonesia đồ bộ tại Pontian ngày 17-8 ; thả dù ở Labis ngày 2-9-64 ; Malaysia đưa nội-vụ ra trước Hội-đồng Bảo-an yêu cầu Liên-Hiệp-Quốc lên án Indonesia

đã có « hành động xâm-lãng trắng-trợn, không thề nào tha-thứ » ! . . . Trong khi Phi - Luật - Tân yêu cầu được phép trình - bày quan-điểm, không phải nhân - danh là có liên-quan trực tiếp tới vụ tranh-chấp nhưng với tư-cách Phi-Luật-Tân là một quốc-gia Đông-Nam-Á, Ngoại-trưởng Phi Mauro Mendez phát-biêu ý kiến « bài toán Á-đông cần phải có một lời giải theo quan niệm Á-đông », và Chánh-phủ Phi « hy-vọng Hội-đồng Bảo-an sẽ tán thành ý-kiến thành lập một Ủy-ban hòa-giải các nước Á-Phi » . . . hội Phi-luật Tân cũng được mời tham dự Hội-đồng nhưng không có quyền bỏ phiếu . . .

* *

III.— **V**Ụ tranh - chấp được đưa ra trước Hội-đồng Bảo-an.

Trên chính-trường thế-giới, Malaysia được Mỹ, Anh, các quốc-gia thuộc khối Thịnh-vượng chung và đại đa số các quốc gia thuộc khối Tự - do ủng hộ. Phi-luật-Tân, mặc dù không thuận thảo với Malaysia, cũng sẵn lòng lên án sự gây hấn do bất cứ ai chủ trương ở bất cứ nơi đâu, nếu có đủ bằng chứng : điều đó mặc-nhiên đặt Phi - luật - Tân đứng về phía Malaysia. Còn hết thảy các quốc-gia xã hội, cộng sản, đều hậu thuẫn cho Indonesia. Nhận xét đó đủ cho chúng ta hiểu cuộc bàn luận tại Hội-đồng có thề gay-go phức-tạp đến bực nào !

(1) Dinh Độc-lập.

Điều đáng chú ý hơn nữa là : tháng 9-64, nhằm phiên đại-biểu Nga Platon Morozov làm chủ-tịch ; và Nga là quốc-gia hội viên thường xuyên, vì vậy có quyền phủ quyết... (1)

**

IV. — LẬP - TRƯỞNG của phái-đoàn *Malasya* thật vững-chắc, chiến-thuật tế-nhị và khoa-học.

Malaysia trưng-viện những bằng chứng cụ-thể : quân du-kích nhảy dù Indonesia bị giết chết tại Labis ; vũ-khí bị tịch-thâu ; ngoài ra, còn cả các nhân-chứng sống...

Tổng-trưởng Nội-Vụ kiêm Tư-Pháp Ismail Bin Dato Abdul Rahman Trưởng Phái-Đoàn Malaysia, yêu cầu Hội-đồng lên án : Indonesia đã « phạm một lỗi xâm-lãng trầm-trọng vào bậc nhất ». Và ông nhấn mạnh ở các đặc-điểm sau đây :

a) Quân Indonesia đã trắng-trợn đồ bộ và thả dù trên lãnh-thổ Malaysia. Đó là một hành-vi có tánh cách « cướp bóc quốc tế » (2) không thể tha thứ...

b) Thật phi-lý nếu Indonesia không bị trừng phạt hay lên án : Nền-tảng Liên-Hiệp-Quốc sẽ lung lay ; Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc sẽ bị coi thường... Sẽ không còn một quốc-gia hội-viên nào tin-tưởng ở tương-lai Liên-Hiệp-Quốc ; và thế-giới mệnh danh là văn-minh, sẽ rồi đây trở lại với luật-lệ của loài cầm thú, sống ở nơi rừng rậm...

c) Chính Tổng-Thống Soekarno đã công-khai trắng-trợn tuyên-bố

trước quốc-dân sẽ « đánh bẹp xứ Mã-Lai » là một quốc-gia cũng hội-viên Liên-Hiệp-Quốc như Indonesia ! Liệu Liên-Hiệp-Quốc có thể nào làm ngơ trước một thái-độ khiêu-kích và coi thường Liên-Hiệp-Quốc đến như vậy ?

d) Hội-đồng cần phải khuyến-cáo Indonesia : « Không được tái-diễn hành-vi xâm-lược » ; và nhắc cho Indonesia biết : « tư-cách hội-viên Liên-Hiệp-Quốc không thể là một tấm bình-phong khiến Indonesia có quyền hành-động hoàn-toàn theo ý muốn và ở ngoài lãnh-thổ quốc-gia, cũng là che đậy dã-tâm bằng những khẩu-hiệu rầm-rộ, chẳng khác nào đồ thêm dầu vào lửa cháy... »

e) Yêu-cầu Hội-đồng đừng đề cuộc bàn-luận biến thành một cuộc thi tài hùng-biện vô-ích, mà cần phải kết-luận : Indonesia đã, có hay không xâm-lược ?

Nói tóm lại, phái-đoàn Malaysia đã bền-vực lập-trường một cách khúc triết, cương-quyết nhưng hòa-nhã, căn-cứ trên các bằng-chứng hiển-nhiên : từ các tài-liệu, khí-giới, các vụ quân du-kích được tuyên-mộ và gửi sang lãnh-thổ Malaysia để reo rắc rối-loạn, cho tới các lời khai của những tù-binh, trong số có Tony Aban mà chúng ta sẽ làm quen trong một đoạn sau...

**

(1) Xin coi B.K: số 165, trang 4

(2) Brigandage international. Indonesia dân số 100 triệu. Malaysia dân số 10 triệu.

V.— **L**ẬP-trường của phái đoàn Malaysia vững-chắc và tế-nhị bao nhiêu, thì trái lại, nguy-luận của phái-đoàn Indonesia yếu-đuối, đông-dài và thô kệch bấy nhiêu !

Ô. Sudjarwo Tjondopnegoio Thứ Trưởng Ngoại - giao Indonesia, Trưởng phái - đoàn, đã có những thái-độ và những lời tuyên-bố khiến nhiều nhà ngoại giao quan sát viên bất mãn. Có nhiều đoạn, ông hình như không nắm vững vấn-đề, và ông hùng-biện theo kiểu tuyên-truyền, thường khi trả lời ra ngoài đề-tài thảo-luận. Ông nói rất nhiều về phong-trào chống thực-dân tại Indonesia, về phần góp của Indonesia trong công-cuộc ủng-hộ các dân-tộc tranh-đấu dành tự-do, độc-lập. Malaysia là con đẻ của tổ-chức đế quốc Anh, và Indonesia chống lại các căn-cứ quân-sự của Anh tại Malaysia bao bọc lãnh-thò cùng là đe-dọa Indonesia...

Nhưng điểm quan-trọng nhất là : phái-đoàn Indonesia thú-nhận có đồ bộ tại Pontian đêm 17-8, và thả dù tại Labis đêm 2-9-64 ! Indonesia công-nhận từ đã lâu, vẫn có những đoàn quân chính-quy và tình-nguyện sang tranh-đấu trên lãnh-thò Malaysia : đó là những « chiến-sĩ tranh-đấu cho tự-do » (1). Hơn nữa, cần phải đặt các vụ Pontian, Labis, Romping... vào trong bối - cảnh chánh-trị chung Đông-Nam-Á : đó là hiện-trạng các « lực-lượng đang lên » (2) chống chủ-nghĩa đế-quốc-học-dân !...

Ô. Sudjarwo tuyên-bố Indonesia « không nhằm đánh tan Malaysia là một quốc-gia hay một dân tộc, nhưng vì Malaysia là sản-phẩm của chánh-sách thực-dân trá hình » (3). « Hội-đồng không cần những bằng chứng pháp-lý ; Hội-đồng cần cứu-xét tình-trạng với nhãn-tuyến chánh-trị hơn là pháp-lý... » (4). Và « bầu không-khí Đông-Nam-Á hiện giờ nặng chiu những lời yêu-sách trả thù, báo oán... » (5).

Cờ kim, thiên nghi chưa bao giờ lại có một cuộc đầu lý quốc-tế yếu ớt và ấu-trĩ đến như vậy... Cũng như sau này, khi Indonesia đã thất bại (6), tướng Achmadi, Tổng-Trưởng Thông-tin còn tuyên-bố... Indonesia không hề có ý định xâm-lăng, vì nếu vậy, « không khi nào chúng tôi đề Tổng - Thống

(1) Freedom Fighters.

(2) New Emerging Forces.

(3) Mon pays veut écraser la Malaysia non pas en tant que pays ou peuple, mais en tant que conception néocolonialiste.

(4) Mais le conseil de Sécurité n'a pas besoin de preuve juridique ; le jugement qu'il porte sur la situation est politique plutôt que juridique.

(5) L'atmosphère en Asie du Sud. Est résonne à l'heure actuelle des voix qui demandent vengeance de part et d'autre...

(6) Chúng ta sẽ coi ở đoạn sau : mặc dù Nga-Sô lạm dụng quyền phủ-quyết về bênh-vực Indonesia, và như vậy, chánh-thức, vụ tranh-chấp đã trở nên bất phân thắng bại, nhưng trong thực-tế, các quốc-gia xã-hội và Cộng-Sản cũng phải khách-quan công-nhận là Malaysia đã thắng.

của chúng tôi công - du ngoại-quốc » (1).

*
**

VI.— **N**hiệm-vụ của các phái đoàn ủng-hộ Malaysia thiết trường không khó khăn bao nhiêu, vì lập-trường của Malaysia rất rõ ràng và hợp-lý.

Đại-sứ Adlai Stevenson (Hoa-Kỳ) tuyên-bố hành - vi của Indonesia « không thể tha thứ » (2).

Sir Patriek Dean (Anh) nhấn mạnh ở những điểm không thể tin được trong nguy-luận của đại-diện Indonesia : — một chí-nguyện-quân đã điều khiển chiếc phi-cơ thả dù đêm 2-9-64 ! — Sir Patrick Dean lên tiếng :

« Thật vô lý khi chiếc phi cơ vận-tải này lại được giao-phó cho một chí-nguyện-quân, nhất là khi chúng ta biết nhiệm-vụ của phi-cơ khó khăn và nguy-hiêm đến bực nào ! Chúng ta đều đã đọc kỹ lời khai của Tony Aban, một nhân-viên Indonesia bị bắt làm tù-binh sau vụ xảy ra tại Labis : Tony Aban thú nhận y là một sĩ-quan trong quân lực Indonesia ; y đã nhận chỉ-thị bước lên phi-cơ sẽ chở y đi Malaysia ; y tưởng đây chỉ là một phi-vụ tập-dượt ; y không biết rõ phần việc trong khi bay ; nhưng lẽ tất nhiên y phải biết chi-tiết công-tác một khi y đặt chân xuống đất !..

« Ngoài ra chúng ta cũng nên đọc lại đoạn phúc-trình đăng trong bản tin Antara (3) ngày 10-9-1963,

về đạo-luật cho phép thành-lập phong-trào chí-nguyện quân Indonesia : (4) « Quyền chỉ huy tối-cao phong-trào chí-nguyện quân Indonesia thuộc Tổng-Thống. Tuyên-dụng và ghi-danh chí-nguyện-quân được thực-hiện qua trung-gian Mặt trận Quốc-Gia, và Tổng-Thống có quyền huy-động và xử-dụng. Nhiệm-vụ chí-nguyện quân do Tổng-Thống chỉ-định. Chánh-phủ quyết-định thể-thức về quyền lợi an-ninh xã-hội dành cho chí-nguyện-quân. Những chí-nguyện-quân bị thương trong khi thừa-hành sứ-mệnh sẽ được chánh-phủ bồi-thường... » Thừa các ngài, còn nhiều chi-tiết như vậy trong đạo luật, và tôi thiết tưởng chúng ta khỏi cần bình-phẩm dài dòng... Phái-đoàn chúng tôi tha-thiết hy-vọng Hội-đồng Bảo-an sẽ chấm dứt những vụ tấn-công do Indonesia thủ-xương, hầu Malaysia được sống yên-ôn khỏi lo bị xâm-lăng — Vụ Indonesia thả dù tại Labis chỉ là một giai-đoạn của một chánh-sách có tổ-chức, Indonesia coi thường các điều khoản của Hiến-chương...»

Phái-đoàn Maroc và Côte d'Ivoire với Pháp kín-đáo đứng cùng chiến-tuyến, có ý thảo một quyết-nghị không lên án Indonesia, mà chỉ lấy

(1) Đã từ nhiều năm nay, năm nào Tổng-Thống Soekarno cũng công-du ít nhất là một lần...

(2) Le Conseil Sécurité doit déclarer inadmissible l'agression de l'Indonesia.

(3) Hãng thông-tấn Indonesia,

(4) Mouvement des Volontaires Indonésiens.

tình Á-Phi kêu gọi hai xứ Indonesia/Malaysia nên thương-thuyết giảng hòa. Nhưng Malaysia không chịu.

Sau nhiều ngày bàn-luận, Đại-sứ Silvert Nielsen (Na-uy) đưa một dự-án quyết-nghị (1), tỏ ý tiếc về các cuộc đồ bộ và thả dù đã xảy ra (2), rồi thuyết-phục hai bên nên hòa thuận. Trong số 11 phiếu, dự-án được 9 phiếu thuận; Anh, Mỹ, Pháp, Trung-Hoa Quốc-gia, Maroc, Na-Uy, Brésil, Bolivie, Côte d'Ivoire; 2 phiếu nghịch là của Nga-Sô và Tiệp-Khắc.

Kết quả không làm ai ngạc-nhiên. Và sự kiện chứng tỏ Malaysia được toàn thể ủng hộ, trừ hai quốc gia Cộng-sản. Đó là một thắng lợi cho khối tự do, vì từ trước tới sau, không bao giờ Malaysia có hề trông cậy ở sự ủng hộ của Nga-Sô và Tiệp-Khắc!

* *

VII.— ĐẾN buổi họp cuối cùng, sáng thứ năm 17-9, mặc dầu trong số 11 hội-viên dự-án của đại-diện Na-Uy được tới 9 phiếu thuận, Nga-Sô cũng đã dùng quyền phủ-quyết để không chấp-nận Nga-Sô bẻ mặt buổi họp, viện lẽ quyết-nghị không hợp với hoàn-cảnh hiện tại của cuộc tranh

(1) Chiều 15-9-1964. Ngày 16-9 không họp. Ngày 17-9 thì Nga-Sô lạm-dụng quyền phủ-quyết để chấm dứt cuộc tranh-chấp.

(2) Như vậy, có ý xác-nhận phần lỗi của Indonesia: « déploré l'incident du 2 septembre 1964 qui est la base de la plainte... »

đấu chống tàn-tích thực-dân và đế-quốc...

Nay ta hãy suy ngẫm qua về thái độ của Nga-Sô, cùng là ghi một

Đính-chính

Bài « Sông Cửu-Long... », Bách-Khoa số 186 có nhiều chữ sắp lằm:

— Trang 5, chú-thích số (4) giòng cuối: « .. bán vật của Mẹ để lại... »; Xin đọc là: « ... bán vật... »

— Trang 7, cột trái, đoạn 3, giòng 3 và 4: «... Trung-Đông, Thái-Lan... »; xin đọc là: «... Trung-Đông Thái-Lan... »

— Trang 8, cột mặt, chú-thích số (4) giòng 2 và 3: «... Kompong-Chhnang Chhang... »; xin đọc là: «... Kompong-Chhnang... »

— Trang 9, cột trái, đoạn 5, giòng 8: «... để đi lại, và nhà ai nấy... »; xin đọc là: « để đi lại. Và nhà ai nấy... »

— Trang 14, cột mặt, đoạn b), giòng 2: «... hiệp-ước Barcelone năm 1929... »; xin đọc: «... hiệp-ước Barcelone năm 1921... » — Cũng đoạn b), giòng 9: «... thủy-diện lực... »; xin đọc: «... thủy-điện-lực... »

— Trang 16, cột trái, đoạn c), giòng 2 và 3: «... 20-4-1921, không lưu-ý... »; xin đọc: «... 20-4-1921 không quên lưu-ý... »

— Trang 16, cột mặt, đoạn 2, giòng 7: «... ở lại để cho đến chiến-thắng... »; xin đọc: «... ở lại cho đến chiến thắng... ».

— Trang 18, cột trái, giòng 11 và 12: «... cải tiến thủy-cận và giang-cảng... »; xin đọc: «... cải-tiến thủy-vận và giang-cảng... ».

Chúng tôi xin cáo lỗi và mong bạn đọc sửa giùm cho.

vài nhận xét nhân vụ tranh - chấp Indonesia/Malaysia :

a) Malaysia thắng lợi oanh liệt, nhưng chỉ về tâm lý. Indonesia đã thất bại nặng nề.

b) Thái độ Nga-Sô không làm ai ngạc nhiên ; kết quả chỉ làm tăng uy tín khối tự-do, đồng thời hạ phẩm khối Cộng-sản. Sự biểu quyết tại H.Đ.B.A. đã là một đặc-thắng không riêng cho Malaysia, mà cho cả thế giới tự-do.

c) Tại Hội-đồng Bảo-an, từ trước tới nay, mỗi khi tranh chấp và gặp trường hợp một quốc-gia chur hầu quá đuối lý, Nga-Sô thường lạm dụng quyền phủ-quyết để bênh vực. Năm 1964 : đây là lần đầu Nga-Sô xử - dụng quyền này. Nhưng từ 18 năm nay Hội-đồng Bảo-An hoạt-động, các nước Hội viên đã dùng quyền phủ quyết tới 110 lần, chia như sau : Nga-Sô 102, Pháp 4, Anh 3, và Trung-Hoa Quốc-gia 1.

d) Nga-Sô phải triệt để ủng-hộ Indonesia để *tranh ảnh hưởng với Trung-Cộng*.

e) Nga-Sô phải triệt-đề ủng hộ Indonesia vì một lẽ nữa : Nga-Sô cho Indonesia vay rất nhiều tiền ! *Nếu Nga bỏ rơi, Indonesia rất "dám sống sượng quay bánh lái, mượn có bài Nga rồi... quyt nợ !*

Và sau cùng, thiên nghĩ không gì hùng-hồn bằng hai nhận xét sau đây :

f) Ngoại-trưởng Phi-Luật-Tân Mauro Mendez lên tiếng, phản-đối

thái-độ phá hoại của Nga-Sô. Ông yêu-cầu tu-chính Hiến-chương Liên Hiệp Quốc, và đề-nghị đưa vấn-đề Indonesia / Malaysia ra thảo-luận trước Đại-Hội-đồng Liên Hiệp-Quốc.

g) Báo New York Times bình-phẩm : « Khi đương-nhiên xử-dụng quyền phủ-quyết, Nga-sô đã biến Hội đồng Bảo-an thành một hý-viện múa rối. Ngay đối với chính mình, Nga-Sô cũng đã tính lăm, vì Nga-Sô đang muốn tự giới-thiệu với dư-luận quốc-tế bằng một hình-ảnh khả ái hơn trước đây : biết điều, bớt cứng rắn và gây hấn... !

..

VIII.— **T**RÊN đây có nói tới : Phi-luật-tân đề-nghị nên đưa vụ tranh-chấp Indonesia / Malaysia ra thảo-luận trước Đại-Hội-đồng Liên Hiệp Quốc.

Chính Malaysia đang say-sưa hoan-hỷ vì đặc-thắng, chắc cũng phấn-khởi nghĩ như vậy.

Mang vấn-đề ra giải-phẫu trước Đại Hội-Đồng, thì tránh được sự lạm-dụng quyền phủ-quyết của Nga-Sô; vì tại đây, chỉ cần 2/3 số hội-viên bỏ phiếu thuận, là quyết nghị được chấp-thuận.

Nhưng một điều đáng lo ngại, là tại Đại - Hội - Đồng, số các quốc-gia Cộng-Sản, thân Cộng-Sản chur-hầu Nga-Sô, hay thuộc khối Á-Phi thân Indonesia, cũng rất đông và có thể là một chướng-ngại, tuyệt-đối hay tương-đối. Trong

trường-hợp ấy, tại Đại-Hội-Đồng Liên-Hiệp-Quốc (1), liệu Malaysia có sẽ lại đặc-thắng như đã đặc-thắng — mặc dù chỉ về tâm lý — tại Hội-đồng Bảo-an (2) với 9 phiếu thuận trong số 11 hội viên?

Chúng ta chờ-đợi và hy-vọng.

PHẠM-TRỌNG-NHÂN

(1) Tính đến cuối năm 1962, Liên-Hiệp-Quốc có 111 quốc-gia hội-viên, chia như sau: Phi-Châu 33, Mỹ-Châu 24, Âu-Châu 24, Á-Châu 28 và Úc-Châu 2. Riêng Phi-Châu + Á-Châu cộng được $33 + 28 = 61$ quốc gia hội-viên, và một số khá lớn các quốc-gia này lại là những quốc-gia nhỏ, dân cư không đông đúc, trình-độ văn-hóa thấp-kém, chánh sách đối nội cũng như đối ngoại không rõ rệt, nay thế này, mai thế khác...

(2) Xin coi Bách-Khoa số 185, trang 4 và 5.



★ Tự do không phải là một thứ mà người ta biểu mình, người ta có thể sống trong một nước độc tài và được tự do: chỉ cần chống lại sự độc tài.

Người mà suy tư với cân não của mình là một người tự do.

Người tranh đấu cho cái mà họ cho là đúng là một người tự do.

Người ta không đi xin tự do của mình nơi những kẻ khác. Tự do phải cướp lấy nó.

I. Silone

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi ngành : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIÉNTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

Thở Dài

tập truyện đầu tay của TÚY-HỒNG

- Những cảm nghĩ độc-đáo của những tâm-hồn đàn bà.
- Một cây bút dễ thương, sâu-sắc.

Giá 44 đ

mùa Thu tháng Tám, bạn yêu thơ đón đọc

vẫn còn thương

thi-phẩm thứ hai của

HOÀNG - NGỌC - LIÊN

tranh bìa của **Đặng-Giao**

Giao-Điểm xuất bản

ĐÃ PHÁT HÀNH

CHÍ-SĨ NGUYỄN-QUANG-DIÊU

của *NGUYỄN-VĂN-HẦU*

*Trình bày thi-ca và cuộc đời một lãnh-tụ trọng-yếu
trong Phong trào Đông du miền Nam*

Tựa của Nguyễn-Hiến-Lê — Giá 70 đ

Đã phát-hành cuốn sách mà các bạn trẻ trông đợi từ lâu :

G I A O - C A M **(NOCES)**

tập tùy-bút — tiểu-luận của ALBERT CAMUS

bản dịch : TRẦN-THIỆN-ĐẠO

GIAO-ĐIỂM xuất-bản

**TÁC-PHẨM NỀN TẢNG CỦA TRIẾT-THUYẾT HIỆN-SINH
CỦA ALBERT CAMUS**

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

Tập tục của người Hồi Giáo

● DOHAMIDE

(xin xem B.K. từ 181)

HỒI - Giáo nguyên đã phát sinh và nảy nở trong lòng xã-hội Á-Rập; cho nên khi nói đến tập tục của người Hồi-Giáo, người ta liên tưởng đến cuộc sống của người Á - Rập, nòi giống của thánh chủ Muhammad, *Na bi Ro-Xôn*.

Nhưng thực ra, khi Hồi-Giáo vừa đặt được cơ sở đầu tiên, xã hội Á Rập cũng đã có sẵn một lề lối sinh hoạt rồi. Và từ đó, Hồi-Giáo mới lan rộng khắp thế giới.

Trên đường phát triển, Hồi-Giáo đã mang những luồng sinh khí mới cho các địa phương, vốn cũng đã có sẵn một hệ thống tổ chức và tinh thần truyền thống. Tại đây, Hồi-

Giáo hiện tồn, qua thời gian, sau khi một mặt tác động phá hủy những gì quá xung khắc với mình và mặt khác, tự dung hòa với một số yếu tố xem ra có thể dung hòa được. Đó là không kể những yếu tố, thực chất không thể chung cùng với Hồi - Giáo, nhưng vẫn tìm cách ẩn hiện dưới một hình thức khác, hiền hòa hơn và được chấp nhận.

Sự xung đột giá trị này hòa cùng hoàn cảnh địa lý, nhân văn, kinh tế... ở các địa phương, khiến cuộc sống của người Hồi-Giáo có những điểm khác biệt từ nước này sang nước khác.

Tuy nhiên, nếu loại trừ những dị-điểm phức tạp có tánh cách địa phương, các tập thể xã hội Hồi-Giáo, dù cách biệt trên không gian vẫn giữ được một số khuôn mẫu, đặc điểm chung của Hồi-Giáo định hướng tác phong của con người cũng như lề lối sinh hoạt của tập thể.

Hồi-Giáo-Luật đã đặt quy-lệ chi phối chặt chẽ đời sống tinh thần lẫn vật chất, tạo nên một hệ thống tập tục, khiến xã hội Hồi - Giáo mang một sắc thái riêng, đôi khi hoàn toàn khác biệt, nếu không nói là trái ngược hẳn, với xã hội không Hồi-Giáo.

1) Vài chi tiết về cuộc sống bản thân của người Hồi-Giáo

Trước hết, là cách chào hỏi.

Hai người Hồi-Giáo gặp nhau, thường chào bằng cách đưa cả hai bàn tay ra trước, rồi gập lại, để bàn tay người kia trong lòng bàn tay của mình, rồi buông ra, đưa hai bàn tay lên vuốt mặt hoặc áp vào ngực, miệng hỏi :

As-sa-la-mu a-lây-kum !

người kia đáp lại :

A-lây-kum Sa-lam !

Lối chào hỏi này dường như chỉ áp dụng cho những người cùng phái mà thôi, vì như ai cũng biết, trong xã hội Hồi-Giáo, đàn ông và đàn bà đều có một phạm vi sinh-hoạt riêng biệt của mình.

Chào một đám đông, không thể bắt tay từng người, người ta chỉ cần hô to lên câu chào thứ nhất, tức thì toàn thể đám đông cùng chào đáp lại bằng câu thứ nhì. Khi từ giã một đám đông, người ta cũng chào như trên.

Công thức chào vừa kể là tiếng A-Rập, nhưng đã biến thành một lối chào hơi chung của người Hồi-Giáo các nước, dù rằng thường

ngày họ vẫn dùng tiếng Mã-Lai, In-đô-nê-xia, tiếng Hồi Quốc..., để thông cảm với nhau.

Sự trang hoàng nhà cửa cũng có những đặc điểm riêng của người Hồi-Giáo, để thích hợp việc hành đạo.

Người Hồi - Giáo chỉ thờ một Thượng-Đế là Olloh, nhưng thờ phượng theo lề lối triệt để tuân theo quy định của *Cur-An*, nên trong nhà cũng như trong Thánh-Đường, không thấy có một bàn thờ, theo quan niệm thờ phượng của Đông Phương. Mọi hình thức tượng trưng cho thần linh như tượng, ảnh đều không được sử dụng. Điều này ảnh hưởng sâu đậm đối với nền mỹ nghệ các nước Hồi-Giáo, khiến nó mang một sắc thái riêng và phát triển theo một chiều hướng riêng của mình.

Việc trang trí trên các nghệ phẩm thường xoay quanh đề tài *Ka-li-mah* tượng trưng và đề cao lòng tin *Olloh*, và dường như người ta không bao giờ được nhận ra trên những nghệ phẩm này những hình ảnh tượng trưng con người, có lẽ

vì e ngại những hình ảnh đó sẽ làm sai lạc đức tin đi chăng.

Bàn ghế cao dường như chỉ là sản phẩm du nhập từ Tây Phương, sau này mà thôi; người ta ít nhận thấy loại vật dụng này trong nhà người Hồi-Giáo nệ cổ.

Thường người ta ngồi xếp bằng ngay dưới nền nhà, và trên nền này, người ta trải những tấm thảm mềm như nhung, có thêu những bông hoa sắc sỡ. Do đó, khi vào nhà người Hồi-Giáo, khách phải cởi giày để ngoài cửa. Trong khi tiến về phía chỗ ngồi dành sẵn, khách có thể đi qua trước mặt những nhân vật quan trọng và cử chỉ biểu lộ sự lễ phép là vừa đi vừa khom lưng một tí.

Bàn tay dùng để trao đổi các vật dụng là bàn tay mặt và cũng là bàn tay dùng để ăn cơm. Ngoại trừ một nhóm cấp tiến, theo Tây Phương, hầu hết người Hồi Giáo đều dùng các thức ăn bằng tay và điều này, không phân biệt kẻ nghèo người giàu chi cả. Hiện trong những buổi tiệc long trọng tại các nước Hồi-Giáo, người ta vẫn giữ tập tục kẻ trên; nĩa hoặc đũa chỉ được đặt tại những chỗ ngồi có quan khách ngoại quốc không Hồi Giáo mà thôi. Trước khi dùng cơm, mọi người đều phải rửa tay.

Bàn tay trái chỉ dùng trong việc vệ sinh cá nhân mà thôi. Việc rửa ráy sau khi đi tiêu hoặc đi tiểu là điều bắt buộc (wa-jib) đối với người Hồi Giáo, vì quan niệm rằng

có như thế mới tẩy sạch dơ bẩn trong người.

Một tác giả Tây Phương (không nhớ tên) có đưa ra một nhận xét khá buồn cười nhưng lại xác thực: khi đến một nước Hồi Giáo, muốn nhận ra một người không phải Hồi Giáo thì cứ xem thái độ của ông ta khi... đi tiêu! Người ta nói rằng bất cứ ở nơi nào, người Hồi-Giáo không bao giờ... đi tiêu ở vị thế đứng cả; tập tục buộc ngồi chồm hồm và dường như một thứ thành kiến đã được tạo nên, cho rằng làm khác đi thì là không phải Hồi-Giáo.

Có người suy luận rằng ở các nước Hồi - Giáo, mọi người đều quen ngồi xếp bằng, nên cái cử chỉ ngồi xuống để giải quyết vệ sinh cá nhân như trên có lẽ được xem là lịch sự và kín đáo hơn. Còn việc không phải chỗ nào cũng phóng uế được, thì điều đó dễ hiểu, vì như trên đã nói, tập tục buộc phải có nước rửa sau đó.

Về phía bình dân, giải thích mộc mạc và thô sơ hơn, so sánh con người với cầm thú và nhất là chó (xem các đoạn sau về thành kiến của người Hồi - Giáo đối với loại thú này); con người phải làm khác hơn cầm thú.

Tác giả kể trên cũng kể chuyện một nhà thám hiểm Pháp, khi Pháp chưa đặt nền đô hộ ở Maroc, đã nổi tiếng về thuật hóa trang để hòa mình với dân bản xứ và đã hoạt động ở một vùng hẻo lánh khá lâu mà người dân Maroc địa phương không bao giờ biết là người Tây

phương. Nhưng một hôm, trong một chuyến đi sâu vào núi rừng, cùng đoàn tùy tùng ngừng lại bên đường, nhà thám hiểm này, có lẽ do phản xạ tự nhiên, trong lúc nhu cầu cấp bách, bèn đứng bên gốc cây..., bị người dân bản xứ lật tẩy ngay tức thì: người Hồi - Giáo không bao giờ làm thế!

Về cách ăn mặc của người Hồi-Giáo thì vấn đề tùy thuộc ở mỗi địa phương, nhưng như đã trình bày, tín đồ Hồi - Giáo các nước hằng năm đều có đại diện đi hành hương tại Thánh Địa Mecca, nên y phục được người Hồi - Giáo mến chuộng nhất là y phục kiểu người đi hành hương tức các vị *Ha - gi* mặc. Các vị này thường vấn trên đầu một chiếc khăn bao quanh chiếc mũ không có vành. Mũ không

vành là đặc điểm của Hồi-Giáo, và thường màu đỏ, đen, trắng... có khi hình tròn có gắn thêm một chùm chỉ sợi ở giữa, có khi hình vuông dài.. Người ta đội những chiếc mũ này ngay cả trong nhà và đôi khi việc đội mũ như thế còn chứng tỏ một thái độ lịch sự hơn là để đầu trần.

Về y phục của phụ nữ, đặc biệt Hồi - Giáo thì hiện chỉ còn nhận thấy trong các giới bảo thủ, vì nó chỉ phù hợp với địa vị Phụ nữ lu mờ sau màn lụa của nhiều thế kỷ trước. Y phục ấy che phủ toàn thân, chỉ còn chừa cặp mắt để nhìn. Ngoại trừ một vài địa phương hầu hết phụ nữ Hồi-Giáo ngày nay chỉ mặc y phục kẻ trên để hành lễ (*sgolah*) mà thôi.

(còn tiếp)
DOHAMIDE

KỂ TỪ NGÀY 1-9-1964

PHI-CƠ PHẢN-LỰC
VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG



SAIGON.HONGKONG: 2 chuyến mỗi tuần
SAIGON.PHNOMPENH.BANGKOK: 3 chuyến mỗi tuần

bằng *Caravelle*
PHI-CƠ PHẢN-LỰC TRĂNG-LỆ NHÚT THỀ-BIÓT

- ★ NHANH-CHÓNG
- ★ ÊM-ÁI
- ★ TIỆN-NGHI

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

tiếng nói nhân dân

Nguyên tác của : TAHSİN YÜCEL

Bản dịch của : TRÀNG - THIÊN

Tahsin Yücel là một tác giả Thổ-Nhĩ-Kỳ, rất nổi tiếng, mà rất trẻ. Năm nay ông mới 31 tuổi, dạy ở trường đại học Istamboul, đã xuất bản 5 tác phẩm : 1 tập truyện dài, 4 tập truyện ngắn. Giới văn nghệ Tây Âu xem Yücel như là một trong những đại diện lỗi lạc nhất của thế hệ văn nghệ sĩ mới của Thổ ; tác phẩm của ông đã từng được dịch sang tiếng Anh, tiếng Thụy-Điền.

Thiên truyện chúng tôi giới thiệu dưới đây là dịch theo bản Pháp văn do chính tác giả viết. (Bản tiếng Thổ đã ra đời trước đây 10 năm).

THƯA ông, tôi không cố ý, tuy vậy tôi cũng xin ông tha lỗi. Biết làm thế nào, hôm ấy tôi hơi quá chén. Tôi như lạc vào hư vô, tôi chỉ trông thấy có cuốn sách đẹp đẽ ấy ở ngay bên cạnh, trên bàn, và có lẽ tôi tưởng lầm là cái gì khác. Xin ông tin lời tôi : nếu tôi có nhận thấy đó là một cuốn sách thì tôi đã không mó đến. Bởi vì đó không phải là công việc của tôi : viết trên giấy, tôi ghét tột. Mà

tôi cũng không biết là đã nguệch-ngoạc cái gì trên ấy nữa. Ông cho phép tôi nhìn qua một chút nhé ? Uả, thưa ông, cái hình này là hình của ông ! Thế ra ông là tác giả cuốn sách này.Ồ ! sự tình cò lạ lùng nhỉ ! Thưa ông, tôi đã đọc hết tất cả sách của ông, trừ cuốn này, có lẽ là mới xuất bản, phải không ông ? Nhưng hãy trở lại vấn đề của chúng ta đã. Kia, lại một cái bậy nữa rồi :

*Ở đây như trước Từ thần,
Ai ai đều phải một lần gắng công,*

Bây giờ thì chính ông cũng thấy đấy : hôm ấy tôi quân trí, tôi đã tưởng mình ở nơi nào khác, bởi vì những câu thơ ấy viết trên cái bìa sách đẹp đẽ này thực là không phải chỗ. Nó cũng không có nghĩa nữa ; nó chỉ có thể có ý nghĩa ở một nơi nào đó thôi.

Nhưng thưa ông, ông có vẻ thế nào ấy. Ông theo dõi tôi với một vẻ ngạc nhiên. Có lẽ ông đang nghĩ là hôm ấy sự ngẫu nhiên đã xui ông gặp một bạn đồng nghiệp không quen biết ? Ông không hoàn toàn đúng, mà cũng không hoàn toàn sai. Bởi vì tôi cũng là văn sĩ đây, và là văn sĩ nhà nòi, cái ấy hiếm có trên đời này. Nhưng, ôi chao ! nét mặt ông lại biến sắc lần nữa kia. Tôi hiểu : ông tưởng tôi là một thằng nói dóc bần tiện, gần như là một thằng điên. Nhưng rồi ông sẽ thấy là ông lầm. Mặc dù tôi là một trong những tác giả được nhiều người đọc nhất trong thành phố này, tôi không hề lấy làm vinh dự chút nào, tôi biết cái giới hạn của mình : tôi chỉ là một kẻ hèn mọn, một kẻ hèn mọn vụng về, không gia đình, không tiền của, không có một tương lai gì, một kẻ hèn mọn không nghĩa lý gì. Mặc dù vậy tôi lại là một nghệ sĩ lớn : thi sĩ, văn sĩ, tiểu luận gia, phê bình văn học gia, ký giả chính trị, và hơn nữa, tôi vẽ xem cũng được lắm. Tôi làm việc đứng đắn, đàng hoàng. Tôi nói cái ngôn ngữ chính cống của người nghệ sĩ, bao giờ cũng chân thực,

bao giờ cũng tự trung thành với chính nó.

Thưa ông, đáng lẽ ông không nên cười. Ông nhận xét tôi dễ dãi vội vàng mà chưa hiểu biết tôi, ông làm thế là sai : ông chưa hề đọc gì của tôi cả. Nhưng thực không ? Có phải thực ông chưa đọc gì của tôi không ? Ông có biết tên tôi, nói cho đúng là cái biệt hiệu của tôi không ? Bởi vì tất cả tác phẩm của tôi viết ra, tôi không bao giờ ký tên thật. Cần gì, tôi không mong ước nổi danh mà. Và lại, làm như thế sẽ đem lại cho tôi nhiều chuyện rắc rối to. Tôi thích ký một tên bịa, đã hợp với bản tính của tôi mà nghe lại hay nữa. *Tiếng nói nhân dân*, đấy ông xem có hay không. Ông không nhận thấy gì hã ? Ông cứ thử nhớ lại một chút coi. Nếu ông không phải là người mới đến thành phố này, nếu ông không sống một cuộc đời trường giả, nếu ông có gặp chuyện rắc rối với bộ máy tiêu hóa, tôi chắc chắn ông sẽ nhớ đến tên tôi. Thực không à ?

Ông đừng nghĩ đến tạp chí, đến báo. Lạy Chúa ! Sự phát minh của Gutemberg không giúp cho tôi được chút gì hết trong việc hành nghề ; tôi cũng không có cả tấm danh thiếp nữa. Không phải là tôi chống lại nghề ấn loát đâu, hoàn toàn không phải ! Nhưng ông biết rõ hơn tôi là muốn ấn hành một cái gì phải hy sinh sở thích của mình, hy sinh những tư tưởng thâm thiết nhất của mình, và lắm khi đến cả phẩm giá mình nữa. Phải uốn mình theo hết mọi thứ

bó buộc. Còn tôi thì tôi luôn luôn chọn cái tự do của tôi, Nếu tôi mà cứ nhất định muốn thì tôi cũng có thể xuất bản được tác phẩm của tôi, tôi cũng có những cuốn sách đồ sộ thế này trong khắp các tủ kính hiệu sách. Nhưng tôi lại chọn lấy cái tự do yêu quý của tôi. Ở trong tôi có cái gì thúc dục tôi phải viết, có cái gì muốn vọt ra để chảy vào lòng mọi người. Chỉ có thế. Còn những điều mà hạng văn nhân các ông mong mỏi thì tôi không thiết đến.

Nhưng ông ơi, thế thì hoặc ông thiếu óc tưởng tượng, hoặc là ông quá thừa tưởng tượng rồi! Ông tưởng tôi ứng khẩu trước máy vi âm hả? Không phải thế đâu. Tôi tìm ra một phương pháp mới để đi tới quần chúng. Chắc ông đã biết, những cầu tiêu ở nước ta... Những chỗ ấy lúc nào cũng đầy những chữ viết và hình vẽ lung tung, có phải thế không?

À! vâng, ông bắt đầu hiểu đấy nhé. Vâng, thưa ông, bây giờ ông đoán đúng. Vâng, vừa rồi, có một lúc vì đang say tôi lầm tưởng cái bìa sách thân yêu của ông là bức vách của một cầu tiêu. Xin cứ cười, cứ cười, cứ cười cho đã đi, ông ơi. Nhưng xin ông cho phép tôi nói với ông điều này: Các ông, những nhà thám hiểm lỗi lạc chuyên về bề mặt và bề ngoài, bao giờ các ông cũng thế: các ông không khi nào nhận cái chân tướng của sự việc; các ông bị thành kiến che mắt. Tôi biết rõ cái tật của các ông cứ thêm bớt chút gì vào sự thực hiển nhiên mà các ông xem là

xoàng xinh. Vì muốn làm ra vẻ độc đáo và cao cả các ông lấy ảo ảnh làm thực tại, các ông lấy bề mặt làm bề sâu. Và trước những cái chân chính thì các ông luôn luôn cười như thế đấy, nghĩa là bậy bạ. Các ông cho người ta là vô lễ, là mất dạy, là tục tằn, là bất lương và các ông cười vào mũi họ, với một thái độ trịch thượng. Nhưng ông ơi, các ông lầm rồi: trên đời này không có cái gì đáng nhạo báng cả. Những chuyện đáng khóc, đáng ý, cái đó có rất nhiều, nhưng không có chuyện gì đáng cười cả. Ồ, tôi biết ý ông rồi: với cái lối nhạo báng khả ố của ông chắc ông đang muốn nói «Vây thì đáng khóc cho tình trạng thảm hại của những nhà tiêu công cộng của chúng ta» chứ gì. Nhưng tôi không muốn nói thế đâu. Không nên cười mà cũng không nên khóc trước những giòng chữ và những hình vẽ ấy: đó là chuyện rất thường. Nhất là ông đừng có thương hại mà nghĩ rằng vì thiếu phương tiện nên tôi phải làm thơ trên vách cầu tiêu. Tốt hơn ông nên thương hại lấy ông. Việc tôi làm là đúng với bản chất con người. Tôi có thể nói «con người văn minh» nữa là khác. Bởi vì ít ra phải biết chữ mới làm như vậy được chứ.

Nhưng rốt cuộc cãi nhau làm gì? Chẳng hạn như ông, ông không có lần nào viết bậy lên một bức vách sao? Ồ, đừng có đỏ mặt, ông ơi; dù cho người đảng hoàng mấy đi nữa cũng có lúc làm chuyện ấy. Có điều

những người đang hoang ấy, và nhất là các nhà giáo mà tôi rất ghét, một lúc nào đó thế nào họ cũng công kích kịch liệt cái tật vô hại ấy. Họ lặp đi lặp lại là tục tằn, là đáng tởm, không biết đâu mà kể cho hết ! Còn tôi thì tôi biết đó là một nhu cầu quan trọng của con người. Bởi vì thực ra có ai trong chúng ta dám tự hào là không hề bị một người đàn bà tình phụ, có ai dám tự cho là có tất cả mọi thứ mơ ước, và có một người bạn thật tình để thổ lộ hết mọi ý nghĩ? Và lại, dù cho ông chắc chắn có được một người bạn như thế, ông cũng không thể nào mang hết mọi tình cảm, mọi cảm tưởng của ông ra nói với bạn. Này nhé, giả sử ông muốn ngủ với một người đàn bà mà ông thích. Ông có thể nói cái ý muốn ấy với bạn, ông cũng có thể đi sâu vào các chi tiết, ông có thể nhờ bạn giúp đỡ cho. Nhưng vào cái lúc ông tự buông mình vào một cuộc mơ mộng miên man, vào cái lúc ông tưởng tượng là đang ăn nằm với người đàn bà ấy, ông có thể nào quay lại hỏi bạn : « Xem này, cô ta đã thuộc về tôi, đã nằm trong tay tôi rồi đây này ? ». Dĩ nhiên là không : dù sao ông cũng sợ bạn ông chế nhạo chứ. Tuy nhiên, có lúc ông muốn nói như thế da diết. Bởi vì nói dối cũng là một nhu cầu, những chuyện dối trá vô hại mà mình tự mang ra nói với mình. Các tấm cửa và tấm vách cầu tiêu là để dùng vào những việc ấy. Chính vì những việc ấy mà người ta bôi bẩn nó,

nếu làm như thế mà gọi là bôi bẩn. Họ viết lên đó mọi ý nghĩ, và ngồi giữa bốn bức vách cầu tiêu thì đoan trang là thừa. Những câu ngăn ngán, những chữ con con mà người ta cho là vô lễ ấy chính là biểu hiện rõ ràng nhất, thành thực nhất, thuần túy nhất của những gì người ta cảm thấy, những gì người ta mong ước, người ta suy nghĩ trong đầu.

Nhưng trường hợp của tôi thì có hơi khác. Thoạt tiên, mỗi lần vào cầu tiêu và la cà ở trong đó, thì có đôi khi tôi nguệch ngoạc một vài hàng trên cửa, thế thôi. Mãi về sau, tật ấy mới thanh ra một cái gì không thể cưỡng lại nổi. Có nên bảo với ông rằng sở dĩ tôi đeo đuổi cái nghiệp ấy là vì xấu hổ chăng ? Ông hãy nghe câu nói sau này mà coi xem là câu tuyên ngôn của mình, rồi ông tự nhận định lấy : « Tôi là một thằng đàn ông khôn nạn : tôi phản bội hôn thê tôi vì một mục già to tướng hôi mùi tôi ». Đó là bước đầu của một công trình vĩ đại, nhưng đó không phải là văn chương. Cái mục già to tướng mà tôi gian dối để phản bội hôn thê, tôi không hề yêu mục chút nào, có thể nói là tôi ghê tởm mục nữa : mục bẩn và xấu quá ! Mục là chủ trọ của tôi dạo ấy. Cứ mỗi tuần vài ba lần mục tới buồng tôi vào buổi tối để nói chuyện gẫu, theo lời mục bảo, và tôi thấy mục nói có hơi nhiều, mà không những chỉ có nói chuyện mà thôi. Một hôm, điện bị cúp. Mục ta đang ngồi trên một chiếc ghế trước mặt tôi, và đang



nói về một người nhân tình xa lắc xa lơ. Mụ tiếp tục khen ngợi lão ta trong bóng tối ; nhưng mặt khác, mụ tiến lên về phía tôi, từ từ, không gây một tiếng động. Cuối cùng, sau một lúc lâu, tôi cảm thấy hơi mụ thổi vào mặt tôi ; rồi tôi cảm thấy những cái khác nữa, rồi đến cái này mới tai hại : một mùi tôi, cái mùi thối tha mà tôi ghét suốt đời. Tuy nhiên, lúc ấy, cái mùi đó dấy ấy đối với tôi lại thành ra một mùi hương vô song, quyến rũ tôi, và làm tôi ngây ngất, và tôi muốn lưu giữ lại. Cái gì mà tôi giữ lại được thực sự trước tiên là giữ lại trong vòng tay rồi giữ lại trên giường, chính là mụ đàn bà to tướng, và lúc tôi hiểu ra thì đã quá

muộn. Tôi muốn mửa, rồi tôi tự ghét mình, tôi muốn trốn. Tôi lại không làm gì cả. Mụ đàn bà to tướng vừa rên rỉ vì khoái lạc, vừa ôm siết tôi mỗi lúc một chặt hơn trong tay mụ. Còn tôi thì tôi lại cứ để cho mình làm bậy thêm lần nữa, một cách hèn nhát.

Chuyện ấy gần như tối nào cũng lại xảy ra. Mụ già mạnh hơn tôi nhiều, khôn lanh hơn tôi nhiều : mụ làm tất cả để lôi tôi lên giường mụ. Nhưng cứ mụ vừa đạt được cái gì mụ muốn là tôi không thể nào ở lại với mụ được nữa : tôi tuột ra khỏi tay mụ, và lần nào cũng muốn mửa, tôi chạy thẳng vào cầu tiêu, ở đó tôi thấy dễ chịu. Tôi thở thật mạnh, một lúc lâu. Rồi thì, bất giác, tôi bắt đầu viết lên vách. Luôn luôn một câu ấy : « Tôi là một thằng đàn ông khốn nạn : tôi phản bội hôn thê tôi vì một mụ già to tướng hôi mùi tôi ». Tôi bước ra và đi nằm.

Tôi vẫn đọc, vẫn đi dạo, như thường ngày. Tuy vậy tôi có cảm tưởng mình là một con người khác, xa lạ đối với cuộc sống của mình và với cả chính mình. Rồi đêm ngày một sức nặng vô biên đè lên tôi. Đã thế tôi lại vẫn cứ yêu cô vợ chưa cưới của mình. Có điều cứ mỗi lần gặp nàng tôi cảm thấy nàng mỗi cách xa thêm, tôi cảm thấy nàng thoát xa khỏi tôi như là nước lọt qua kẽ tay. Và tôi tưởng nàng cũng có cảm tưởng như thế đối với tôi. Nàng luôn luôn hỏi tôi : « Anh làm sao thế, hả ? Em thấy như anh không yêu em nữa,

không muốn gặp em nữa ». Một sức nặng vô biên đè nất tôi, và tôi không còn cả cái nghị lực để trả lời nàng nữa. Có lẽ tôi đã bỏ đi không nói năng gì cả, để nàng đứng sững một mình.

Thế nhưng đến ngày nàng trả chiếc nhẫn đính hôn thì tôi lại thương hại cho chính mình. Tôi tự bảo là tôi không đáng bị đối xử như thế, là tất cả lỗi ở về phía nàng, là nàng đã hững hờ với sự sa sầy nhục nhã của tôi, là nàng đã không tìm cách cứu vớt tôi. Ngay khi vừa từ biệt nàng, tôi đi thẳng vào một câu tiêu công cộng, tôi viết một bài dài công kích đàn bà, và đặc biệt là công kích nàng. Vừa khóc như mưa tôi vừa viết đây ba bức vách, thêm một tấm cửa nữa. Hôm sau, tôi cũng lại làm như vậy. Khi đang viết, tôi không còn cảm thấy cái sức nặng vô biên kia nữa, tôi thấy nhẹ nhõm hơn, trong sạch hơn rất nhiều. Tuy nhiên, tôi vẫn cảm thấy khô sè và hết sức thương hại cho anh chàng bị bỏ rơi là thằng tôi lúc ấy. Sau đó, lòng thương hại của tôi mở rộng ra; tôi thương hại tất cả nhân loại, lúc nào cũng đành chịu không vươn lên nổi ngang bằng với tư tưởng của mình; tôi thương hại cho công lý, mỗi ngày mỗi tiêu diệt; tôi thương hại cho cái đẹp, do lỗi của các ông mà đi vào con đường đánh đi. Tôi muốn làm một cái gì để ngăn lại cuộc sa đọa của thế gian, tôi muốn cất lên tiếng nói. Tôi cũng khỏi phải tìm xem mình nên làm thế nào nữa: con

đường của tôi đã được vạch sẵn rồi.

Tôi đã theo con đường ấy, không ngừng. Tuy nhiên, thỉnh thoảng, có khi tôi tự chế giễu mình: « Này! thế là mày đã thành ra vị đại diện vĩ đại nhất của nền văn học cao cả các chốn câu tiêu rồi đấy nhé. Mày đã khoái chưa? » Nhưng sự mỉa mai ấy thực ngăn ngui, vì lập tức nó hóa ra thành một xác định. Tôi tự trả lời: « Quả có thể thực ». Và thưa ông, sự thực là như vậy. Bởi vì rốt cuộc nếu tôi không phải là Baudelaire cũng không phải Tchekhov đi nữa thì trong phạm vi của tôi tôi vẫn là kẻ có tài hơn cả, vĩ đại hơn cả, lừng danh hơn cả, có uy lực hơn cả. Và tôi làm hết sức mình để giữ cái địa vị ấy.

Này nhé, chẳng hạn ông xem các cây bút chì này. Đây là những cây bút chì màu tốt nhất tìm được ở thành phố này. Tôi dùng nó không phải là hoàn toàn vì ngông nghênh đâu. Ông biết đấy, mọi cánh cửa và mọi vách tường của những nhà tiêu trong thành phố đều có phải cùng một màu. Vì vậy tôi phải theo sát những đòi hỏi của nó để quần chúng có thể nghe được lời tôi, Chữ viết trước hết là phải đọc được. Các ông, các ông có máy đánh chữ, các ông có máy in; tóm lại là cả một nền kỹ thuật phục vụ các ông; nhưng tôi, tôi chỉ có bàn tay và mớ bút chì. Và lại, ông hẳn biết rằng những kẻ mua sách, mua báo của các ông là chỉ cốt để mà

đọc, còn một người bước vào nhà tiêu thì là để làm một việc khác hẳn. Hơn nữa, vách với cửa luôn luôn bị bôi vẽ đầy cả, và theo kinh nghiệm hẳn ta biết rằng thường thường là bôi vẽ bậy bạ nhằm nhí, hẳn trông mà không nhìn đến hoặc có khi không trông đến nữa là khác, vì mãi lo đến việc của mình. Chữ viết của ông phải thực là rõ ràng, thực là nắn nót mới có thể thu hút được cặp mắt lơ đãng của hẳn ta và mới gọi được sự chú ý của hẳn. Nếu không, hẳn bất cần. Tôi, thì tôi không muốn người ta bất cần tác phẩm của tôi; tôi ao ước tác phẩm được người ta đọc và ảnh hưởng đến mọi người. Và tôi có đủ mọi cái cần thiết để đạt được điều ấy: chữ viết rất tốt, vẽ đẹp, bút chì đủ màu.

Tôi cũng có phần màu nữa. Phải có nó mới được: Vách và cửa cầu tiêu không bao giờ trơn đến cái mức người ta mong muốn: thường khi tôi gặp những bức vách không thể nào viết bằng bút chì trên ấy được; lúc ấy tôi dùng phấn. Có khi tôi viết cả bằng những cục than. Nhưng không khi nào tôi dùng mũi dao, tôi không thích làm hỏng vách và cửa cầu tiêu, không khi nào tôi quên ơn chúng nó. Ông ơi, chúng là những người bạn quý nhất của tôi, là lẽ sống của tôi, là phát ngôn viên của tôi, tóm lại là lời nói của tôi. Bởi vì rất cuộc, với tư cách nhà văn và nghệ-sĩ, tôi chỉ hiện hữu trên cõi đời này do chúng mà thôi. Không ai có thể yêu chúng như tôi, không ai hết lòng với chúng

hơn tôi được. Tôi thương tất cả chúng nó, không phân biệt, bằng một tình thương lúc nào cũng đồng đều. Tôi thương yêu chúng từ ngày tôi còn thơ ấu.

Vâng, ông ạ, khi tôi hãy còn là đứa bé con, tôi ở với mẹ và chị trong một căn nhà nhỏ chỉ có một phòng, không có cả lấy một chiếc ghế. Chúng tôi chỉ có một chiếc giường, rất chật hẹp, để nằm chung với nhau. Phần tôi thì bởi vì nhỏ cho nên tôi phải nằm giữa. Nhưng tôi không ngủ được: trong giường nóng nực quá, tôi lại không có đủ chỗ, tôi cũng không thể trở mình được. Tôi nằm yên, như một cái nút kẹt trong cổ chai. Tôi chỉ còn có nước tháo mồ hôi ra và thở dài. Nhưng khổ nhất là tôi cảm thấy, trước tiên trên mặt, rồi trên khắp người và trong tất cả người tôi, cái hơi nóng hổi của mẹ và của chị tôi, cái hơi luôn luôn xông mũi tôi, làm cho tôi muốn phát mửa không chịu nổi. Tôi ngọt ngào, tôi cố gắng để khỏi mửa. Cuối cùng, vừa run rẩy, sợ hãi tôi vừa quyết định lay mẹ tôi thức dậy để cho tôi đi ra. Bà nổi giận, la: « Thằng nhỏ này nó giết tôi ». Còn tôi thì nhỏ nhẹ thưa rằng tôi đang cần đi cầu gấp. Bà hét lên: « Mày phải đi cầu trước khi đi ngủ chứ; đi rồi trở lại nhanh lên, đừng có như các đêm trước ». Nhưng tôi thì một khi vào trong cầu tôi chỉ nghĩ tới chuyện hưởng cái tự do của mình, cái khoái thích của mình, và tôi ở lì trong ấy nhiều phút, lắm khi nhiều giờ để vừa hít thở đã đời, vừa mơ

ước một chiếc giường riêng cho tôi, một chiếc giường rộng rãi và thật mát mẻ, ở mãi cho tới khi mẹ tôi tức mình tới tìm gọi tôi. Mãi tới khi tuổi thơ ấu của tôi qua rồi và mẹ tôi qua đời rồi, cái cảm giác ấy và lòng yêu thích ấy của tôi vẫn tồn tại và chôn sâu tiêu đối với tôi vẫn còn là tiêu biểu cho sự tự do.

Từ khi tôi lăn mình vào cái nghiệp này, thì một tấm vách không còn đủ cho tôi viết nữa. Khi tôi sáng tác ra một bài thơ hay một bài báo nào tôi thích thì tôi không thể nào chỉ trình bày một lần mà chịu được. Lúc ấy, bút chỉ cầm tay, tôi đi từ cầu tiêu này tới cầu tiêu kia. Ông không thể tưởng tượng nổi sung sướng của tôi trong những giờ phút ấy! Tự nhiên là tôi chọn ra những chỗ dễ xem nhất, sạch sẽ nhất để viết lên các bài thơ của tôi. Hơn nữa, không bao giờ tôi quên minh họa thêm bằng mấy cái hình vẽ.

Nhưng tôi không muốn rằng cái vẽ tôi tàn và những câu chuyện lộn xộn của tôi kể làm cho ông hiểu lầm về tôi. Thưa ông, xin ông tin lời tôi, tôi đã đọc nhiều, đã suy tưởng nhiều. Tôi quan sát hết thấy, tôi trầm tư về hết thấy mọi sự việc rồi thì tôi viết tư tưởng của tôi ra. Chẳng hạn có một lãnh tụ đảng phái diễn thuyết bậy: tôi liền chạy vào các cầu tiêu, tôi cất lên tiếng nói; có một kẻ nào đó tưởng mình là nhà phê bình văn học viết những điều phi lý về thi ca: tôi liền chạy vào các cầu tiêu, tôi cất lên tiếng nói. Hôm nọ,

chẳng hạn, tôi có dự xem buổi trình diễn một vở tuồng mà các phê bình gia trên những tờ tạp chí của các ông đã tung lên tận mây xanh. Thật là tởm, không những chỉ có vở tuồng, mà còn cả cách đạo diễn, cả lối diễn xuất, cả cách trang trí, rốt cuộc là tất cả. Vừa ra khỏi rạp hát, tôi nhảy ngay vào một cầu tiêu, và tôi chửi đầy một cánh cửa. Tôi hoàn toàn chắc chắn được sự tán đồng của các độc giả, và thưa ông đối với tôi điều đó quan trọng lắm. Ông tính, chúng ta ai chẳng có chỗ yếu đuối: tất cả chúng ta đều tưởng mình đóng một vai trò quan trọng trong xã hội, và chúng ta muốn được người ta vỗ tay.

Khốn nỗi, ở trong hoàn cảnh nghề nghiệp đặc biệt của tôi, cái ấy rất ít khi xảy đến và chỉ đến gián tiếp mà thôi. Tuy vậy nó cũng có xảy đến. Nào, mới cách chừng một tháng nay, tôi đi ô-tô-buýt về nhà. Xe đầy ứ, mọi người ngộp thở, đàn bà kêu la, trẻ con khóc lóc. Và cứ như thế lặp đi lặp lại hàng ngày, sáng cũng như chiều, từ nhiều tháng rồi. Phần lỗi nhất định là về phía những người trong công ti xe buýt, những người này bao giờ cũng chậm trông thấy ra sự thực. Phải thúc dục cho họ trông thấy. Ông có biết tôi làm thế nào không? Ngay tới hôm ấy, tôi vào ba cầu tiêu công cộng ở khu tôi, kêu gọi các người láng giềng, khuyên họ nên ra tay trước, nên làm một lá đơn gửi đến cấp điều khiển của công ti, đơn do mọi

người trong khu cùng ký vào. Tôi thảo ngay lên vách cái mẫu đơn. Chưa đầy một tuần lễ sau, có người gõ cửa nhà tôi đề xin chữ ký. Nguyên văn cái đơn đúng y như như kiểu mẫu của tôi — chỉ sai có ba lỗi chính tả. Tôi chữa lại ba cái lỗi ấy rồi ký vào đơn. Đó là tác phẩm đầu tiên mà tôi ký thực tên mình.

**

Một hôm khác, tại một quán cà-phê trong khu phố, có một người mà tôi rất kính trọng đã nhiệt-liệt ca ngợi với tôi về tài năng của *Tiếng nói nhân dân*. Ông ta bảo : « Hẳn viết rất hay ; đó là một nghệ sĩ thiên tài. Đáng tiếc là hẳn lại viết vào cầu tiêu : tác phẩm của hẳn sẽ bị mai một hết ». Tôi chống lại ý tưởng ấy : « Nếu tác phẩm không mai một thì nghệ thuật của hẳn lại sẽ suy đồi ». Chúng tôi cãi nhau khá lâu. Nhưng quan điểm của đôi bên khác nhau quá xa. Chúng tôi chỉ đồng ý với nhau ở một điểm, là giá trị không thể chối cãi của *Tiếng nói nhân dân*.

Những chuyện ngẫu nhiên như thế hiếm lắm, vì vậy đề có thể biết phản ứng các độc giả như thế nào và trình độ nghệ thuật của mình như thế nào, tôi đã phải dùng tới mưu mẹo. Thỉnh thoảng, nhất là vào những hôm chủ nhật, lúc vào nhà xí tôi viết những câu thơ thật khôi hài, rồi lúc ra tôi lần quần ở gần đó. Tôi tìm một chỗ đứng rình nét mặt của những người từ cái chốn tôi vừa để xong những tác phẩm vui bước ra. Khi tôi trông

thầy họ xuất hiện với một nụ cười ở khóe miệng, một niềm vui khôn tả liền xâm chiếm lấy tôi và suốt ngày tôi cảm thấy sung sướng.

Nhưng cuộc đời của một văn sĩ nhà nòi không phải lúc nào cũng sung sướng. Cũng có khi tôi bị công kích, và công kích một cách xúc phạm. Ông có muốn tôi kể cho nghe một vụ công kích mới nhất và phi lý nhất không ? Này nhé : một hôm tôi vào cầu tiêu để viết một thi phẩm về các kỷ niệm. Nhưng nửa chừng nàng thơ bỗng bỏ rơi tôi bởi vì tôi chột gập trên cánh cửa cái câu kỳ quặc : « Tuần sau, tại Hội quán Thể thao, đội đấu thủ của chúng ta sẽ thắng đội Nhật, ít ra là tôi mong như thế, và bốn phần tất cả chúng ta là cầu mong như thế ». Tôi nổi nóng, cầm bút chỉ viết : « Tôi, tôi không mong như thế chút nào ; ý thích của tôi là trông thấy đội Nhật đánh bại đội chúng ta ». Hôm sau, tôi trở lại chỗ cũ. Và tôi thấy câu trả lời, cũng một tuồng chữ : « Anh có phải là người Thổ-Nhĩ-Kỳ không, phải hay không ? » Và tôi, tôi viết trả lại : « Phải, tôi là người Thổ-Nhĩ-Kỳ, nhưng ý thích của tôi là trông thấy đội Nhật đánh bại đội chúng ta ». Hôm thứ ba, tôi lại đến cầu tiêu ấy, và gặp một câu trả lời rất ngắn : « Thế thì anh bạn ạ, anh là một thằng bần tiện ». Tôi huơ bút chỉ viết một câu trả lời phải chăng : « Thưa bạn, tôi là người Thổ, tôi ở về phe đội đấu thủ Thổ-Nhĩ-Kỳ, nhưng vì một lý do nào đó, hoặc không vì một lý-

do nào cả, chỉ hoàn toàn vì lòng ghen, chỉ vì sở thích riêng, tôi không có quyền mong cho đội ta bại trận sao?» Câu trả lời không có gì bất ngờ: «Đúng rồi: mày là một thằng bần tiện». Tôi liền có ý muốn thuyết phục anh chàng kia, muốn diu dặt hẳn về lẽ phải. Tôi viết một bài dài. Nhưng mà hẳn không chịu hiểu, hẳn cứ trả lời mãi bằng những tiếng chửi rủa. Chuyện ấy kéo dài đã mười lăm ngày. Tôi hết chịu nổi: cứ mỗi ngày, cứ đến giờ ấy, tôi vào cầu tiêu công cộng ấy, tôi lại gặp câu trả lời của anh chàng kia, rồi tôi lại bác bỏ. Rốt cuộc, tôi chán nản: chắc chắn anh chàng nọ không bao giờ chịu hiểu cái gì cả. Và lại những người đứng ngoài cửa cầu tiêu chờ tới lượt họ, những người ấy bắt đầu liếc tôi bằng con mắt ngờ vực khi thấy tôi ở lâu trong ấy hàng nửa giờ rồi bước ra nét mặt phờ phạc. Nhưng đáng lẽ ra tôi phải tiếp tục, tôi phải thuyết phục cho được thằng cha bần tiện ấy.

Sau này tôi sẽ không bao giờ yếu đuối như vậy nữa. Bởi vì dầu sao đó cũng là thiên chức của tôi: tôi là *tiếng nói nhân dân*, nhà thơ của các cầu tiêu. Nước nhà cần đến tôi hơn cần các ông, những thi sĩ văn sĩ ngụy lợi trong sự giả tạo. Nước nhà cần đến một tiếng nói chân thành và sâu xa. Tôi là tiếng nói ấy, ông ạ. Vì thế tôi sẽ làm tròn nhiệm vụ mình, tôi sẽ viết mãi mãi. Tôi sẽ đứng yên, tôi sẽ chống lại từng điều ác, từng nỗi bất công, từng điều lầm lỗi; tôi sẽ chiến đấu với nó bằng tất cả sức mình, tất cả phương tiện riêng của mình. Tôi không biết rồi mình có thắng lợi chăng, nhưng tôi sẽ không bao giờ chịu bỏ cuộc chiến đấu, và có lẽ rồi tôi sẽ chết với quản bút trên tay, ở giữa cuộc chiến đấu, như thế những người lính vô danh mà vĩ đại, chết tại một nơi công cộng mà lại kín đáo.

TAHSIN YÜCEL

TRĂNG-THIÊN dịch

nhà in **VĂN HÓA**

412-414 Trần-Hưng-Đạo, Sài Gòn — Đ.T. 20.161

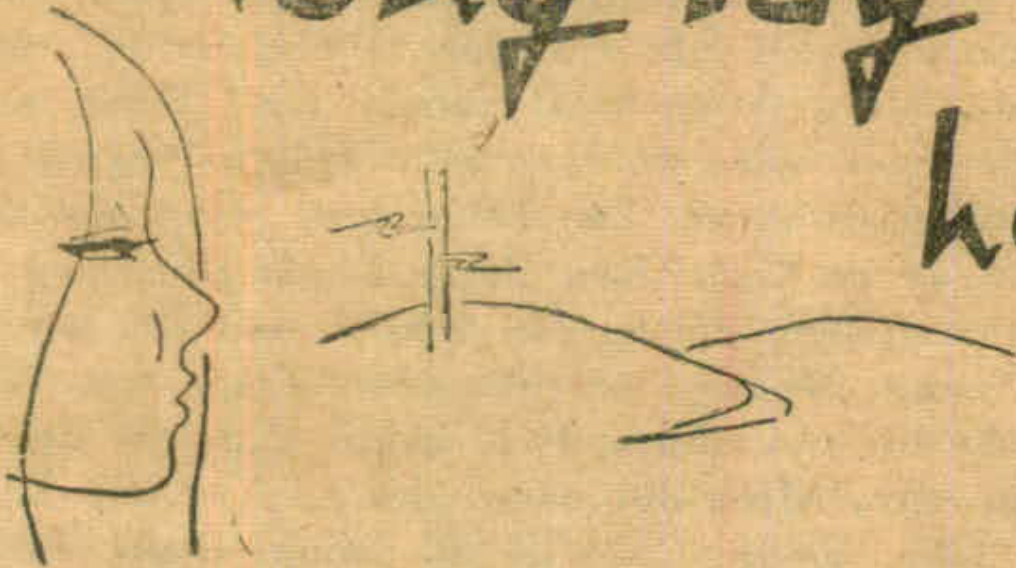
MỘT NHÀ IN LÂU NĂM ĐƯỢC NHIỀU TÍN NHIỆM



- AN LOÁT MỸ THUẬT
- CÔNG VIỆC NHANH CHÓNG, GIÁ HẠ
- CÁC GIAI PHẨM, SÁCH BÁO, CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT

Vòng tay

học trò



Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

(xin xem từ BK 169)

PHẦN THỨ BA

2- ĐỪNG sợ. Mình tao đây thôi có ai đâu. Ra mà ăn đi. Tối đừng sục sạo cho tao ngủ nhé. Tao mất ngủ hoài. Bọn mày phá tao. Tao sợ tiếng chân chúng mày trên trần nhà, sợ yên lặng, sợ bóng tối, sợ cả tao nữa. Thôi ra mà ăn đi. Tối tao để dành mấy khoanh chuối và bánh mì ở góc lò sưởi, ăn rồi chuẩn đi đừng làm ồn...

Trâm len lén đặt miếng fromage cạo thừa ra giữa sàn nhà gần chỗ con chuột nằm. Nó quấy đuôi thụt lùi xa hơn, mắt dán vào miếng mồi, một lúc rồi lẹ làng vụt tới gặm ngấu nghiến. Nàng ném tới một mẩu ruột bánh mì.

— Tao sắp có khách. Thôi đi đi. Bao giờ tao một mình nhớ ra với tao.

— Cô nói với ai thế?

Trâm quay lại. Minh và Hải lên đến đầu cầu thang bằng lúc nào nàng không biết.

— Đói rồi sao đến sớm thế. Tôi nói một mình.

— Chưa đói, đến làm giùm cô.

— Giùm, phá thì có.

— Làm một mình, sao cô nấu nhiều món thế.

— Sinh nhật Minh mà. Không có sinh nhật Minh không về ăn cơm lần nào nữa. Vào phòng đi, tôi xong việc rồi, chỉ còn rửa tay. Minh xắn tay áo lên hộ tí nào.

Hải chào Trâm rồi yên lặng rút vào phòng. Minh cúi xuống chỗ Trâm ngồi. Mùi thơm quen thuộc từ tóc và vai áo nàng phả lên. Bỗng nhiên vu vơ hối hận, không hiểu vì lẽ gì, Trâm nhìn lên thật dịu dàng. Trong hai mắt nàng đầm thắm, chiều bỗng hoàng hôn. Nàng thoán thoát xuống lầu. Tiếng nước xối xả dưới bếp. Minh chợt nhớ buổi chiều trời mưa lất phất hai người rửa tay lẫn cho nhau sau khi giã cỏ ngoài vườn. Bao nhiêu năm tháng dài thăm thẳm trôi qua giữa hôm nay và ngày ấy. Cuộc biến động đã xảy đến trong tâm hồn và đời sống Minh. Những rung động âm áp đầu tiên và cơn lửa bây giờ tàn phá. Minh tưởng bỏ đi là xong. Nhưng sự thật như Trâm nói, Minh đi mọi sự mới bắt đầu. Minh đã níu vào những lý lẽ chính đáng tốt đẹp để bỏ đi. Muốn cho Trâm hiểu như vậy. Minh dối nàng, dối mình. Cũng không hiểu và không cần hiểu tại sao. Còn đường nào dễ đi, Minh chọn. Bỏ qua những rắc rối phiền phức. Sự trống không thừa thãi trong tâm hồn và đời sống cũng đã phiền phức rắc rối lắm rồi. Tính tình và tâm hồn Trâm, những cách thể của nàng đối với đời sống, phức tạp, dày đặc và rối mù như một đám rừng đại. Minh muốn chiếm cứ vũ trụ tối bùng đó nhưng ngại khám phá những bí ẩn bên trong. Một mối chán chường và ngờ vực thường xuyên. Không làm gì thể xác cũng bần thần nặng nề bất hoại. Không lo nghĩ gì óc não cũng bùng bít tràn đầy. Chưa dựng xây gì cũng đã thấy hết vẻ hoang tàn đổ vỡ. Cho nên không bao giờ cảm thấy thanh thoi trong lười biếng, thoải mái trong vô tư, rảnh rỗi trong những giờ giấc buông thả. Không tra hỏi và suy luận, nhưng một lần Hải hỏi vì sao không ở nhà Trâm nữa, Minh nói ngay vì chán. Không hẳn Trâm, không hẳn sự quạnh hiu, không hẳn những ngày đều đặn chùng mực ở đó. Ít ra Minh đã sung sướng, sung sướng thật dễ dàng mà không mất mát hay băn khoăn gì cả. Nhưng sự sung sướng, dễ dãi, mãn nguyện đó, Minh cũng chán ngán. Như giữa những cuộc vui chơi mê say, giữa những hội hè huyền ảo, bỗng cảm thấy rã rời ngao ngán. Rồi bỏ đi. Bỏ đi và nhớ. Nhớ và muốn trở về. Trở về lại muốn bỏ đi. Bỏ đi và trở về lần nữa, lần nữa. Cường độ chán nản dần tăng theo ngày tháng buông xuôi không cứu vãn nổi.

— Chân Minh làm sao thế?

Trâm trở lên nhìn vết bầm ở quần Minh gần đầu gối

— Hình như chảy máu. Không sao.

— Đánh nhau nữa rồi phải không.

— Ngã xe, không tin hỏi thằng Hải xem.

— Xức thuốc cho Minh nhé?

Khi Trâm lấy thuốc và bỗng trở lại, Minh đã ngồi vào ghế, quần xắn cao lên đầu gối, chân duỗi dài. Trâm cúi xuống vết thương trên làn da trắng hồng mưng mủt, vừa xoa nhẹ miếng bông nhúng thuốc lên đùi Minh vừa nghiêng đầu thối nhẹ nhẹ. Cử chỉ dịu dàng và lòng thương âu yếm vô tư bỗng

đuổi xa trong Trâm những dày vò mệt mỏi, những xao xuyến khát khao của một người đàn bà trước người đàn ông. Chỉ còn lại tình cảm dạt dào bao dung của người mẹ đón tiếp đứa con trai phung phá trở về. Và người chị ân cần săn sóc đứa em hoang toàng ngổ ngáo. Trâm buông miếng bông dầm thuốc xuống, xoa nhẹ ngón tay buồn quanh vết thương và nhìn lên. Hai mắt Minh lúc đó vết sáng lơ mơ vừa cuồng dại vừa náo nùng của tia nắng quái chiều hôm mơn trớn trườn dần từ cổ từ vai Trâm xuống nền áo len đen ôm khuôn ngực ấm. Từng lũ sâu đen cồn cào dấy lên trong mạch máu, bện thành những dây chao mềm tằm điện, quất suốt người Trâm và nàng lao đao nghe cơ thể của loài quỷ đói vằn mình rùng rợn trong xác thân mình.

Trâm đứng vung lên, nghe tiếng mình lạ lùng gọi hai người ngồi vào bàn ăn, và giọng Minh mang mang trong tiếng cười trầm ấm :

— Hải ơi, mày xem cổ tao này, có đẹp không ?

Bây giờ là thời khắc của buông trôi lãng đảng. Những vùng biên giới mắt hút lính canh. Mắt mở lớn ôm ảnh hình nhau vò xé. Những ngón tay vằn mình ray rút quanh ly rượu luân hồi cạn vơi. Trong mắt Minh long lanh, Trâm thấy khuôn mặt mình chói lọi sáng ngời trong nụ cười ngát thơm mùi rượu ấm. Bây giờ tôi đang đẹp. Quyến rũ nữa. Vẻ đẹp của ác quỷ sắp vươn mình phá phách điên cuồng để trả mỗi hận thù truyền kiếp. Bao nhiêu người lao xuống móng vuốt tôi. Bao nhiêu nước mắt trút đầy vào miệng cười ngạo nghễ và đói khát của con thú vờn mồi. Chiếc khăn choàng mỏng đen trên tóc Trâm trễ tràng rơi xuống bờ vai tròn kín. Xuống sàn nhà. Dưới chân Minh. Người con trai cúi xuống, bàn tay quờ quạng. Trâm bật một que diêm, búng nhanh qua cửa sổ, nhìn theo và cười. Chân nàng nhếch lên một tí, dậm xuống. Bàn tay em ở dưới bàn chân tôi. Trâm nghe tiếng la hét của nỗi đau đớn chính mình bị nghiền nát giữa cơn say trào ngập. Ánh đèn chập choạng trên cao. Những cành hoa lác lư. Bóng ba người in trên tường. Nàng chợt thấy mình bị bao vây giữa những lớp người chen lấn uà vào dạ hội. Trâm tưởng mình xoay người rất tròn rất nhẹ rất êm quanh một cái trục thu hút vô hình, và biến thành trăm nghìn người đàn bà giống nhau, bay lên cao cho những chuỗi cười vỡ tan trút xuống. Bay xa dần những cánh tay chói với đưa lên. Mãi mãi cho đến khi đèn tắt, khi trục ngừng quay, khi nhạc đời thôi ngân tiếng, khi tôi không còn đẹp nữa, thể xác và tâm hồn.

Bữa ăn kéo dài cho đến khi đêm im vây phủ, bốn bề. Hơi rượu rã mềm trong những cơ thể chín muồi đã dượi. Tâm hồn Trâm lác lư theo một điệu nhạc jazz dồn dập xa xôi nào đang trào lên khắp miền cô đơn réo gọi. Bỗng nàng lắng nghe, tiếng xe qua trước đường.

Xe dừng trước nhà Chu. Tuân nhìn Trâm :

— Ông Lưu.

Hải nhìn Minh thật nhanh :

— Thế nào hấn cũng qua đây.

Trâm lắc đầu :

— Cam đoan là xừ ta không bao giờ vào nhà này nữa. Đền không tiếp, gặp không chào, chẳng lẽ tìm gây hấn?

Minh buông đũa, chằm thuốc hút :

— Cô cứ giảng hòa lại đi.

— Từ hôm tôi với cô Thư bàn kế hoạch xỉ vả hấn thật không còn muốn nhìn mặt hấn nữa. Hấn tự tin và quá khích. Về tôn giáo, lập trường, thái độ, những hoạt động riêng nhưng đối với đàn bà cũng thế thì hồng bét.

— Cô hiểu kỹ thế.

— Người khác cũng nói về hấn như vậy đâu phải ý kiến riêng của tôi. Đàn ông bê tha đùa bỡn khó mà lâm nguy lúc gặp một người đàn bà, một mối tình, một cú sét. Còn như hấn, cái gì cũng cho là quan trọng hết, nhưng lại cứng và tỉnh trước đàn bà, đến lúc vướng phải một sợi dây thòng lọng nào đó. Chỉ một cái gút là rụp.

Hải cười thích chí :

— Cô gút đi là vừu.

— Tôi không có dây thòng lọng. Mà nếu có cũng không để gút xừ ta : Nguy hiểm lắm đó, sợi dây phản chủ đó có thể thắt cổ chính mình. Đàn bà con gái bây giờ thâm hại ở chỗ đó. Cứ tưởng quyền rũ người ta, chưa kịp khoái trá đã chết ngúm.

— Cô với Cô Thư xỉ vả gì vậy.

— Mới thảo kế hoạch thôi, chưa hành động, chuyện cũng chẳng ăn thua gì tôi nhưng thấy Thư « xùng » quá, tôi cũng nổi máu anh hùng. Hấn tưởng đàn bà con gái nào hội ngộ hấn một phen cũng lăn đùng ra cảm mạo hết chẳng. Hình như cô Thư gặp hấn hồng xe giữa đường, thương tình cho quá giang về phố. Hôm sau hấn rao rằng Thư định quyền rũ hấn. Hấn còn tuyên bố bên đại học rằng các cô trên trường mê hấn chí chóc. Thế có chết người không?

Minh búng tróc tàn thuốc xuống sàn nhà.

— Trong số đó có cô.

Trâm dằn mạnh cái i-y xuống bàn hét vào mặt Minh :

— Thôi đi.

Hải cười :

— Cô không tiếp không chào trực xuất hấn như vậy có thể bị hiểu là xoay không xong nên nổi nộ.

— Lý luận nghe được đó, nhưng không đúng trong trường hợp này.

Minh cười gằn :

— Phải. Cô có nhiều trường hợp lắm. Tuần qua mời ông Lưu sang giùm cô.

Trâm lăm li bở bần ăn ngồi sà xuống lò sưởi. Cả bọn kéo ly chai qua theo. Minh nằm xuống sàn nhà dưới chân Trâm lăn một vòng rồi ngẩng lên nhìn đăm đăm chiếc ly hết rượu. Rồi Minh trườn mình vớ chai Martini.

Trâm chặn lại :

— Thôi không uống nữa, say rồi.

Hai cặp mắt hăm hè tức tối nhìn nhau.

— Cứ ngồi tĩnh trơ nghe cô nói về họ sao. Lưu với liếc hoài.

— Ai bảo Minh, động đến là nói móc nói xéo. Sinh nhật của Minh, buổi tối vui của tôi cũng muốn phá hỏng. Đây rượu đây, uống say tí về đằng nhà Hải mà đập phá.

Trâm đặt mạnh chai rượu xuống trước mặt Minh. Minh hất cái ly vịn nút chai cười trên cánh tay úp mặt :

— Hải, chốc nữa mày về một mình đi tao ở lại, ở lại với cô tao.

Trâm cắn ngón tay cái thơm mùi bơ cháy :

— Làm tàng hoài à.

Rồi Trâm cầm chai rượu dốc ngược vào miệng quệt môi bằng tay áo. Những giọt rượu bỗng chảy trào xuống cổ, xuống ngực. Người Trâm bốc cháy bên trong. Trâm ngồi nhìn im sững một lúc lâu vào chai rượu đột nhiên thấy nhớ lạ lùng một cái gì đã mất. Chuyển xe bay vèo vào xa lộ. Những chiếc ghế chông chênh bốn cẳng lên trời của nhà hàng tàu nổi khoảng hai giờ sáng. Bờ sông đêm và sườn ghế đá ẩm sương. Những cánh hoa sứ rụng trên sân cỏ loáng thoáng vài con dế. Những đêm đi chơi khuya không về nhà trọ, ngủ luôn trong xe anh Lan. Tiếng nhạc bập bùng từ một phòng trà đóng kín. Đỉnh nhà thờ và vòm lá đêm reo bay. Tiếng chuông chiều chủ nhật. Lối đi lát sỏi ngập lá vàng quanh sở thú. Con giả nhưn vừa thụt lùi vừa sồn sồn gãi ngực trong chuồng. Vòm không gian thân mật và quen thuộc đó đã che chở nuôi dưỡng Trâm suốt dòng năm tháng tìm quên sau cơn gió bão đầu đời. Bây giờ Trâm bỗng nhớ và thềm trở về nhìn lại một lần tất cả. Tôi vừa chạy trốn vừa ngoảnh nhìn tiếc nuối đám đông, giữa họ và tôi là khoảng cách. Trong khoảng cách ấy tôi được kiểm tìm nhìn nhận và khám phá. Thế mà từ lâu trong ốc đảo này đời sống đã bỏ rơi tôi. Đám đông mắt hút bóng tôi. Không một người nào nhìn thấy tôi nữa. Tôi muốn mọi người nhìn thấy tôi, nhìn suốt những đau đớn nhục nhằn, những điên mê tội lỗi, những mong ước xấu xa. Cho tôi tìm thấy tôi trong mắt nhìn kẻ khác. Không ai nhìn tôi nữa nên tôi mất hút tôi rồi. Cho tôi gặp tôi trong phản ứng nồng nàn đột ngột của một tha

nhân khám phá. Một người nào từ xa xôi đến, ở hẳn ngoài tiềm thức vọng động của tôi, xa ngoài cõi bờ ưu tư khép kín của tôi, không mang theo cùng những xôn xao đòi hỏi, những cảm dỗ vợi vàng, những lấy hồn tử cực. Không ai đến cả. Tôi gục xuống một mình giữa vực lửa rêu sôi này. Vực lửa rêu sôi dưới con dốc đời lạnh giá. Nó đẩy. Nó nằm duỗi dài mỗi một trước mắt tôi trong một dáng đợi chờ van nài đòi xin cảm dỗ. Nó nhìn lên như tôi có thể hoàn toàn thuộc về nó. Mắt nó hòa trong mắt tôi. Miệng nó cháy trên môi tôi. Thân hình nó đóng đinh thân hình tôi lên chóp đỉnh hỏa diệm sơn nào. Nó yêu tôi không. Tôi yêu nó không. Tôi tra hỏi không ngừng mà không thể tìm lời giải đáp. Vậy cái gì giữa tôi với nó, vừa ràng buộc vừa hắt hủi, vừa mê hoặc vừa đứng đưng, vừa đau thương vừa hoan lạc suốt những đêm ngày mờ mịt đó. Tôi không biết không biết. Nhưng tôi rung chuyển cả thể xác tâm hồn trong cơn sợ hãi êm đềm. Tôi sợ vì giữa nó và tôi lúc nào cũng sẵn sàng một phút buông xuôi liễu lĩnh. Tôi sợ mất nó tôi sợ mất tôi. Tia nhìn bao giờ cũng tìm nhau trong một niềm xót xa khao khát. Nó khuất đi. Nó hiện lên. Nên tôi quên tôi. Rồi tôi nhớ lại tôi. Tôi thêm tự xóa bỏ hủy hoại hoàn toàn để lấp che tiếng kêu gào vờ xé trong tiềm thức. Bây giờ nó đẩy. Mỗi nó áp lên cánh tay. Mắt nó nhìn đắm đắm vào một miền bỏng cháy nào trên thân thể tôi. Mũi giày nó nhọn vát đen bóng và thon nhỏ. Thằng con trai nào cũng chỉ mang kiểu giày như nó. Nhiều thằng con trai khác cũng ngỡ ngáo, lừ đừ, ngu ngơ, mệt mỏi, bê tha, liễu lĩnh, phung phá và phẫn uất cái - gì - không - biết như nó. Sao tôi thấy nó khác. Sao mũi giày nó cũng khác, như rình chực hắt tung, chặn lại hay đập nát một cái gì. Cái gì tôi không biết, nhưng đau buốt với ý tưởng lơ mờ đó. Dưới ánh đèn sáng láng, qua cái nhìn bốc men, tôi thấy nó rõ ràng gần gũi vô cùng. Nó không đẹp. Không dễ thương. Không một đặc điểm nào hết. Nhưng một cái - gì - đó, cái - gì - tôi không bao giờ níu giữ được dù đuổi bắt đến hết đời, cái - gì - đó mê hoặc tôi đảo lộn tôi biến cải tôi hoàn toàn. Hoàn toàn về ý nghĩ, suy tư, đời sống... trừ thân hình tôi. Trừ thân hình tôi, thật may mắn mà rủi ro điều ấy. Với nó tôi vừa tìm gặp vừa mất tâm tôi. Nhưng điều khó hiểu và vô lý đó có thực. Có thực như tôi ngồi khoanh tay tượng đá đêm nay nhìn xuống nó. Có thực như thượng đế - thượng đế của những người tin tưởng thượng đế còn tôi, không - luồn cảm giác vào trông thân thể tù đày giới hạn của mọi người, tôi, nó.

(còn nữa)

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

- Một chế độ dân chủ lí tưởng là một chế độ mà dân làm chủ, nhưng dân biết dùng người công bộc tài cán hơn họ.

Stuart Milf

điệp khúc

Á-CHÂU

thanh-thuyền



tôi sẽ mãi làm loài chim cánh nhỏ
mang lời ca từng giọt Á-châu buồn
hơi thở máu đã khô thành vũng đỏ
theo tháng ngày thoi thóp giữa cô-đơn

•
tôi muốn dấu linh-hồn vương lụa trắng
để thôi nghe nức-nở đất se mình
nhưng chân đã lún sâu vùng cát mặn
nên mỗi mòn tuổi mẹ nổi giao-tranh

•
trên tóc biếc tôi xanh rừng Ấn-độ
núi xu-tư nghiêng mặt cũng khô nghèo
Cửu-long đó, mắt em chiều sóng vỗ
quê hương này chan chứa biển tình yêu

•
trên năm ngón tay gầy miền nhiệt-đới
bông xốt đau từng thớ thịt da vàng
khi đất nước đã chia thành trận giới
nổi vượn mình nhược-tiêu cũng hoang-mang

•
Á-châu đó, linh-hồn tôi máu vữa
lòng đại-dương phun-thạch dựng bao giờ
bởi không tắt mặt trời sau núi lửa
nên một loài cỏ dại mãi suy tư

•
Ôi Á-châu Á-châu trời gió bão
lời chim ca từng giọt đã tro buồn
trong giấc ngủ xanh xao chiều hải-đảo
khuôn mặt người lục-địa vẫn mờ sương

TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG

Bàn tay tiễn đưa nóng sốt ân-tình
khói thuốc súng u-ám nền trời hoàng hôn
đôi mắt em ướt-át mưa khuya
đôi môi nóng bỏng anh ơi ! nghẹn-ngào
sức sống dồn lên phấp-phồng trước ngực.

Auh theo mây trôi lăm lăm đi ra chiến-trường
nhớ điệu sấu của em trong kính cầu buổi sớm
niềm tin long-lanh tỏa sáng trong hồn
tình yêu thơ ngây nồng-nàn đa thịt.

Em mỗi ngày hờ-hững lớn lên
anh mỗi ngày chóng mặt trên đại-dương máu lửa bão-bùng
đêm đêm thân-thề lỏa-lõ vị mặn bề sâu
anh ngỗ-ngàng được hôn em
tình-yêu trở sâu mặn nồng chát chúa.

Em than van cuộc đời là hải cực giá băng buốt người
không một ai thật tình sung sướng
em đã ở đây hai mươi năm
đuôi bắt con còng ấu thơ lùi dần trong cát bùn như nhầy-
nhựa.

Mỗi lần em bỏ trốn tìm anh
chúng ta dong chơi lẫn lộn nhau khó nhận diện hai người
trên đường về anh chua xót phân thân
em lại buồn cầu kinh sám hối

Bom đạn gầm lên, em là đi thăm thương quá chùng
tình yêu bây giờ sa nước mắt rưng rưng
chúng ta cúi đầu đi nhanh qua đồng cỏ tuổi thơ nặc mùi
thuốc súng
và những đám mê đốt cháy bàn chân.

.

Tà áo em đẹp như câu ca-dao mẹ ru anh lúc thiếu thời
trong sáng như bài thánh ca, hiền-hòa như vòng tay đức
Phật
anh vụng vẽ bên em tuyệt-vọng trước hiện tại phù-du ma
ảo chấp-chờn
những con đường chúng ta đi qua tình yêu con người
trải rộng

Tà áo trắng vẫn bay bay
mùi thuốc súng vẫn xông lên nồng nặc quê hương này
trong cơn mê anh ngủ vùi trên tà áo thơm tho huyền diệu
bài ca-dao mẹ ru lúc thiếu thời nhạc nhã dâng lên.

ĐOÀN CA

thơ hữu-phương

13

Niềm vui len nhẹ vào hồn
dòng sông với một màu còn vừa xanh
Bờ cao chuyện đã thông manh
nghe xôn xao những lá cành còn non.
Em như xuân đến vẹn tròn
với huyền tóc đờ với son má này
tình tôi chợt tiếc xưa ngày
bến chạn đầm ấm sông đầy nhớ nhung...
đâu em cỏ lạ nhập vùng
xin dừng dây ngửi chút hương ban đầu

14

nghe hơi ấm giữa vòng tay
với hương tóc rủ với say môi cười
em từ đâu đến nhập lời
trong mờ ảo ấy chuyện đời chân anh
đôi ta : thuyền với biển xanh
phút giây âu yếm yếm oanh chụm đầu
rồi thời gian chốc trôi mau
hồn nghe nuôi năm ánh màu xa xôi
đường khuya tiếng đờ xe mời...
con chim ngỡ ngác giữa trời mênh mông

15

với bao nhiêu tiếng gọi mời
lửa từ bi đã ngút trời cháy lên
nặng lòng vì nỗi oan khiên
bầu thương giờ đã trút nghiêng bên tòa
tiếng lòng vượt cả « nam mô »
và hương màu nhiệm tỏa mờ cao xanh
dưới chân Ngài lũ chúng sinh
bao nhiêu khát vọng trong bình thế nhân
ngửa tay nhận một kiếp trần
trong yên lặng đó trăm lần hư vô.

16

với son với phấn với lời
với bao nhiêu... vẫn chợ đời hắt hiu
mỏi mòn kẻ đứng trông theo
đêm đêm rừng cũng hoang liêu như ngày
tôi dừng bước lại hôm nay
tiếng em sẵn đón vòng tay đợi chờ...
chênh vênh bờ thăm" hư vô
còn gì mua bán hững hờ phanh phui
kiếp người buồn tựa lối đi
vết xe năm tháng còn ghi bẽ bàng

về phía mặt trời

Mỗi buổi mai thức dậy
Anh thấy mình nhỏ-nhỏi
Trên sóng tầng duyên-dáng
Như ước vọng cuộc-đời.

Qua lớp mù đi xa
Chòm tia nắng mơ-màng
Đốt những lời dao-ca
Anh thấp ở trong lòng.

Bằng ân-tình hồ-hải
Khuôn mặt đầy chứa-chan
Auh hẹn về bờ bến
Với bao nét huy-hoàng.

Bên tàu và súng đạn.
Tìm thêm được niềm vui
Bời mấy lần, phiêu-lãng,
Trong khoảng một cuộc đời ?

Ôi nước đau chia cắt,
Đâu quên ! — dù tha phương
Vẫn tâm nguyên ở đó
Dáng núi đôi quê-hương.

Đồng-bào kia còn thức
Tiếng súng nào có ngơi !
Với niềm thương nhớ ấy
Anh về phía mặt trời.

đi xa

Quên những lần say sóng
Bão dương về phương mờ
Khi mặt trời tìm thấy
Khi tưởng mình hư-vô.

Không phải là khói đạn
Dải mây đùn lên cao
Mặt trời kia tắt ngợp
Hoang đảo càng xanh xao.

Boong tàu loe ánh đuốc
Cơn gió nào buông tha ?
Anh chỉ còn găn-gũi
Ngôi sao nhìn xa xa.

Bước chân trải biển cát
Vọng mây trời Thai-La
Du hồn vào thương nhớ
Dung tình, lời thiết-tha...

Ngày làm dân thành phố
Với chuyện buồn nước non
Anh đi tìm lối thoát
Đâu để lòng héo-hon.

Ngỡ-ngàng trông Bắc-cực
Xót-xa rời Châu-Phi
Mong kết đuôi đại-lực
Trên nỗi niềm phiêu-di.

VẾT THƯƠNG DÂY THÌ

1 | KHÔNG ai muốn nhìn lên trời nữa. Trời nóng quá. Gió ít và hiền quá nên không già nhiệt khiến nhiệt bò vào lưng con nít thành sảy. Nhưng con sảy có máu cách mạng chồm dậy cào cấn da lưng, bò lộn-ngộm nóng ran. Tôi vén chiếc áo, mặc cốt để tích-trừ mồ-hôi, rồi nằm áp lưng lên nền đất mịn. Chát mát như muốn xuyên qua tủy sống. Bây giờ mỗi lần sảy cấn tôi không ở trần được nữa. Tuy tôi chưa có đủ hai miếng ngực tròn, nóng để xưng rằng mình lớn, nhưng hai tí ngực đã bắt đầu sưng lên bằng nửa trái cau bồ đôi theo chiều ngang. Thân thể tôi thường đong cảm-giác tê-tê, nhột nhột của cái tuổi nổi dậy lột xác, trườn mình thành người con gái mềm, nhiều thịt ít xương. Tôi lại nằm lật úp người chầu đôi môi ghì chặt mặt đất. Nhưng đôi môi, những chiếc hôn của người lớn chắc là ngon.

Hai con mắt tôi rung rung mí. A ! Mấy mắt bên trái được đái quà, còn mấy mắt bên mặt thường ăn roi, ăn la. Nhưng điếm đó bây giờ tôi không tin nữa vì điếm cứ mách sai mải. Đôi khi mắt trái báo vui đồn dập mà đòn dưới đất vẫn cất lên mộng. Mẹ tôi nuôi con bằng chiếc miệng la nhiều và bàn tay hay tát. Mỗi khi ngứa tai tôi có cảm-tưởng ai đang chửi chúng tôi.

Tôi rút người ngồi phất lên rồi chạy ra chỗ mái tranh thấp phanh phui tìm kiếm. Ông ngoại dẫu tiền ở những chỗ hiểm hóc bắt ngò, nhét nơi này một dùm, nơi kia một ít ; ông giấu khắp nơi, trong nhà, trên mái, ngoài vườn. Mẹ và chúng tôi vẫn lưu ý tìm tòi, thắc-mắc rất nhiều. Mẹ bảo rằng có thể

ông đã quên chỗ chôn giấu rồi. Số tiền ông ngoại gài kỹ trong người khó mà lấy chùng. Không phải ông cất tiền trong cái xếp tay may bằng bẹ chuối tước hết cho mỏng phơi khô đâu. Ngày ngày ông ngoại nâng-niu một xấp lịch cũ rích. Không bao giờ ông xé lá lịch vẫn thuốc hút vì giữa hai tờ lịch có ướp một cái giấy bạc hai các mới tinh thơm mùi long não. Ông ngoại âu yếm ngắm vuốt xấp lịch ; đi đâu thủ kín trong bọc, lúc ngủ để dưới gối, bữa ăn đặt lên đũa. Ông không dám tiêu, chỉ để nhìn, để ngắm, nâng-niu như một kỹ vật. Tôi tiếc quá. Không có chi tức tối, ngọt ngạt bằng có tiền mà nín, không ăn không mặc, lại phải để tâm săn sóc, giữ gìn.

Tôi bươi nhẹ mái tranh và chú ý lắng nghe tiếng tụng kinh của ông Phủ về hưu cạo sạch tóc ngày đêm tu hành. Nhà ông Phủ sáng chiều tiếng chuông, tiếng mõ như thể lúc nào cũng có kỳ. Tiếng cầu kinh của ông đồng-dạc, rộn rảng đôi khi oang-oang, thấp lè-tè như một loạt ve kêu. Ông ăn toàn rau trái cho nhẹ bụng và tụng kinh cho thơm miệng. Tiền của đưa nhà chùa giữ để tâm lo hành thiện. Ông Phủ to béo một cách quan trọng thành ra phải sống theo ý kiến của bác-sĩ. Năm ngoái ông ngoại tôi vẫn còn ở hầu phủ quan như bóng với hình : rửa mặt, tắm gội, thay áo quần, lo cơm nước và cùng tu với chủ. Hai người cùng nghiên cứu giáo lý nhà Phật và cùng phó thác cuộc đời cho nhau. Nhưng ông ngoại nhắc học kinh. Hai buổi kinh sáng chiều trước bàn thờ của ông Phủ chỉ được ông ngoại đọc góp hai tiếng « Nam-mô ». Nam-mô lui, nam mô tới. Trước bàn thờ, ông Phủ mặc áo trắng lam thì ông ngoại khoác áo lương đen. Ông Phủ cảm động trả thêm tiền công tu cho ông ngoại. Ông ngoại càng « Nam-mô » thật to. Được chủ dấm-dúi khi năm khi ba chục, ông ngoại để dành kín đáo, dẫu dút, chn đến đây giờ. Tôi rút một nắm tranh trên mái nhà đem vào bếp dấm lửa. Mẹ sai luộc 2 cái trứng vịt lộn và nấu nước chè cho ông ngoại. Mẹ giảng rằng luộc đồ ăn có chân như gà, vịt, cua thì bắc lên bếp cùng một lần với nước lạnh, còn đồ ăn có cá như rau muống, rau dền thì cho vào khi nước sôi trăm độ. Tôi xít cái đòn ra xa bếp lửa nhìn ngắm một đường kiến đang cắm cúi đi về. Kiến bò theo một dây khá gọn gàng. Tôi thấy hay hay khi nhìn tụi kiến làm ăn, khuôn vác hoặc đi biểu tình. Năm sáu chú kiến na một hạt cơm, nhưng chú kiến tay không vung-vẩy rảo bước để rồi đi lui lại đổi chiều. Một số kiến giữ phận sự đi kèm xe lương canh gác, một số kiến đi xuôi đi ngược cốt tìm nhau và hôn nhau giữa đường cái. Những con kiến rảnh đi thụt tới rồi thụt lui lằng-xằng tôi đoán rằng đó là những gã hướng-đạo. Chúng phải rải mình để gây một con đường từ tổ kiến đến kho lương và giữ cho con đường đừng mất để những phu khuôn vác các bà nội-trợ biết được đường đi lối về. Kiến rải đường nhiều và kiến làm việc thì ít. Kiến rải đường không phải là kiến du đàng, vì chúng không đâm chém nhau. Chúng bồng-bột hôn nhau giữa đường chắc để dặn dò nhau những khẩu quyết bí-mật của loài kiến.

Tôi sực nhớ nước sôi đã lâu vội thả hai cái trứng vào. Hai tiếng nổ « bụp, bụp » khiến tôi phóc lui một bước, sợ-hãi tưởng mấy hạt mít vùi tro nổ văng vào.

mắt. Nhìn vào xoong thì hai con vịt măng tơ nóng quá đã húc đầu đập bể vỏ trứng nhảy ra chết queo trong nước sôi. Mẹ quên không dặn là luộc trứng lộn ta phải thả vào khi nước hãm-hãm. Sức nóng nước sôi vạc dầu khiến con vịt ngậy thớ bên trong vùng mạnh bể toang vỏ. Tôi sợ hãi như khi rửa chén bát nặng tay làm rơi. Nguy tai. Thế nào ông ngoại cũng đánh tôi để bắt đền. Tôi nhắc xoong, lấy vá múc như canh : hai xác vịt, hai ngò đỏ và hai cục chì rồi giấu kín một chỗ. Thằng Tiến sẵn gan ăn vụng trước rồi chịu đòn sau. Hai chị em tôi thường chơi tay cầm tay, mắt nhìn mắt... một hai ba coi đũa nào nhấp nháy trước là thua. Tiến có biệt tài nhìn dai, gõ không ra, tránh không thoát. Sau này chắc hẳn ghê lắm, dám phóng những luồng kiếm mắt qua khỏi giới-hạn áo quần phụ-nữ ! Thằng Tiến bảo rằng lúc mới thoát lòng mẹ hẳn đã chú ý đến một tia sáng bé-bông chiếu qua kẹt chiếc nôi. Hẳn nhìn tia nắng nhỏ đó suốt ngày nên luyện được ánh mắt đánh như thép. Lớn lên hẳn sẽ không đeo chùm dây thung màu trước bụng nữa mà chỉ lo tìm thầy học võ, luyện cho được môn nhỡn kiếm-đạo. Hẳn còn bảo rằng khi nội công đã thâm-bậu thì hai mắt sẽ quay tròn trong giấc ngủ, mộng寐, chiêm bao không thể nào bèn mảng đến phá bình giấc ngủ được. Khi hai chị em cầm tay nhau, nghiêng răng, bặm miệng, nheo mắt chọc ghẹo nhau thử coi đũa nào gan lì cứng miệng không cười thì Tiến thua. Vì tôi là con nhỏ hát bội. Đào thường điều khiển thiên hạ phải cười khóc theo mình chứ không đại khóc cười vì ai cả. Qua hai cách chơi trên, tôi quyết rằng trong tương-lai tôi sẽ không cần nhìn ai và không cần cười với ai cũng đủ sống.

Thằng Tiến đi xin mủ mít dờn được một cục trước mũi cần câu rình chạm vào cánh ve ve. Câu được chú ve nào là Tiến rứt cánh cho vào bọc. Các chị ve cái mình thon và đặt suốt đời không nói một tiếng dù là tiếng « yêu » ; Tiến vuốt nhẹ cái bụng chắc nịch của ve cái, moi mắt, rọc cánh, ngút đuôi độn vào ba hột muối nướng ăn liền. Mỡ ve béo và thịt ve ngọt, thơm, bùi bùi mãi trong miệng, nhất là những sợi thịt dưới đầu, suốt đời lưỡi Tiến còn nhớ-nhung. Các cậu ve đực hát mãi khúc ca mùa hè — càng nghe ve đực hát càng cảm thấy nóng — Tiến chơi cho đến xế chiều ve khô hơi, kiệt sức, Tiến bóp bóp nhẹ vào hai bên hông ; khi biết chắc rằng hai hột gạo đã bể xẹp, ve chỉ còn xác phàm, Tiến mới độn muối nướng ăn. Hẳn nhai mãi, bịn rịn không nỡ nuốt sợ thịt ve xuống đáy bụng thì miệng hết ngon. Ve ve ăn mù sương nên tinh-thần và thể xác cùng trong sạch, cùng rộng. Tuy nhiên ve ve thiếu thông-minh và kém tế-nhị. Trời chạng vạng, Tiến đi soi ve ve non từ dưới lòng đất chui lên thay áo, đem về xào với tiêu hành nước mắm cho ông ngoại nhắm với rượu thuốc. Bổ thượng hạng và ngon mê ly. Món ăn ưu-tú kiếm lời cho sức khoẻ đủ mọi hạng người thận say, gan hư, tim hồng và đến cả những ai đau khổ vì bệnh trĩ. Năm con ve non đổi được lon gạo. Còn vỏ ve khô thì lượm bán cho nhà thuốc tam tinh hải cầu bổ thuận hoàn. Cơm tối xong, mẹ đốt đồng rác sau hồ rau muống, chị em tôi đưa tay lên miệng « và và bu bu » gọi ve ve xuống ăn cơm với cá, với sư-bá sư-phụ. Ve ve theo ánh sáng sà xuống loạn xạ bu quanh người gãi chọt da mặt và bài-tiết nước. Hai chị em vỗ chộp

lia lia dứt vào giỏ. Săn lửa mẹ để nguyên cánh, đuôi xào ngang ăn liền. Nhưng lúc soi được quá nhiều mẹ rim mặn để dành nhưng không cất được lâu vì ve ve đái dầm trong son hồi lăm. Mỗi lần nghe ve sào kêu gào rã họng trên những đọt cau ắp trứng muộn là hai chị em bàn thần chảy nước miếng còn hàng phượng vĩ thì rầu rầu nhỏ từng cánh máu xuống đường. Tiễn đoán rằng trong tương lai ve ve sẽ giảm dân số một cách mau lẹ vì nạn phân bón hóa học.

Tôi dụi tắt ngọn lửa rồi đi rửa mặt. Chiếc gương tròn trong tay, tôi vói lấy miếng xác cau khô đánh răng. Chiếc bao hương màu đỏ thấm chút nước miếng quẹt lên môi và hai cái kẹp dần mái tóc. Tôi khá đẹp. Tôi róc thàng Tiễn về coi nhà rồi chạy loăng ra đường. Có những lúc thân-thể tôi thêm mặc những bộ áo quần thật mỏng, thật thoáng khí như màn tuyền và trong mùng là những mảnh đồ lót màu hồng màu xanh viền răng cưa. Ông ngoại rửa rằng vì con gái trong xóm cứ ưng lấy Tây để đẻ con chó đẹp nên những con chó cái cũng bắt chước thú ân-ái với chó Bẹt-dê bỏ rơi các chàng Mực. Mẹ nói thêm : Con gái lấy Tây thì cha mẹ mất ăn trâu. Xóm tôi có rất nhiều giường cho thuê. Giường cao, giường hèn tùy theo giá-trị của người con gái tiếp khách trên giường. Giá gái cho thuê đối với Pháp kiểu đất đỏ hơn đối với người bản xứ.

Tôi dừng lại nhón chân hái một trái mít đẹt nổi cám vàng. Ăn bông mít khô cổ khát nước rất dễ mất giọng ca. Tôi hái thêm một nạm lá me non và lá bứa làm thức giải-khát, rồi vừa nhảy lưng-tưng vừa đảo tròn mắt nhìn quanh. Một người đàn bà đi ngược chiều phấn hồng đắp cao hai gò má, tôi nguýt một cái :

— Hai gò má như hai ụ đất còn bôi phấn hồng.

Tôi bước vào một góc tối của rạp hát gọi nhỏ :

— Anh Chiến... anh Chiến ơi !

Anh Chiến thò đầu ra níu lấy tôi rồi dìu vào nhồi trên một chiếc chiếu. Tôi kêu thét khi anh dẫm lên bàn chân tôi. Chiến ngồi xuống mân-mê cổ và vai tôi :

— Cái xương dưới cổ mi sâu lắm đồ được nửa lon gạo là ít...

Chiến dúi vào tay tôi hai cắc bạc. Anh ôm ghì tôi, cắn má, bóp tay, thoa nắn hai chiếc đùi và vuốt bụng... Nhột như kiến bò vào trong áo quần. Tôi cảm thấy có một cơn sốt dễ chịu nhưng tôi vẫn rút gọn người vùng đạp. Trời. Anh muốn xé tôi ra, dìm tôi xuống, ngồi lên tôi. Tôi co cùi chỏ đâm vào sườn anh, cắn vai anh, vật lộn với anh. Tôi có cảm-tưởng mình là cục bột dẻo rất to anh đang vọc tay, những ngón tay muốn lún vào, đang nhồi.... Lăn lóc. Vật-vã. Quần quai. Tôi để cho anh hành-hạ và tôi cụt-kít anh, xô anh ngã. Anh chồm tới cắn cổ tôi, nghiến răng béc tôi, hai gọng tay kèm cứng thân tôi. Anh hành-hạ tôi nhiều sao tôi không thấy đau thấy cực ? — Vì tôi ham đánh bậy ? — Vì tôi thích được đau ? Sau mỗi lần nhồi bột thân tôi, anh đều dền tiền.

Tôi vôi-vĩnh :

— Hồi trưa không ăn cơm đến nơi... đói bụng quá.

Chiến vén áo tôi lên vỗ bụng ba cái :

— Nói láo, bụng chắc như trái mít chín... búng kêu bịch bịch... A đưa lưng đây anh nặn sậy cho.

Tôi phơi lưng trần. Chiến giết từng con sậy rồi cào từng vạt trên chiếc lưng nhám. Đưa đầu cho người khác bắt chích, đưa lưng cho người khác búng sậy rồi ngồi tỉ-tê chuyện trò... đó cũng là hạnh-phúc. Nhưng con sậy bị anh Chiến xử tử độ ngày mai là sống lại. Chiến bảo :

— Sậy là một thứ vi-trùng biết bò.... Bình thường hấn ngủ yên nghe, khi nổi nóng hấn mới ngồi dậy bò lồm-cồm. Mình biết ý đừng uống nước. Nếu mình cứ uống, sậy hấn nổi xung, hấn cắn liền, cắn lung-tung không biết chỗ nào mà bắt.

Tôi tán thành :

— Ủ hê... càng gãi càng ngứa, rất lắm.

— Không thể tự tay mình giết sậy của mình được, phải nhờ tay người ngoài. Sậy hấn sợ đàn ông chứ không sợ đàn-bà.

Rồi Chiến vận lui đôi vai tôi :

— Đưa anh coi phía trước có sậy không nào..

Tôi xô anh một cái rồi chạy vụt ra với chị Thi. Chị hỏi tôi cởi nhanh áo ngoài ra, chừa áo cánh lại, rồi xắn quần lên cao. Chị Thi ồm như cây roi mây. Chị cầm lọ phấn nọ và ly nước lạnh, chấm ướt phấn quét lên mặt tôi. Phấn bám vào da là nóng liền. Mặt tôi được quét ba lớp phấn bừa bãi như quét tường. Tôi dụi mắt lia lịa, mỉm cười trong gương, nhận thấy phấn trắng quá nên hải hàm răng vàng ngàu. Khuôn mặt tôi chữ điền, hóa-trang cần nhiều sáng - kiến nét đậm nét nhạt với phấn màu, nhưng chị Thi cứ lấy phấn đỏ chấm tràn lên hai gò má sát-phu. Tôi biết lỗi trên mặt mình, biết cái hờ hênh của hai gò má. Tôi tức tối :

— Đáng lẽ chị vừa làm tốt cho em, vừa hô « biến ! biến » mới phải. Vì em đang đẹp mà chị làm cho xấu như con nộm tháng bảy. Gò má em cao, một là không đánh phấn hồng, hai là phải quét một đường hồng dài. Tại sao chị cứ xoay tròn mãi trên hai cái gò.

Son môi vừa nóng vừa đấng chát. Chị Thi kéo ngược đôi lông mày tôi lên bắt chước tiểu-thư Tàu, phủ nhận hai cái vòng cong tự-nhiên. Rồi bàn tay chị Thi uốn tóc mai tôi thành những cái móc trên trán. Chỗ nào thừa tóc thì dùng bút chì đánh dấu hỏi. Dầu dừa tưới tóc lăm xuống trán, mồ-hôi rỉ trên mép miệng. Người tôi bốc nóng, ngạt và bức vô kể. Tóc tôi búi ngược lên, cắm hai chiếc bông dại khiến chiếc mặt như cao thêm một tầng. Biến hóa mặt mày tôi xong, bà Thi ngồi xuống thở không buồn ngắm nghía họa-phẩm lóc loẹt

của mình. Chị bảo tôi lấy vôi ăn trầu trây khắp hai cánh tay, hai bàn chân. Nhưng phần da thịt lộ thiên không che giấu trong áo quần đều được quét vôi trắng .. Nhìn tấm thân bị mài gọt phần đỉnh trít ngọt-ngọt tôi vô cùng công-phần. Ánh-sáng cùng bóng tối sân-khấu là tấm đoạn lúp mặt tôi; tôi chỉ trưởng thành trong môi trường son phấn này thôi và ngoài ra không thấy gì nữa, không biết gì nữa. Đây là trường tôi học có giáo-sư là đào kép. Tôi dậy thì. Tôi lớn ở đây và dần được một số vi-trùng trong tim, trong óc. Trùng độc của cuộc đời ngấm đậm trong cơ thể, ăn hết máu ngon của tôi để nhả ra những độc-tổ, những biến-chứng kỳ-quặc như việc tôi vừa làm với anh Chiến. Lòng này đã khô queo hết những cảm xúc con nít rồi. Những sợi thịt trong thân-thể này đang học đòi những rung động bất chính. Như thiếu-nữ hoang. Như đàn-bà hư.

Chị Thi đã mang bộ giáp đến cho tôi, bộ võ-phục Đoàn-Hồng-Ngọc. Lát nữa Dịch-Luông và Đoàn-Hồng-Ngọc sẽ ngồi chung trên một chiếc xe kéo chạy rong quanh thành-phố quảng-cáo, rủ-rê mọi người tối nay đến rạp « Đông Xuân lâu » xem tuồng. Dịch-Luông ôm trống đánh túi-bụi, Hồng-Ngọc cầm xấp chương-trình phân-phát, chiếc xe kéo hai con người nộm đi du hí những nơi quen thuộc. Tôi day qua nhìn Dịch-Luông thăm nghĩ hẳn là một tác-phẩm của thợ mả, nộm nam. Trống nện bùng bình, Dịch-Luông lom-khom vung lệ tay, thỉnh-thoảng đưa cùi chỏ thúc vào hông Đoàn-Hồng-Ngọc đang loay hoay tung những tờ chương-trình xuống đường. Một số trẻ con lóc-nhóc chạy theo hai hiện tượng xin vài tờ giấy, xe qua những chỗ vắng người, thằng Dịch-Luông vút đuôi, đưa tay béo và cụt-kít Hồng-Ngọc. Đoàn nữ quắc mắt, thót người dang tay tát tiểu tặc tuồng. Hai bên gây chiến trong lòng xe lắc lư. Bác phu quay lại chửi. Thiên hạ nhìn chăm hai con người ta giả rồi chỉ chỗ. Tôi cúi xuống gặt những cánh tay con nít ra, nhét vôi vào tay một thanh niên đứng dẫn tờ chương trình xanh. Những đứa con nít bám đuôi xe dai như đĩa, ì ạch chạy theo năn nỉ xin cho được vài tờ giấy xanh đỏ. Có thằng chạy vược lên vượt chân tôi, vài anh thanh niên bỏ lẽ đường xông ra xin giấy, tôi tươi cười thân tặng. Không bao giờ tôi phát chương trình cho trẻ con, chúng đuổi theo dễ ngọt, dễ mận và đôi khi hăm dọa thanh toán cả đoàn hát, đốt phá nhà cửa. Hai tay Dịch-Luông nỗ dãn, dội lên xuống trên mặt trống, khua nện tiếp tiếp thêm sức cho lũ trẻ chạy nước rút. Bác phu cũng chạy không bèn gót. Một thằng cóc con chia tay trở tôi :

— Ê-ê... mi là con Sao, tao biết mi rồi.

Trong đám trẻ con rình-ràng nối đuôi xe, có một thằng dai-dẳng si mê tôi. Nó dốc lòng theo tôi, nó bóc giò theo tôi từ Đông-Ba qua Bến-Ngự, từ Gia-hội đến Phu-Văn-Lâu. Nó nghềch chiếc mặt lem-luốt mỡ-hôi nhìn tôi, rất tình-tứ, rất gian tà. Cha mẹ nó buôn bán giàu, nó không chịu học. Chiều nào nó cũng bám đuôi xe hồng học tỏ tình. Nó năn-nỉ tán-tĩnh tôi. Tán nhỏ, tán to Bằng tình bằng tiền. Tôi liếc nó cười nửa nụ, phờ ánh mắt, phờ miệng cười.

thả mỗi câu con cá si-tình trở hết tốc lực theo tôi. Vì cá to, nặng, người đi câu phải làm cho cá mệt như. Thì khách tình-si quá mỗi gói, quá chồn chân, tôi mới nhẹ ném cho một tờ chương-trình. Định-Luông nóng ruột :

— Nàng thuộc về Dịch mỗ, nàng không được ưng thằng Lựu, không được phát chương-trình cho thằng Lựu. Hấn với ta là tình địch còn nàng với ta thì... gấn bó từ đây ..

Tôi nguýt :

— Tao mà làm vợ mi à?... Mi làm em tao chưa chắc đã xứng. Thằng Lựu có sức chạy bền, tao ưng có chổng làm lực sĩ điền-kinh thôi.

Tôi giữ phần việc quảng cáo và thỉnh-thoảng sắm vai con nít. Tiền công về nhà mẹ moi lưng lấy sạch.

Xong việc quảng cáo tôi phải về nhà khi trời lem-luốc tối để nấu cơm. Thằng Lựu đón tôi đầu xóm toe toét cười :

— Sao, Sao... cho ấy trái chanh đây.

Thấy chua, lưỡi tôi như lỏng ra, miệng rệu nước, tôi nhảy lui :

— Quăng lên cho tui chụp, đừng mó vào người tui...

Tôi chụp trúng, muốn bóc ăn liền. Tôi nhảy cò-cò một vòng mừng-rỡ. Thằng Lựu tha thiết :

— Tối nay mời Sao đi coi hát. Hai đứa con nít ngồi chung một ghế như hai anh em... Coi hát xong ra vườn bông ăn phở.

Tôi trợn mắt dẫy nẫy :

— Cho thằng Dịch-Luông hấn bóp cổ cả hai đứa à?... Nì... nói cho mà biết, không có tiền thì đừng hòng tui chơi với.

Tôi quay lưng chạy, thằng Lựu đuổi theo :

— Cho Sao 5 cát, ở lại cho ta vượt má một cái.

Tôi lác đầu :

— Đâu có được, vượt má thì phải một đồng, giá nhất định không bớt một xu... Từ đầu gối trở xuống bàn chân, mỗi cái vượt đã một cát rồi.

Mấy thằng cóc con trong xóm mỗi khi chơi đùa với tôi thường cố ỷ dụng chỗ này, dụng chỗ kia. Tôi vô tình, không quan tâm nhưng từ khi kếp Chiến cho tôi tiền để hành hạ, để mua cái đầu của tôi thì tôi đặt ra luật-lệ qui-định giá cả mỗi chỗ da thịt khi bàn tay con trai sờ đến. Bàn tay con trai... sự mua bán. Nổi vui sướng có vắt ra nước mắt được không? Phấn sơn sân-khấu, ánh đèn ngũ sắc đã thiêu đốt con người thật sự, đã hợp hẳn tôi. Đứa con gái nhỏ tên là Sao đã chết rồi, chỉ còn lại một con Sao bị trùng nhập, nhớp nhúa, hôi tanh. Nhưng đào kếp màn tường trên sân-khấu, tôi học làm để đóng lại giữa đời. Và tôi học giỏi quá khi đang còn chưa biết thở dài.

— Thôi thì vuốt đầu 5 cắt.

— Không có chuyện vuốt đầu rồi đi, cái đầu để người ta thờ cha thờ ông.

— Rửa Sao để cho người ta vuốt tóc thì được, tóc ở trên đầu cha mô...

— Đầu khác, tóc khác chứ... à nì... 5 cắt thì chỉ được dăm lưng thôi.

Lưu trao tiền rồi tôi mới đưa lưng cho dăm một cái. Hấn vuốt dài, dăm ứ một cái rồi còn xô tôi ngã nhào chúi mũi.

Tôi vừa chạy vừa chửi lui.

Về đến nhà, rửa mặt lại một lần nữa, tôi mới đong gạo đi vút. Gạo hẻo rần ăn mặn mòi, bụi miệng; tuy nhiên ông ngoại vẫn ao ước có chén cơm « gạo De An Cựu ». Nồi cơm sôi xé xé cạn, tôi nhắc xuống, tẻ nước ra bát để ông ngoại uống cho bổ. Cơm là ngọc thì nước cơm là sữa ngọc.

Cơm gạo hẻo rần giả lút bốc hơi nghi ngút. Mấy ông con vừa nhai vừa thổi. Rổ bông bí luộc, đĩa cá khô, chút mắm nêm và mấy trái ớt tươi, Ông ngoại vừa nhai vừa nói :

— Sở dĩ con gái Huế mắt đẹp hơn hết vì người Huế ăn ớt nhiều. Không ai ngờ ớt cũng là một loại thuốc bổ mắt.

Tôi cãi :

— Rửa khi con già ớt tỏi làm nước chấm, lơ văng vào mắt thì đỏ hoe ngay và cay rửa tẻ...

Ông ngoại cầm bát nước húp cho trôi cục nghẹn nơi cổ rồi bỏ đũa nhìn mẹ.

— Hột gạo già sạch thì hết chất bổ... bổ ở nơi cám... Ăn gạo tẻ dễ phù người lắm.

Tiến nói :

— Ông nói trật, gạo tẻ do Tây làm ra, xay bằng máy sạch sẽ tinh-vi. Đồ của Tây làm ra là cái chi cũng tốt, cũng bổ hơn người mình cả.

— Có mô Tây hấn thích dân mình khỏe mạnh à? Dân mình có hột cơm là chính yếu, Tây hấn cốt cung-cấp gạo tẻ để dân mình ăn cho ốm yếu, hấn cốt hại mình... tốt lành chi đó.

— À...

Tôi vét bọt chấy đóng lại hai bên hông nồi, cơm bỏ vào đĩa trắng với chút nước rêu rêu cá kho còn dính, rồi cầm đĩa lên và, vừa nhai vừa cười. Mẹ la :

— Con gái mà ăn đĩa, ăn đĩa cạn lòng, trai hấn đồ đi.

Tôi cười tít :

— Trai đồ con à?... Còn lâu... Nhưng nếu đưa con trai nào đồ dành con mà đưa tiền cho mẹ tiêu thì con mới tiêu, mới vẹo, mới bỏ mẹ, bỏ ông xách gói chạy theo.

Ông ngoại nạt:

— Tương còn tiểu yêu lớn lên chưa nghe ai huýt đã chạy rồi... không cần ra giá cả.

Tiến chặt lưỡi:

— Để cho con người ta lớn với chứ. Ông cứ rửa, cứ trù mạt chị Sao hoài...

Mẹ la:

— Thằng Tiến hôn hè.

Ông ngoại bỏ đũa, mẹ mời dịu dàng.

— Ăn thêm ba hột kéo đêm dài đói bụng. /... con Sao vô bụng hai cái trứng vịt lộn ra cho ông ngoại thời bớt ho...

Ông ngoại ngược lên nghi ngờ:

— Đứa mô đập bể hai cái trứng ra cả ri... Ăn trứng vịt lộn phải đừng thấy rõ mới ngon.

— Tại con đờn nước sôi mới bỏ trứng vô luộc nên con vịt vùng ra bể trứng đó.

Mẹ nói mau:

— Ủ hè... quên dặn hấn bỏ vô khi nước còn hằm hằm.

Ông ngoại quát:

— Hay là con Sao ăn chùng miếng mô rồi mới đập ra cho lộn lạo... tròi... hấn còn hút cả nước ngọt.

Ông ngoại đem đĩa đèn dầu lại gần, soi rõ hai con vịt chết, trần trở mò mẫm tìm những chỗ sứt mẻ, tang chứng của ăn vụng. Hai khoanh ngòi đỏ vẫn còn nguyên. Hai cục chì vẫn chưa ai khới. Tới nuốt nước bọt. Ngoại hừ một tiếng:

— Thằng Tiến có cần bớt không?

Tiến dong tay:

— Thề đây nì, thề cha chết, mẹ chết nếu đứa mô ăn chùng.

Mẹ quát:

— Vì miếng ăn mà đem mẹ ra thề.

Tôi nói:

— Có thể, độc ôn mới chịu tin.

Ông ngoại cúi xuống bốc ăn, rồi thở ra hài lòng. Ông ăn đến hết cả hai cục chì. Chị em tôi ngẩn-ngơ. Mẹ thường xua đuổi hai đứa con ra khỏi nhà để ông ngoại ăn uống tự do, khỏi vướng víu, khỏi nhột miệng. Mỗi lần mua thức ăn riêng cho ông ngoại mẹ đồ ngọt đi chơi xa lối xóm. Mẹ thờ cha của mẹ rất có hiếu. Có một người ông nên chúng tôi không có nhiều thứ. Mẹ trưng bày lý do để gạt con ra khỏi nhà :

— Cứ đứa này một miếng, đứa kia một miếng thì còn chi nữa cho ông ngoại.

Mẹ cố tạo miếng ăn ngon cho ông ngoại và phủ-nhận sự âu yếm cần phải dành hết cho con. Người ta không thể ưu-đãi ông già và bỏ rơi đứa trẻ. Xã-hội có viện dưỡng-lão và viện dục-anh còn lòng mẹ thì chỉ biết có cha già mà quên con nhỏ. Tôi ứa nước mắt khi mẹ đi tìm bùng-bình của tôi đập ra lấy tiền mua rượu cho ông ngoại. Mẹ quên rằng mẹ phải ở giữa hai bốn - phận : lòng hiếu thảo và tình mẫu, tử. Mẹ quyết trợn một bề. Mẹ đã để lép một bề. Mẹ chưa nghĩ đến tình mẫu, tử, mẹ chỉ lo bồi-bổ lòng hiếu thảo. Tôi cũng phục mẹ có hiếu.

Tiền tôi làm cho rạp hát, mẹ vét lưng quần moi hết, còn tiền của bọn con trai cho chát, tôi ăn quà và bỏ bùng bình, mỗi ngày tôi lác lác bùng bình quý mền như ông ngoại nâng niu tấm lịch. Ý ông ngoại muốn khui, muốn chiếm bùng bình. Mẹ hứa rằng tết đến sẽ đập ra mua quà biếu ông.

Tôi khệnh-khạng tuyên-bổ :

— Ông ngoại vô phận sự không được mó tay vào bùng bình.

Vì ông mẹ đã vô tình bóp bụng con. Ông không cho cháu, ông chỉ dành phần cháu. Tôi tủi thân khóc ròng và thấy mình có vài ý nghĩ rất tra.

Tôi chỉ có cái bùng bình trong khi ông ngoại giấu đút nhiều nơi, nhiều kẹt. Nhất định tìm ra là tôi ăn kẹo ngay. Mẹ cũng ra công tìm những món tiền ấy. Mẹ bảo ông :

— Cha đưa tiền con cất dùm, cứ giấu lác rắc chỗ kẹt này một ít, chỗ góc kia một ít rồi quên lưng không biết mô mà tìm.

Tôi tiếp lời mẹ :

— Nói đại... Ông phải nhớ mà giao tiền cho mẹ trước khi chết để lo đám.

Ông máng ?

— Miếng con a đầu lúc nào cũng độc.

Tối đến, tôi thường đi một tua khắp xóm bắt gặp từng chỗ, từng chỗ lại có hai người khác giống làm chuyện khác thường trong bóng tối. Tôi làm ma vác đá ném lung tung.

Niềm ao ước độc nhất của tôi hiện nay là được sung vào đoàn vũ-nữ trong đại-nội, đoàn gái đồng-trình. Điều-kiện gia-nhập bắt buộc con múa phải có đời tư

trong suốt và thân-bình cử động mềm-mại như cá đang bơi. Tôi có chiếc áo đẹp chiều chiều trà trộn trong đoàn thợ múa ăn lương nhà nước ấy. Họ là những chiếc máy múa có lò-xo mềm và dai, những cô gái không xương thân-thể ngưng đọng những vũ-khúc tuyệt vời : Xiêm-y bằng sương mỏng trong bài hát ma, họ mang kiếp chồn đa-tình yêu thương chàng tú-sĩ ; chân họ đi không bèn gót, là-là trên mặt đất như luồng khiên-khi đã hút rỗng hồn tôi. Tôi mê-mạn muốn mình cũng là gái liễu-traï. Khi họ làm gió, tôi thấy lạnh, họ làm hoa, làm bướm tôi thấy say. Nhưng bốn-phận của vũ-đoàn là duy-trì truyền-thống những điệu múa dân-tộc như múa đèn, múa nón, múa trống.... Những thoi đèn bạch dương, hồng-lạp cắm trong những chiếc hoa sen bằng giấy chòng-chành trong tay vũ-nữ suốt thời-gian quần-quại trong nhạc-khúc vẫn không hề tắt. Áo bay phất-phới, cánh tay đưa đẩy tạo ra khá nhiều gió nhưng tia lửa vẫn còn hiu-hắt mãi ở mỗi đầu con tim đèn sáp. Người ta thắp đèn trên đỉnh đầu nữa. Người vũ-nữ hoa-khôi cắm ở mỗi ngón tay một ngọn hồng-lạp, trườn mình như tràn thần, hai bàn tay tháp bút xao động lăn-tăn những con sóng nhỏ hiền-từ; khi đứng lại thì mười ngón tay không xương uốn-nấn nhiều đường lát-léo. Ánh nến chập-chờn nhưng không tắt vì đầu-xoay tròn, vai gập-ghềnh nhưng vẫn cố giữ được 10 đốm lửa ở trên mặt phẳng. Một tia lửa rụng là rồi đời. Roi bò quất trót lên da thịt. Cứ sai một nhịp là chịu một roi. Thế mới mau giỏi. Loài vật còn khổ luyện cho thuần được hướng hồ gái to thân-thể mềm như bún sợi. Dạy người múa, kỹ-luật cũng nghiêm và cũng như tập tành thú-vật trong gánh xiếc. Chỉ thiếu có tra điện và búa. Vũ-nữ ăn roi mây như cơm bữa, cảnh vùi hoa đánh liễu diễn ra không nề mặt một ai. Trong bản nội-qui có vài cấm điều là vũ-nữ về nhà không được bẻ đốt ngón tay kêu lác-rắc và phải cố gắng hết mình chừng nào càng tốt đừng sinh đẻ... đại-khái là tránh những động-tác tăng-trưởng của họ xương. Vũ-nữ phải mềm như dun đất.

(Còn tiếp một kỳ)

TÚY-HỒNG

- Cái ảo ảnh cuối cùng là tin rằng mình đã mất tất cả mọi ảo ảnh.

Maurice Chapelain

- Nhà phê bình chữi tác giả người ta gọi đó là sự phê bình. Tác giả chữi nhà phê bình : người ta gọi đó là sự chữi bới.

Henry de Montherlant

- Chấp hai bàn tay lại, đã là hay, nhưng mở hai bàn tay ra, lại là càng hay hơn nữa.

Louis Ratisbonne

HỘP THƯ BÁCH-KHOA

Bách-Khoa đã nhận được :

Di bút của một học sinh (Trần-Hồng Nhan) Con sông quê hương (Du-Tử-Lê) Lên cao — Cho lịch sử — Buồn thế kỷ (Thanh-Thế-Huyền) Trên di tích cũ (Huỳnh-Thanh-Tông) Sao lạc — 20 — Trường chiều (Trần-Nho-Thảo) Chiến tranh — Vết ô nhụy (Vũ-Anh-Mai) Có những tiếng lòng (Lê-Sử) Quan vàng (Trần-Phước-Ký) Màu tím Pensée... (Mạc-Duy-Thanh) Dáng xưa (Phan-Khắc-Tác) Nhìn xuống... (Lê-Li-Sa) Về thần thoại... (Thái-Ngọc-San) Mẹ và tình nhân (Triều-Sao-Dại) Dấu buồn đá sỏi (Trần-Triển-Thy) Nét vẽ... (Đình Vũ) Điệp khúc 12 (Nguyễn-Hữu-Hồng) Vui đi em... (Phạm-Xuân-Bình) Khi trở về (Huỳnh-Vương) Sụp đổ (Văn-Thi) Mùa xuân quê mẹ (Nguyễn - Đăng - Nghiệp) Khóc than . . . (Giang-Thế-Linh-Phượng) Nghĩ về Ái (Ty-Ta) Nhược tiểu (Đặng Hoàng-Chung) Vấn đề đào tạo nhân công chuyên môn ở Việt-Nam (Nguyễn-Trọng-Huyền) Mười hai tháng của Mẹ (Minh-Dũng) Quãng đường (Minh Việt).

— **Tuệ Trung** Saigon. Chúng tôi đã nhận được bản dịch : « Truyện sáu vị thuyên-sư ». Xin cho biết tên thực và địa chỉ hiện tại để chúng

tiện liên lạc góp ý về bản dịch này. Tòa soạn Bách-Khoa.

SÁCH BÁO MỚI

— **Nắng sớm mưa chiều** tiểu-thuyết của Ngọc-Linh do Tia-Sáng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 300 trang, giá 54 đ.

— **Vũng lầy** tiểu-thuyết của Hoài-Điệp-Tử do tác giả gửi tặng. Sách dày trên 270 trang, bản đặc biệt, không để giá.

— **Giao cảm** tùy bút, tiểu luận. Nguyên tác : Noces của A. Camus, bản dịch của Trần-Thiện-Đạo, do Giao-Điểm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 110 trang, giá 34 đ.

— **Sân khấu** kịch của Dương-Kiến, do Văn-Học xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 114 trang, gồm 2 bản kịch : **Sân khấu**, **Mắc lưới** và một truyện kịch : **Sương mù**, giá 28 đ.

— **Đại Nam Nhất-Thống-Chí** (Tĩnh Bình-Định) dịch giả Tu-Trai Nguyễn-Tạo, do Nha Văn-Hóa thuộc Bộ Quốc - Gia Giáo - Dục xuất bản và gửi tặng. Phần dịch trên 100 trang, có kèm theo phần chữ Hán. Giá 38 đ.

ĐIỀM SÁCH

CỔ PHƯƠNG - THẢO

Tác phẩm Những người đang tới
Tác giả Đỗ-Thúc-Vịnh

SAU Dì Mơ và Mùa ảo-ảnh, ông Đỗ-Thúc-Vịnh vừa cho ra đời « Những người đang tới », một quyển truyện dài dày trên hai trăm trang giấy cỡ lớn, chữ nhỏ.

Ba tác-phẩm này ghi lại một số sự việc ở trong tình trạng đất nước biến-chuyển, khoảng trên hai chục năm nay mà tác giả nhận thấy « tự nó quá rộng lớn, phức tạp, đôi lúc quá dồn-dập mau chóng, khiến bài toán thời đại chưa có một lời giải tạm gọi là thỏa đáng ». (trang 5) Nếu Mùa ảo ảnh và Dì Mơ ghi lại « những hưng khởi, tin tưởng, bị đổ vỡ đau đớn » khiến cho « có những con người vì nhiệt thành, thiện-chí mà chạy theo ảo ảnh nên đã mấy lần chưa xót hoang mang » (trang 5) thì chính Những người đang tới cố tìm lời giải thỏa đáng cho tình-trạng ấy.

Tác-phẩm dắt dẫn chúng ta quay về với những ngày đầu của buổi di cư để kết thúc lại với những tiếng súng lật đổ chế độ Ngô triều. Trong khoảng thời gian chín năm đầy những âu lo khắc-khoải, đầy nước mắt và máu, đầy tủi nhục và căm-hờn của dân-tộc ta, nội dung của sách ghi lại những sự thay đổi tiêu biểu ở trong đời sống một số sinh viên di-cư, gắn liền với sự sinh-hoạt của đời nhân-vật ở thể - hệ trước đã từng đóng vai chính yếu trong quyển Dì Mơ và Mùa ảo ảnh.

* Từ những lều trại di-cư đầu tiên dựng trên bãi cỏ gần đình Thống-Độc, tiến về khu Đại-học-xá, để mà định-cư lâu dài, những Sơn, Hoàng, Phong không ngừng thắc-mắc về tương lai mình. Rồi Hoàng, chán nản về cái nếp sống cũ kỹ của mình và của các bè bạn mình, giã từ cuộc sống sinh-viên, xin thi vào trường Hải - quân

*Nha-Trang. Trong một bức thư cho bạn, anh viết « Khoác lấy bộ quân-
« phục, thì còn làm được cái trò
« gì nữa khi tự giam mình vào thứ
« kỹ-luật phi-nhân, để làm một bộ
« phận nhỏ mọn trong cái công-
« cụ cao cả » ? (trang 16) nhưng anh
thấy thế còn hơn là theo con đường
học-hành cõ-lồ, như Sơn cũng đã
từng nói với Phong :*

— Rồi thì nhờ trời qua cơn sóng
« gió, yên hàn vài năm nữa, những
« thằng Phong, thằng Tư sẽ là những
« bác sĩ, những thằng Cơ, thằng Sơn
« sẽ là luật-sư, giảng sư chi đó, những
« thằng Kim, thằng Trang sẽ là được
« sĩ, nha-sĩ, v.v... sống trong đầy đủ !
« Đại loại danh giá như vậy cả !
« Nghĩa là cứ đánh nhau, cứ chia
« đôi đất nước, còn mắt không biết,
« cứ rập theo khuôn mẫu xã hội cũ
« rích (...). Mà còn nhớ hai chữ
« « bất khuất » đóng khung nơi cổng
« trại Gia-Long hồi Tết không ? Bất
« khuất cái gì ? Bất-khuất trước Cộng
« Sản nên di-cư có phải không ? Rồi
« sao nữa ? Hết rồi ! Hay nói cho
« đúng ra, bắt đầu hết rồi đấy. Bởi
« vì tất cả lớp thanh niên sinh-viên
« di-cư đang chịu khuất-phục trước
« nếp sống ý-lại và trường-già
« hương thụ của cái xã-hội mục nát
« này ! (trang 18).

Do đó, Sơn vội theo người anh cả
tinh thần là Văn góp phần cùng một
số bạn xây-dựng một cái đồn điền
tập-thề ở tại cây số 220 và lôi kéo
được một cô bạn gái — Mai-Khanh —
người Nam, con gái của bác sĩ Hữu
đã đi tập-kết ngoài Bắc, tiếp sức xây
dựng trang-trại với mình. Rồi Sơn

bị lệnh động-viên vào học Thủ-Đức,
ra trường nhân đi công-tác bị trúng
phải mìn suýt phải cưa chân, còn
Hoàng, sau những xông xáo chiến
trường, lênh-đênh mặt bè, xin qua
học ở Hoa-Kỳ, và Phong, tốt nghiệp-
bác sĩ quân y, tham dự chiến trường
rồi bị bắn ngã giữa lúc thi hành phận
sự. Trong những tháng ngày khổ-sở,
Sơn vẫn được sự thương yêu chung
thủy của Mai-Khanh, Phong vẫn được
sự tưởng nhớ đầm thắm của Hiền,
chỉ riêng có Hoàng thì người bạn gái
thuở nào của anh là cô Diễm-Loan
thích sự nhây-nhót, xa hoa, đã quên
hẳn anh để bắt nhân tình với Nhơn,
một người bạn trai giàu có người
Nam, học luật, cũng thích nhây nhót
và tra tở chức dạ hội.

Cuối cùng, sau những tháng ngày
nghệt thờ tham gia tranh đấu chống
bọn bạo quyền Mai-Khanh phải rời
Saigon để trốn lên trên đôn điền 220
đặng tránh lưới bủa của bọn Công-
An, Mật-vụ. Nhờ tiếng súng I-II-63,
« trong đám đông người cuồng nhiệt
« mừng rỡ, tưởng chirug như hồi
« sinh, Mai-Khanh sung sướng nắm
« tay Hiền, lanh lẹ chen lẫn, để vui
« cái vui chung.

Mừng thì mừng vậy, chợt Mai-
Khanh khẽ hỏi bạn : « Giờ thì chúng
« ta làm gì đây ? » Hiền đáp như
« máy : « Ở nhĩ, giờ thì chúng ta làm
« gì đây ? không lẽ tôi chỉ có việc lo
« mở *tiệm thuốc, còn cô lo học cho
« xong năm nay, chót lọt kiếm được
« mảnh bằng như tôi ». (trang 213).

Thế là họ rủ nhau lên thăm trại.
Và giữa khung cảnh ấy, Mai-Khanh

mơ màng : « Nếu mỗi người chúng ta, « trong mỗi phạm vi hoạt-động, bớt « được chút nào vị kỷ mà đóng góp « thêm vào công việc xã-hội, giúp cho « nông thôn . . . Tại sao lại không « được nhỉ ? » (trang 214).

..

Với một ngòi bút cố gắng hiện-thực, theo một khuynh-hướng xây-dựng, tác giả đã mang lại không-khí mới mẻ, lành mạnh, trong cái tình trạng văn chương nhiễm độc vì những tiêu thuyết hoang đường, dâm ô, tâm-lý hạ-cấp. Về mặt nội dung, tác giả tiếp tục con đường lý tưởng tự vạch cho mình trong bao năm nay, là dùng ngòi bút để mà dãi-bày một số sự kiện xã-hội, nhìn theo quan-điểm của một tầng-lớp trí thức, và gắng thúc-đẩy cho những lớp trẻ của tầng lớp ấy tìm lấy con đường vươn lên. Trong nhiệm vụ ấy, ông Đỗ-Thúc-Vinh luôn luôn chứng tỏ được một nhiệt tình đáng quý và một tư cách nghiêm-chỉnh của người cầm bút không hề xao-lãng sứ-mệnh xã-hội của mình. Do đó tác-phần của ông nghiêng hẳn về phần tích-cực, soi sáng bởi nhiều tia nắng ấm áp của lòng hy-vọng thay đổi cuộc đời, hướng về những sự sinh hoạt phong phú, lành mạnh. Trên ý-thức ấy, ông đã làm chủ được hẳn bố-cục, tình - tiết, tự ngăn - cản mình phiêu-lưu trong những ngõ ngách u - ám tâm - hồn, hoặc cố tránh sự khai thác khía cạnh sa - đọa như nhiều ngòi bút gà vịt đối kháng: dòi bọ cố bươi chải đống rác mục để tìm chất sống cho

công-trình họ và tên tuổi họ. Chi-phối bởi nội-dung ấy và rút tỉa được kinh-nghiệm qua một con đường sáng tác lâu ngày, tác giả đã đạt đến một bút pháp vững chắc, linh-động vượt xa những tác phẩm trước. Người đọc thường-thức được nhiều trang sách lý thú qua cảnh chiến-đấu, đi biển, sản-xuất... trong đó tác giả tỏ ra có óc tưởng-tượng dồi dào, có sự thu-thập tài liệu chu đáo và sự tiết-chế ở trong kỹ-thuật.

..

Nhưng sự quan-tâm đến các vấn-đề xã-hội đôi khi khiến cho tác-giả quên hẳn con người nghệ-thuật và tự giới hạn thành người xã-luận, thành nhà chính-trị hay người viết báo. Nhân-vật bị đơn-giản-hóa như những con người ở trong tác-phần cổ-điền với sự thiện ác phân-minh hoặc đồng-hóa hẳn với những lý-luận trừu-tượng. Nhất là khi các nhân vật bắt đầu cất lên tiếng nói để tự xác-nhận tâm-hồn của mình, thì ta không còn gặp gỡ họ nữa mà chỉ gặp các vấn-đề khái quát. Đối-thoại phủ-nhận nhân-vật bởi vì đối-thoại không có cá-tính. Lại thêm tấm lòng hướng-thiện của chính tác-giả đã vượt sự thực để vẽ nhiều người hoàn-toàn thiện-tâm thiện ý khiến cho tác-phần như bị kéo vọt lên trên sự sống hiện-tại. Người đọc dễ có cảm - tưởng lạc lối vào một ngôi nhà cao ráo, sáng-sủa giữa những mái lá mục nát, tiêu - điều. Lòng tốt làm tăng giá - trị đạo đức cho một con người, nhưng lòng tốt không thể

nào đại-diện cho một nghệ thuật. Vì thế, ngòi bút tả-thực của Đỗ-Thúc-Vĩnh không vượt thoát khỏi những sự hạn chế của một kỹ-thuật duy-tâm cổ-điển.

Và kỹ-thuật duy-tâm ấy là kết-quả của quan-điểm cảm-tính đối với vấn-đề. Vì cảm-tính nên những con người trí thức ở trong tác-phẩm chỉ hoạt động theo những sự phản-ứng cấp thời, những mối cảm tình quen thuộc hay một ép buộc đến từ bên ngoài. Trường hợp ra đi của Hoàng, trường hợp hy-sinh của Phong, tham gia sản xuất của Sơn hay của Mai-Khanh không theo một đường lối nào rõ rệt, không có một chủ trương nào vững vàng liên-hệ với những chính sách căn bản. Họ chỉ *sực nhớ, chợt nghĩ* đến công việc làm và những quyết định của họ là những tùy hứng cá nhân. Ấy bởi vì họ chỉ nghe theo « những tiếng 'gọi nơi lòng' » hơn là nghiên-cứu cho thực thấu-đáo về một thực trạng dân-tộc, họ lấy mình làm khởi điểm cho mọi cải cách thay vì phải lấy nhu-cầu lớn lao của cả lực-lượng đông đảo để làm nền tảng cho sự đổi thay. Từ khu Đại-học họ bỏ những phút nhàn rỗi vào các công-tác xã-hội như làm một việc từ thiện chứ không có một ý-niệm tổng quát, cụ thể về một thực-tại đất nước giữa những biến-động hết sức sâu xa là cuộc tranh-chấp rộng lớn ngày nay. Đứng trên mảnh đất chủ-quan phóng nhìn cặp mắt ra ngoài, họ chỉ thấy hiện lò mờ một thứ « dân tộc » trừu tượng và lăm lăm

sự kêu đòi của mình với lại lý-tưởng quốc-gia.

Quan-điểm cảm tính đưa đẩy họ vào bước đường phiêu-lưu, và họ dùng tiếng « *biết đâu* » như lời thần chú để thêm năng lực đuổi theo ảo-ảnh. Cứ vậy họ tự dồn mình vào thế bị động để trở thành những nạn nhân. Cuối cùng, những nhân vật chính ở trong tác phẩm chỉ còn có mỗi một cách là kéo hết vào trong cái « kỷ luật phi-nhân » — như họ vẫn nói — để mà thụ động hơn nữa. Cả đến trường hợp lật đổ Ngô triều thì ba sĩ quan — ba nhân vật chính — cũng chẳng có ai tham dự : Hoàng thì bạn đi... Hoa-Kỳ, Sơn thì bạn về... thăm nhà, còn Phong thì đã chết rồi.

Tuy vậy, dù người đọc sách có thể bất bình về những cảnh tình tác-phẩm quá đòi cao ráo, phẳng-phiu giữa một cuộc sống lầy lội, khúc khuỷu, dù người đọc sách có thể không muốn chấp nhận con đường giải thoát dân tộc chỉ là một sự « *bớt đi chút ít ích-kỷ* » của những kẻ đã quá ích kỷ rồi, thì cũng vẫn thấy được những giá trị tích cực của nội-dung sách. Điều đáng kể nhất của Đỗ-Thúc-Vĩnh là ông đã đưa lớp trẻ trở về cuộc sống lao-động, tham gia sinh hoạt sản xuất trong một tinh-thần tập-thể. Có lẽ hình ảnh đồn điền, ô-tô, cùng cái thái độ không mấy băn khoăn đến chuyện cơm ăn áo mặc hàng ngày ở trong tác-phẩm khiến ta nhớ đến Tự-lực Văn-đoàn của một

thuở nào, nhưng ta vẫn thấy khá nhiều chuyên-hướng trong lớp trẻ tuổi hậu thân của Dũng, của Duy, những người mẫu của Nhất-Linh, Hoàng-Đạo. Lớp trẻ của Đỗ-Thúc-Vịnh dù vẫn có đôi, có lứa mặn nồng, nhưng đã trải chịu ít nhiều đau khổ, thiệt thòi, và đã biết tự hoại nghi. Đừng quá chủ-quan, và biết gắn mình vào sự lao động sản xuất tập thể, họ sẽ tự tìm hiểu dần sự thực và không tự đẩy mình ra ngoài lề sinh hoạt của một dân-tộc phải tạo đủ mọi cách thế vươn lên.

Cũng có người sẽ bảo rằng chính cái *giải-pháp sản-suất* ở trong tác-phẩm đã bị hạn chế bởi chính nghề-nghiệp tác-giả. Vốn là kỹ-sư nông-nghiệp, ông Đỗ-Thúc-Vịnh không quan niệm một cái cách nào khác ngoài cái khuôn khổ sinh hoạt quen thuộc của mình, và quên nhìn đến những chính sách khác, những chủ trương khác, mạnh dạn và bao quát hơn. Nhưng nói như thế, dù rằng hợp lý, cũng vẫn có vẻ đòi hỏi quá nhiều ở một ngòi bút đời

dào thiện chí bao giờ cũng không quên đem tâm sự của mình đề mà góp phần giải đáp cuộc đời và thích những sự cải cách ôn-hòa hơn là cách-mạng quyết-liệt. Hơn nữa, *Những người đang tới* chỉ là một lời kêu gọi, như chính tác-giả có dịp bày tỏ ở đầu tác-phẩm, và lời kêu gọi chỉ có tính cách khơi động để tìm tiếng vang hòa-điệu chứ thật khó lòng mà dải bày hết nỗi lòng.

CÔ PHƯƠNG-THẢO

NHẮN TIN

Một vài bạn đọc có nhã ý gửi thư hỏi Cô Phương-Thảo ở trong Bách-Khoa có phải là một với những bút hiệu Phương-Thảo ở trong một số nhật báo, xin đáp: « Cô Phương-Thảo là một bút hiệu chỉ chuyên về mục phê-bình văn-nghệ và không có liên hệ gì tới những bút hiệu Phương-Thảo viết về chính trị hay về tiểu thuyết tình cảm trong các nhật-báo».

Tòa soạn Bách-Khoa

- Chỉ có những sách xấu cho những người đọc xấu. Cuộc sống chỉ làm dơ những tâm hồn ti tiện.

G. Duhamel

- Luật lệ là những tấm mạng nhện, lũ ruồi to chui qua khỏi, còn lũ ruồi nhỏ thì vướng lại.

H. de Balzac

- Lí tưởng là một thứ thuốc mạnh nó tăng gấp đôi sức mạnh của một người có thiên tài và giết chết những người yếu đuối.

Stendhal

SÁCH BÁO MỚI

Bách - Khoa đã nhận được :

— **Cộng-Hòa**, tuần báo nghị luận, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, số ra mắt ngày 27-9-64, đặc-biệt tìm hiểu về Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng. Chủ nhiệm kiêm chủ bút : Bà Nguyễn-thị Ngọc-Khánh, văn phòng : 11 Nguyễn-Đình-Chiếu Saigon. Báo khổ lớn 36 trang, giá mỗi số 10đ.

— **Nguyễn-Du et la métrique populaire** của Thuần-Phong, Ngô-Văn-Phát, do tác giả gửi tặng. Hưởng ứng lời mời gọi của B.S. Nguyễn-Trần-Huân (đăng trên Bách-Khoa số 176 ngày 1-5-64) về tuyển tập viết bằng tiếng Pháp ở Paris vào năm 1965 sắp

tới để kỷ niệm 200 năm Nguyễn-Du. Ô. Thuần-Phong đã biên soạn tập tài liệu trên đây và cho in bằng ronéo, dày 45 trang.

Người đàn bà bên kia vĩ - tuyến truyện dài của Doãn-Quốc-Sỹ, do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Đây là phần II của tác phẩm trường - thiên « *Khu rừng lau* » của nhà văn Doãn-Quốc-Sỹ, tiếp theo « *Ba sinh hương lửa* » (1962) Sách dày 502 tr gồm 2 phần; phần một : « *Tiếng hát tự lòng đất* » phần hai : « *Chiếc bè nữ chúa* », do Ngọc-Dũng trình bày minh họa. Bản quý không để giá.

Trân trọng cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

NHÀ XUẤT BẢN SÁNG TẠO

Đã cho phát hành tại khắp các hiệu sách

ĐÊM. MẶT TRỜI TÌM THẦY

thơ thanh tâm tuyển Bản đặc biệt 100\$

KHÔNG BỜ BÊN *thơ Tuệ Mai Trần Gia*

Bản đặc biệt 90\$

MƠ *thơ Minh-Đức Hoài-Trinh*

CHIẾC BÈ NỮ CHÚA *(tiếp Tiếng hát tự lòng đất)*

doãn quốc sỹ

- Các bạn có thể mua **NGƯỜI ĐÀN BÀ BÊN KIA VĨ TUYẾN** (đóng gồm cả hai phần : *Tiếng Hát Tự Lòng Đất* và *Chiếc Bè Nữ Chúa* — Bản thường 110đ. Bản quý 250đ.)
Cách gửi tin : xin hỏi tại bưu cuộc nơi bạn ở thiếp phiếu mẫu số CH - 1418, để gửi tiền cho Doãn-Quốc-Sỹ, trương mục 16.22, Chánh Trung Khu SAIGON, Gửi theo lối này các bạn khỏi phải mua bưu phiếu, cũng khỏi phải gửi thư bảo đảm, đỡ tốn bưu phí.

SINH HOẠT

Tâm hồn thi sĩ của Nguyễn-Du

Nha Văn hóa định tổ chức một buổi lễ kỉ niệm, có dâng hương, có diễn thuyết tại trường Quốc-gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài-Gòn, nhân ngày húy của Nguyễn - Du, mừng mười tháng 8 âm lịch. Nhưng trước đó hai hôm lại xảy ra cuộc đảo chánh (ngày 13 tháng 9 dương lịch) nên buổi lễ kia không có.

Những người yêu tác giả truyện Kiều tuy vậy cũng được thỏa mãn vì sau đó có cuộc nói chuyện về Nguyễn-Du, do hội Bút Việt tổ chức tại đại thính đường học viện Quốc-gia Hành-chánh, cũng còn trong vòng tháng 8 âm lịch (1) đề diễn

(1) 29 tháng 8, năm chủ nhật 4-10-64; đề tài cuộc nói chuyện. *Tâm hồn thi sĩ của Nguyễn-Du.*

giả, nhà thơ Vũ - Hoàng - Chương, chủ tịch hội Bút-Việt có thể mở đầu cuộc nói chuyện một cách rất văn chương, trước năm trăm thính giả :

..

« Mỗi năm, vào khoảng tháng 8 âm lịch, tôi hằng mong mỗi cho đêm trường sẽ không mưa để vầng trăng vàng vạc buồng xuống trần gian những sợi tơ huyền ảo biết đâu bầu không khí thường xuyên bị đầu độc ở nơi này chẳng sẽ phút giây lắng xuống, hội đủ các điều kiện, dù khó khăn phức tạp mây đi nữa, để người có thể nghe rõ tiếng chày vang dội của con ngọc thỏ trên cung Quế đêm đêm giã thuốc trường sinh. Nhưng đồng thời tôi cũng liên tưởng đến một vầng trăng khác ngự trị ở một vũ trụ khác chỉ luôn luôn soi tỏ những đường nét mỉ lệ, những màu sắc thuần túy, những tư thái hồn nhiên. Vầng trăng khác

đó là thi hào Nguyễn-Du ; và cái vũ trụ khác đó chính là thế giới của THƠ vậy. »

Và, vì là kẻ có chút sở trường về văn điệu, chớ thiếu hẳn tài nghiên cứu sâu rộng, tài giảng thuyết hùng hồn, nên diễn giả chỉ xin tỏ mối « thâm cảm về tâm hồn một nhà thơ đã làm vẻ vang cho dân tộc ta, tâm hồn thi sĩ của Tố-Như tử. »

Hai câu thơ Tố-Như khóc nàng Tiều-Thanh bạc phận được ông gọi lại :

Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố-Như.

Ông dịch :

Ba trăm năm nữa, nào hay

Còn ai nhỏ giọt lệ này khóc ai ?

Tiếng thở dài não nuột này, ông cho là biểu lộ tâm hồn thi sĩ của Nguyễn-Du, người mà Mộng-Liên-đường chủ nhân cho là « đã có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả ngàn đời vậy. »

Nguyễn-Du có một tâm hồn bao la, man mác, không khur khur cố chấp như hạng nhà nho hương nguyệt. Mà « mười hai năm tuyệt tích trên khoảng 99 ngọn, sẵn bản đề nuôi thân và tự xưng là Hồng-Sơn liệt hộ, cái hào khí lãng tăng, dễ ai có hơn ai ! »

Tâm hồn thi sĩ của Nguyễn-Du, theo diễn giả, một phần do huyết thống tạo nên, một phần do thiên bẩm. Nó đã phát hiện lúc thiếu thời, khi thác lời một chàng trai phường nón gởi bài ca lục bát cho một



Thi sĩ Vũ-Hoàng-Chương
trong buổi nói chuyện

nàng gái phường vải, có thể là người tình thứ nhất của Nguyễn-Du. Máy câu sau đây thật đã phản ảnh một trái tim sôi nổi vì yêu đương :

Tiếc thay duyên Tân phận Tân

Chưa quen đã lạ chưa gần đã xa.

Chưa chi Đông đã ló ra

Đến giờ chỉ giận con gà chết toi.

Tìm gan cho cái Sao Mai

*Thảo nào vác búa chém trời cũng
nên.*

Sau khi so sánh cái độ si tình của người công tử Tiên-Điền với cái nóng lòng sốt ruột của Trương-Quân-Thụy khi nhận được thư hò hẹn của nàng Thôi-Oanh-Oanh, diễn giả tiếp :

« Tuy nhiên, phải có trải qua một cuộc bể dâu, trong đó triều đại sụp đổ, cơ nghiệp của ông cha phát chốc tan tành, lại phải có một

phen thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng dong đê rồi việc. Cẩn vương thất bại, quay về dãy núi quê hương, lúc ấy tâm hồn thi sĩ của tiên sinh mới được nảy nở toàn diện. Xa hẳn danh lợi và thế tình, mộng khanh tướng, mộng giai nhân chỉ còn là kỉ niệm, tiên sinh trọn mười hai năm gần gũi thân mật với mây tuyết đỉnh cao, cỏ hoa rừng thẳm, lòng say mê sôi nổi trước kia được kết tinh lại thành nỗi mến thương rộng lớn, bi tráng mà trầm hùng.

« Nếu tài năng có phong sương mới già giặn, nếu thơ văn phải linh cảm cùng sông núi mới rục rở được về kì khí lên, thì tâm hồn của Nguyễn-Du cũng đã trọn vẹn là tâm hồn thi sĩ trong khoảng bách lí hồng sơn và nhất thiên minh nguyệt vậy. »

Lúc ban đầu, cái cảnh loạn lạc diễn ra trước mắt hẳn đã khiến Tố-Như nuôi ý định

Phong trần mài một lưỡi gươm

Những phường giá áo túi cơm sá gì.

Nhưng rồi, suy gẫm lại, thấy lớp người chịu thiệt thòi nhất, chính là đám lương dân vô tội :

Gẫm từ đây việc binh đao

Đông xương vô định đã cao bằng đầu.

lòng thương của tiên sinh trải ra cho tất cả thập loại chúng sanh đang bơ vơ trong trường dạ :

Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc

Qui không đầu van khóc đêm mưa

Đã hay thành bại là cơ

Mà u hồn biết bao giờ cho tan ?

(Chiêu hồn)

Rồi diễn giả hỏi, đáp và nhận xét :

« Trong chúng ta, chẳng biết có ai khóc Tố-Như-tử được một tiếng nào do chân cảm chí tình không ; chỉ biết rằng Tố-Như-tử đã khóc trước chúng ta, giọt lệ nghẹn ngào từ ngót hai thế kỷ.

« Đặt vào lời Thúy-Kiều khóc Đạm-Tiên, đã hẳn tiên sinh phải hạ bút viết :

Đau đớn thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.

« Nhưng trong thâm tâm của tiên sinh, hai câu thơ ấy tất phải là :

Đau đớn thay phận con người.

Lời rằng bạc mệnh cũng lời nói chung.

Nguyễn-Du đã đến chỗ không còn cố chấp, thông cảm những khổ đau của tất cả mọi hạng người, những tâm hồn thi sĩ của tiên sinh biểu lộ rõ rệt tới độ tận cùng.

Và chính vì tiên sinh có một tâm hồn thi sĩ như thế nên Đoạn trường tân thanh đã gây ra bao luồng dư luận trái ngược, khen thì khen hết lời, chê thì chê hết mực.

Rồi diễn giả nói đến nàng Kiều, mà ông cho là « con người của muôn thuở và muôn nơi, chứ chẳng riêng gì đời Gia-Tĩnh triều Minh », con người ở vào cái thế « vạn bất

đắc dĩ», kể từ lúc « *Rẽ ra cho thiệp bán mình chuộc cha* ».

Diễn giả phân tích những trường hợp mà con người phải quyết định, khi thì cao đẹp, lúc lại yếu hèn, « nhất là ở những nơi sự nghèo đói, sự túng thiếu đã trở thành chứng bệnh nan y và bao nhiêu bất bình đẳng còn ngự trị ngất ngưỡng.» Kiều ở trong cái cảnh đau xót, giữa một xã hội bất công, ở vào cái thế vạ bất đắc dĩ, cho nên truyện Kiều là tấm gương cho thiên hạ soi chung.

Đoạn trường tân thanh và *Chiêu hồn ca* vì nhờ cái tâm hồn thi sĩ của tác giả đã thông cảm nỗi khó khăn của những con người phải lựa chọn, phải quyết định, đã phân tích tâm trạng của người trong cuộc mà thâm nhập vào huyết mạch của tất cả lớp người trong xã hội ta.

« Mỗi tình đẹp » của Kim, Kiều được diễn giả nhắc nhở và ca ngợi ở phần cuối buổi nói chuyện. Ông cho nó đẹp, đẹp không phải vì hai bên đều là tài tử giai nhân gặp nhau giữa lúc tình xuân vừa chớm dậy, « mà đẹp ở chỗ tái hợp, sau mười lăm năm xa cách : nó đẹp vì có hàm chứa một cuộc trở về trong ý niệm tha thứ, bao dung. Ông nói :

« Là người, ai chẳng có một dĩ vãng, thứ nhất ở thế kỷ chúng ta. Trường hợp ngộ biến như Kiều lại càng dễ xảy tới lắm. Nếu chẳng lấy lòng thương xót chân thành để tha thứ trọn vẹn, hỏi còn ai sống nổi với ai ! Cho nên cuộc trở về trong *Đoạn trường tân thanh* đẹp

hơn hết mọi cuộc trở về. » Ông lại cho rằng ai cũng có lúc thấy mình là một thứ nàng Kiều và trong thâm tâm, ẩn hiện một chàng Kim, « điển hình cho những gì quý báu nhất mà mình đã trót để thất lạc đâu đó trên bước đường phù sinh. »

Ông kết luận :

« Tóm lại, ở tâm hồn Tố-Như-tử, đã kết tinh đủ mọi đặc chất của THƠ với cái nghĩa thẳng hoa cùng tốt của nó. Tiên sinh đã yêu đương thắm thiết để rung động theo những hồi hộp của lứa tuổi thanh xuân. Tiên sinh đã vươn lên cao nhìn cuộc biển dâu đầy trái ngược phi lí để trong một tư thế « mặc ngoạn toạ thiên » vừa sâu thương cho nhân loại ngày mai, vừa đau đớn cho bao nhiêu đồ vỡ điều tàn phía trước. Một đấng tiên sinh, bằng con mắt thấu triệt cả sáu cõi, nhận chân thấy cái nghiệp ghê gớm của con người; một đấng tiên sinh với tuệ giác bao trùm cả thiên thu, linh cảm thấy cái đẹp xa vời mà riêng chỉ con người mới ý thức được. Cho nên lòng mở rộng tới vô cực, tỏ rõ hết và tha thứ hết, tiên sinh ngồi chót vót trên một thạch tọa ngang vai cùng dải Hồng-Linh sương khói u huyền(. . .) bóng tiên sinh . . . , sau mười hai năm hàm dưỡng của thi nhân, còn in đậm vào núi nọ trăng này !

Và trước khi dứt lời, tác giả « *Lửa Từ Bi* » mong rằng giữa bầu không khí ngọt ngào của thủ đô (và có khi là của toàn quốc, của toàn thế giới) ngay giữa cái khung cảnh

« Ngất trời sát khí mờ màng
 Đầy song kính ngọc chập đường giáp
 binh, câu chuyện hôm nay « nhờ
 dư linh của đại thi hào Nguyễn-Du
 và qua những vần thơ phun châu
 nhả ngọc của người » mà có thể như

là một cơn mưa trong mùa nắng
 cháy, thì thật là « một hân hạnh
 lớn cho người mạo muội lên diên
 đàn » vậy.

NGUYỄN-NGU.Í thuật



Với Nguyễn-Văn-Hầu, người làm sống lại các nhà cách mạng miền Nam

Cầm quyền « Chi-sĩ Nguyễn-Văn-
 Diêu, thi ca và cuộc đời một lãnh tụ
 trọng yếu trong phong trào Đông du
 miền Nam » anh từ An-Giang gửi
 lên tặng, tôi không khỏi mừng thầm
 cho bạn : lại thêm một viên đá
 góp vào việc dựng xây cái đền
 đặc biệt mà anh quyết hiến cả tấm
 lòng, đền các nhà cách mạng miền
 Nam vốn ít được người đời biết
 rõ như các nhà cách mạng miền
 Trung, miền Bắc. Tôi bỗng nhớ
 lại buổi cùng anh trò chuyện cạnh
 ngọn đèn dầu, tại nếp nhà tranh
 giản dị của anh, ở bờ sông Hậu-
 Giang thăm thẳm.

Tôi đã hỏi anh :

— Đọc đôi tác phẩm của anh đã
 xuất bản, cùng những thiên biên
 khảo về lịch sử đăng trên các báo
Tự do, Văn hóa nguyệt san, Văn đàn,
Bách khoa, tôi thấy anh thiên về
 việc làm sống lại những nhà cách
 mạng miền Nam ở cuối thế kỉ XIX
 và đầu thế kỉ XX, như *Trần-Văn-*
Thành, Nguyễn-Thần-Hiến, Li-Liêu,

Nguyễn-Quang-Diêu..., chẳng hay đó
 là bởi ngẫu nhiên hay là vì dụng ý ?

Gương mặt hồng hào, diễm đạm
 của anh như tươi lên dưới ánh
 đèn.

— Không phải là ngẫu nhiên, mà
 là dụng ý. Chẳng phải riêng về lịch
 sử miền Nam như anh đã biết qua
 các tác phẩm đã in hay đang soạn,
 như *Thất-Sơn màu nhiệm, Cuộc khởi*
nghĩa Bảy-Thửa, Chi sĩ Nguyễn-
Quang-Diêu, tôi cũng có sưu tầm về
Hò miền Nam, Văn chương miền Nam.

Tôi cất lời anh :

— Nghĩa là với anh, những gì
 dính líu đến miền Nam đều không
 làm anh đứng đưng được ?

Anh mỉm cười :

— Anh dạy quá lời. Chẳng là từ
 khi già từ nàng Thơ, xoay sang viết
 biên khảo, tôi đã nghĩ ngay đến
 việc cần phải khai thác các vấn đề
 miền Nam, nhất là vấn đề làm sống
 lại các danh nhân của xứ Đồng-Nai.

— Thế là anh quyết tiếp tục công việc mà các ông Phan-Văn-Hùm, Lê-Thọ-Xuân, Ngạc Xuyên, Khuông Việt... đã làm thời tiền chiến ?

— Cám ơn anh đã hiểu cho tôi như thế, mà không gán cho cái ý muốn phân biệt địa phương này hay địa phương khác. Các bậc đàn anh mà anh vừa kể đó tuy đã góp công nhiều trong địa hạt này, nhưng các bậc ấy còn ít ỏi. Thời gian đã khá lâu (tôi muốn nói thời ta thuộc Pháp, không gian lại khá rộng, thì làm sao họ khám phá cho hết được. Không bằng với miền Bắc, miền Trung. Miếng đất mới, phì nhiêu, mà chưa mấy người khai phá, cho nên tôi thấy mình có bổn phận làm công việc đó. Vì thấy cho mãi đến nay, còn nhiều tài liệu chưa được đưa ra, có vài tấm gương chưa được nhắc đến để vừa làm giàu cho lịch sử địa phương, vừa bổ túc lịch sử và văn học nước nhà.

— Tôi mừng mà thấy anh chọn con đường đó. Có vài cây bút miền Bắc đã viết về các danh nhân, các nhân vật cách mạng miền Nam nước Việt, nhưng họ chưa làm thỏa mãn người đọc. Tài liệu của thực dân Pháp thì khiếm khuyết và thường bị xuyên tạc, tài liệu in hoặc viết tay thì tản mác đó đây, cần thu thập những tài liệu sống ở những đồng chí, bạn bè, thân thuộc, thì các nhà cầm bút nói trên vì thiếu thì giờ, thiếu phương tiện, nên công việc không thuận tiện và ít kết quả hơn, nếu là do người địa phương đảm nhận. Lắm khi, sự

thiết tha lại chẳng bằng. Và điều này dễ hiểu. Thời gian qua, tài liệu viết có thể thất lạc hay bị nạn binh lửa thiêu hủy, những người biết chuyện nay đã trọng tuổi có thể qua đời, thì ta mất hẳn đi một phần gia tài tinh thần quý báu. Vì thế mà nhiều anh em vui mừng thấy anh kiên tâm lăm lũi đi con đường khó nhọc này mười năm nay. Phần tôi, được đọc bản thảo cuốn « *Chi sĩ Nguyễn-Quang-Diêu* » của anh, tôi càng mong anh có nhiều bạn đồng hành. Nhân đây, anh cho biết qua anh đã làm cách nào để có tài liệu để viết cuốn này, vì anh đã bắt đầu gần như với con số không thì phải.

Mắt anh sáng lên, như người mẹ được khách ân cần hỏi đến đứa con cưng, và sau một ngụm nước trà, giọng anh cất lên, nồng ấm :

— Như quản cơ Trần-Văn-Thành, nhân vật chánh trong cuốn *Cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa* của tôi ra đời từ tám năm trước, người lãnh tụ trong phong trào Đông du miền Nam này, Nguyễn - Quang - Diêu, tôi không thấy trong sử, nơi nào nói tới. Bởi thế, công việc sưu tầm tài liệu phải lâu lác và khó khăn. Nhưng tôi không chán nản. Vì cụ là người vùng tôi, tôi đã quý mộ cụ từ thuở ấu thơ, và thiếu chút nữa, tôi là môn đệ cụ. Trong cuộc săn tìm tài liệu về cụ tôi may mắn gặp nhiều cái « duyên ». Sau một số bài biên khảo của tôi đăng trên các báo *Văn đàn*, *Bách khoa*, *Văn hóa nguyệt san*, *Tự do*, và nhờ đài phát

thanh Sài-Gòn phổ biến các bài đó trên làn sóng điện, mà tôi được các môn sinh của cụ giúp cho thêm tài liệu.

Tôi nhìn anh, hỏi qua cái mím cười :

— Những tài liệu này, có gì đảm bảo để chúng ta tin.

Đầu anh gật gù :

— Có chớ. Vì những bản chữ Nôm, chữ Hán, hoặc chữ quốc-ngữ mà tôi tham khảo, đều do chính các môn sinh cụ Nguyễn chép lại, và chép từ khoảng các năm 1930-1936, hoặc do chính cụ Nguyễn kể lại xuất xứ và đọc cho chép hoặc họ sao lại bản chép đầu tay. Để tránh sự sai lầm khó... tránh, tôi còn cần thận so sánh lại nhiều bản trùng nhau và nếu có những chữ nào khác nhau thì tôi không quên chú thích hoặc đánh dấu tồn nghi.

« Ngoài ra, các môn sinh cụ Nguyễn cũng không kém phần kĩ lưỡng trong việc đi tìm sự thật để giúp tôi.

— Còn ai giúp anh nữa không ?

— Có anh Lê-Ngọc-Trụ đã giúp tôi nhiều trong sự lục lọi, tra cứu các tài liệu có liên hệ đến phong trào Đông du hiện có ở Thư viện Quốc-gia ; có anh Thái-Văn-Kiểm cho tôi mượn một tài liệu riêng của anh về phong trào này. Phần tôi, mỗi lần đi phỏng vấn, quan sát tận nơi những chỗ có di tích, sử liệu dính líu đến phong trào Đông du, tôi lại kiểm soát những tài liệu

SÁCH BÁO MỚI

Bách - Khoa đã nhận được :

Tạp chí Bách-Khoa đã nhận được các sách sau đây do Hội Bạn Trẻ-Em Việt-Nam xuất bản :

Câu chuyện mẹ con (tập một) của Vân-Trang trên 60 trang giá 16 đ.

Giáo dục bằng sự làm việc của Thiên-Giang Trần-Kim-Bảng, 60 trang, giá 16 đ.

— **Bước khởi hành quyết định** (Vấn đề trẻ em) của Thiên-Giang, trên 60, giá 18 đ

— **Cha mẹ bơ vơ** của Vũ-Hạnh, trên 90 trang, giá 26 đ.

Trần-Trọng cảm ơn các Tác-giả trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

..

NHẮN TIN

Anh Lê-Đình Phạm-Phú Đã viết 2 thư Anh không nhận được ? Cho địa chỉ để gửi nb. thơ bắt đầu từ số này.

Anh Lữ-Quỳnh Anh cho xin địa chỉ hoặc K.B.C. để tiện liên lạc. Cho tên thật để gửi nb. Có lần Anh ghi 1 địa chỉ cuối thư, có viết cho Anh mà không thấy trả lời X.H.

đó bằng cách so sánh, tra cứu lại xem có đúng theo những tài liệu khác không. Còn đi, thì tôi đã lặn lội nhiều nơi ở miền Nam. Có lần lên tận biên thùy Miên-Việt để tìm cụ Nguyễn-Minh-Dương, vì cụ này đã từng nuôi cụ Nguyễn một thời gian, tôi đã nhờ cụ Dương chỉ cho nhiều di tích để tìm tôi và được nghe nhiều điều lí thú. Tôi cũng đã đi tìm cụ Nguyễn-Gia-Lạc vì cụ đã đem giấu cụ Nguyễn tại sở ruộng ở quận Phước-Long (Rạch-Giá) ngày xưa, cụ Lạc tuổi đã chín mươi, còn tinh táo và đã giúp tôi nhiều điều chân xác. Tôi cũng đã nhờ ông Trương-Anh-Mẫn (cử Huyện) ở Hồng-Kông, ông Bùi-Quang-Tung ở Pháp ».

Tôi sực nhớ những đoạn đối thoại trong sách, tỏ cho anh biết những đoạn ấy có thể bị ngờ là không đúng sự thật, vì hồi đó, có ai ở đó mà ghi lại, mà người trong cuộc thì không còn. Anh đáp :

— Người đọc có quyền ngờ nhưng trước đó, người viết có quyền tin rằng đúng sự thật. Những câu đối thoại như thế còn nhiều, tôi đã lược bớt cho sách khỏi rườm. Các lời thuật lại đó, do chính cụ Nguyễn Quang-Điều kể lại cho nhiều đồng chí và môn đệ của cụ nghe, khi cụ trở về nước. Phần tôi, trong lúc tôi ghi chép, tôi đã hỏi qua nhiều người, mà điều nào có nhiều người nhớ, và nhớ giống nhau, thì tôi mới cho vào sách.

Sáng sớm hôm sau, anh phải đi Châu-Đốc để dạy. Tôi đi theo anh một đoạn đường. Và trên chiếc đò máy nhỏ đang rẽ nước sông Hậu, nhà giáo kiêm nhà văn miền Nam này tâm sự :

— Quê tôi không phải ở đây, mà ở bên cù lao Giêng. Loạn lạc, gia đình tôi tản cư qua đây. Tưởng ở tạm, nào dè ở luôn từ ấy đến giờ. Tôi mong sao quê nhà yên ổn, để có thể về sống với ruộng, vườn, đi dạy ít giờ thôi, còn thì giờ thì để hẳn vào việc viết về các nhà có công với văn học và lịch sử miền Nam. Ước nguyện chỉ có bấy nhiêu thôi mà chẳng biết bao giờ mới thực hiện được.

Sau cái thở dài nhẹ nhẹ của anh, sao tôi lại muốn thốt ra giữa cảnh trời nước mênh mông ấy ba tiếng quá sáo này :

« Ôi miền Nam ! »

NGUYỄN-NGU-I

Đã có bản tại các hiệu sách :

Thở dài

tập truyện đầu tay của Túy - Hồng

Tâm trạng một lớp người trẻ, do một ngòi bút phụ nữ tao bạo chưa từng có.

THỜI MỚI XUẤT BẢN

200 trang — Giá 44đ

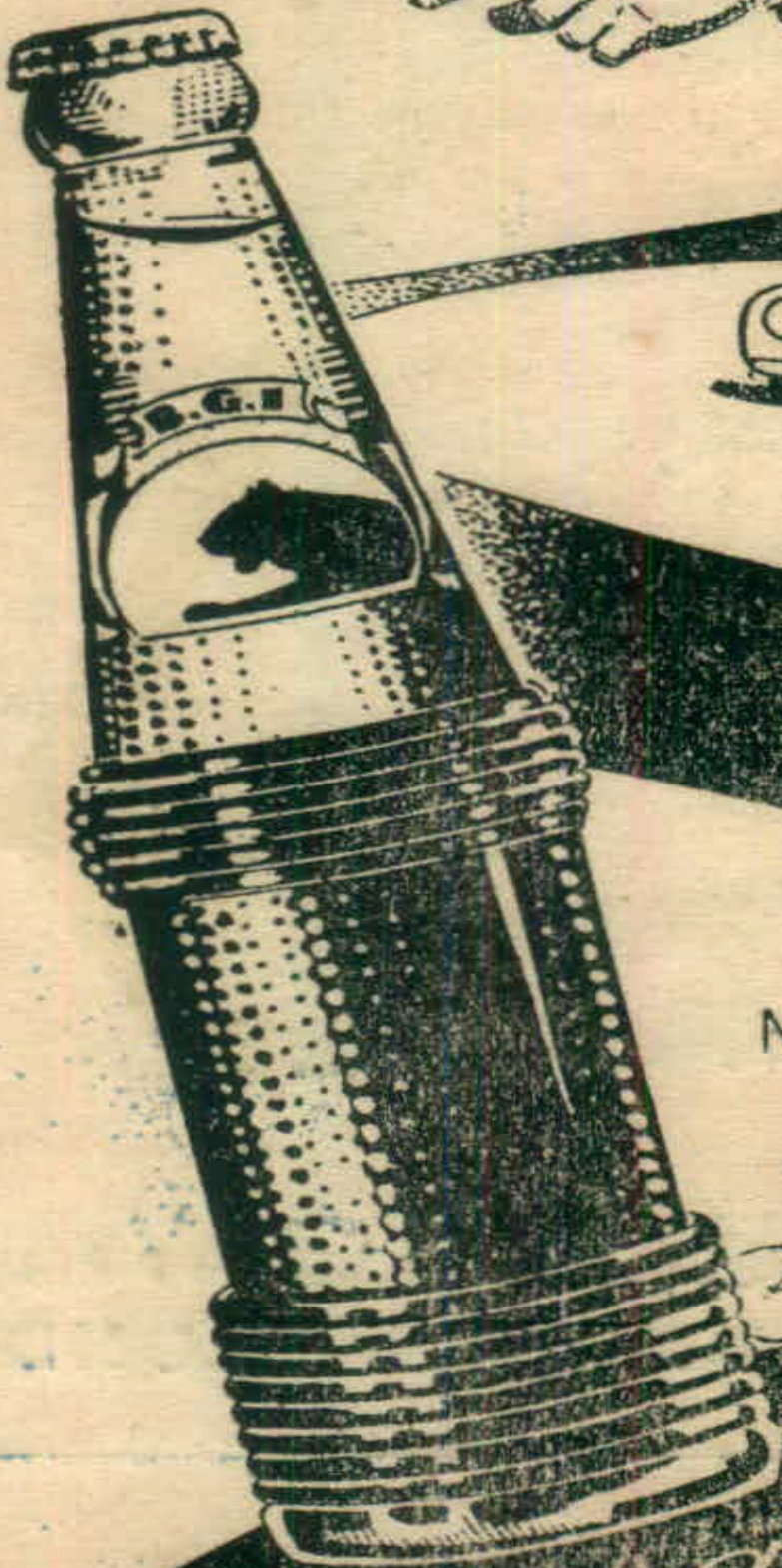
TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ÀM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT



Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai HỒA TIÊN!

CAPSTAN

MEDIUM



W.D.&H.O.WILLS.
BRISTOL & LONDON